

VĂN HÓA

PHẬT GIÁO

Về sự nhẹ dạ

Tr. 3

...
*Bên chén trà
du ký*

Tr. 12

Con đường
ánh sáng

Tr. 38

**Bóng đá
Sea Games...**

Tr. 6





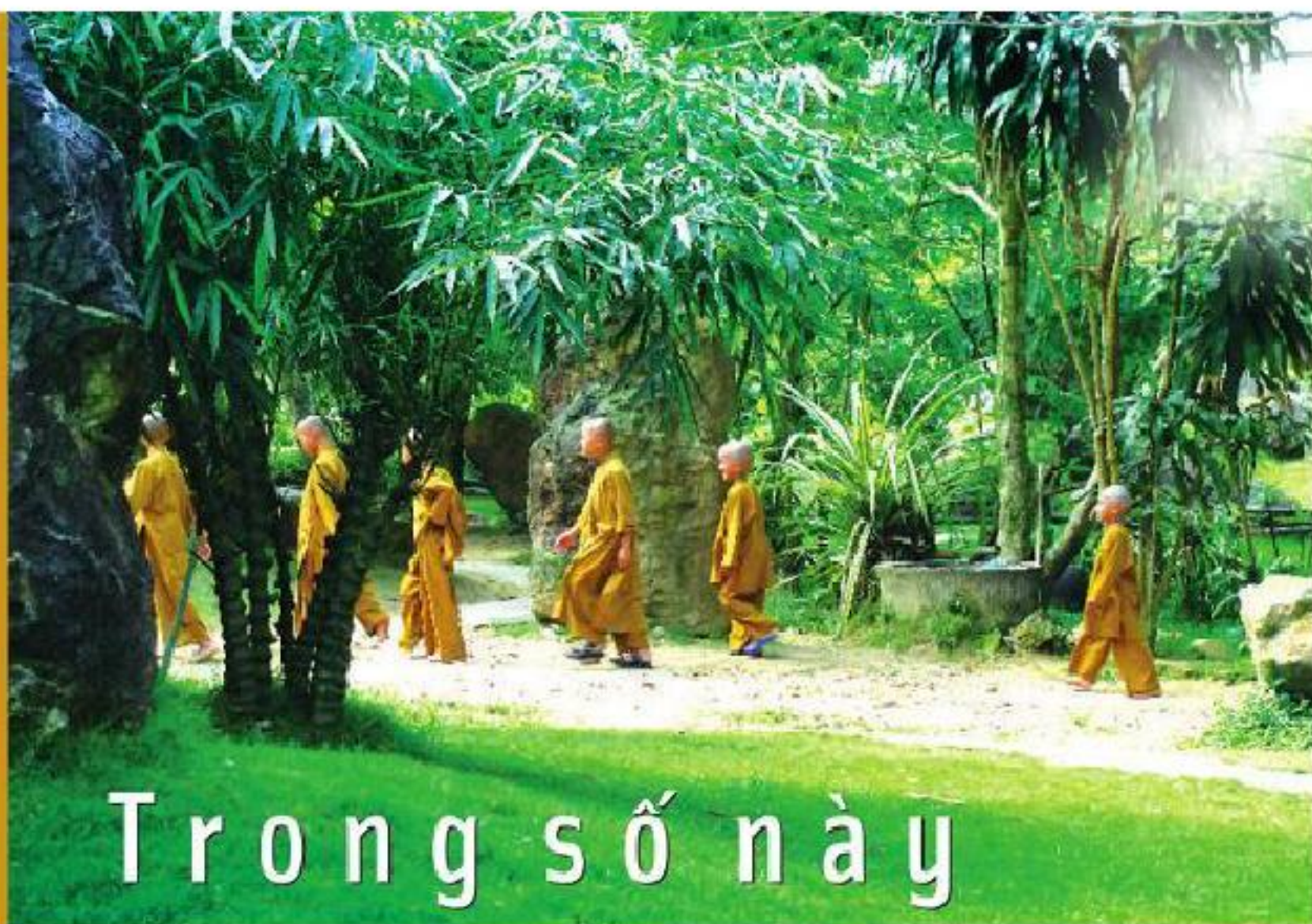
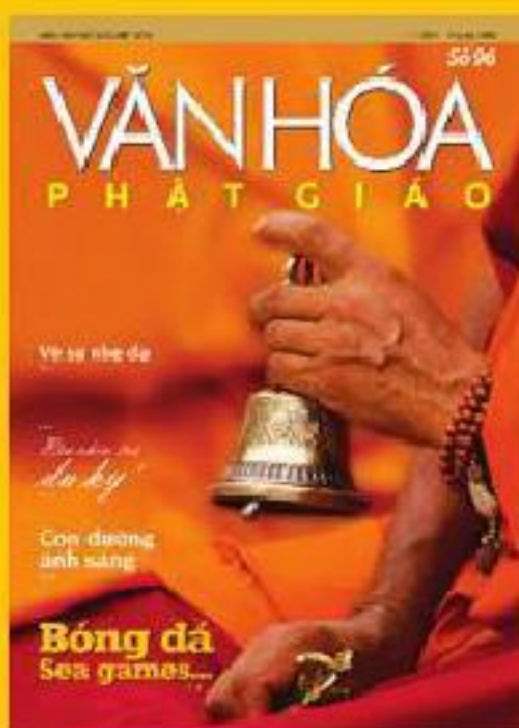
TÔN HOA SEN

HOA SEN SẢN PHẨM CỦA HOA SEN GROUP

Mái ấm gia đình Việt



Địa chỉ: Số 9, đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần 2, Dĩ An, Bình Dương
Văn phòng đại diện: 215-217 Lý Tự Trọng, P. Bến Thành, Q. 1, TP. HCM
Tel: (+84 650) 3790 955 - (+84 8) 3910 6910 * Fax: (+84 8) 3910 6913
Email: sales@hoasengroup.vn www.hoasengroup.vn



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIỆN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MÃN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Cô Hồ Thị Phương Châu, DD: 0914 063 669

Quảng cáo
Cô Suong, DD: 0918 032 040

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Văn hóa - Thông tin
số 96/GP-BVHTT và 66/GP-SĐBS
Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1 TP. Hồ Chí Minh

Về sự nhẹ dạ (Nguyễn Văn Nhật)	3
Sương mai	5
Bóng đá Sea Games từ mất đến được (Hà Thúc Hoan)	6
Mẹ ơi, đừng đánh con đau (Huỳnh Kim Bửu)	9
Mùa xuân, bên chén trà du ký (Tuệ Giác)	12
Ước mong hạnh phúc (Nguyễn Ánh)	16
Khổ là gì, và không khổ là gì? (Glenn Wallis)	18
Đối mặt sức nóng (Joseph Goldstein)	20
Là mây hay gã cùng tử (Mây)	22
Từ Đàm, ngôi tổ đình lịch sử (Nguyễn Trọng Nghĩa)	24
Khi nước trăm sông hòa về biển cả (Lam Khê)	26
Hương Đạo (Phạm Thế Toàn tổng hợp)	28
Còn bao nhiêu con đường phải đi qua? (Phạm Văn Nga)	30
Đối mặt với sợ hãi (Châu Văn Thuận dịch)	32
Phật giáo trợ giúp cho y khoa (Sophie Coignard, Hoàng Phong lược dịch)	34
Bàn về hạnh phúc (Trịnh Đức Vinh)	36
Con đường ánh sáng (Nguyễn Cần)	38
Chim hót trong lồng (Quách Giao)	40
Vườn chùa xứ Huế (Dương Hải Vân)	42
Văn hóa giáo dục Phật giáo (Lý Kim Hoa)	44
15 ngày	49
Những giai điệu của mùa xuân (Vĩnh Hiền)	50
Thơ	52
Như một lời chia tay (truyện ngắn của Cầu Đất)	54
Mấy cọng rơm vàng... (Thụy Nguyên)	57
Lời cảm ơn cuộc sống	60
Món chay: Chả khoai tía (Hoàng Anh - Phú Xuân)	61

Bìa 1: Diệu âm.



Thư tòa soạn

Quý độc giả thân mến,

Bước vào năm mới 2010, bên cạnh niềm vui về những thành tựu của đất nước trong việc nỗ lực mang lại cho toàn dân một cuộc sống ấm no hạnh phúc, người Phật tử Việt Nam vẫn không ngớt băn khoăn trước vô vàn hiện tượng có sắc thái tiêu cực còn ngang nhiên tồn tại trong xã hội. Quan trọng nhất là những cố gắng để phục hồi các giá trị thiêng liêng, xác lập những tiêu chuẩn cho một nhân cách trung bình, xây dựng một nền đạo đức dựa trên những nhận thức nhân bản... có vẻ như chưa đem lại kết quả mong muốn.

Tất nhiên, chúng ta không đánh giá thấp việc uy thế của Nhà nước Việt Nam vẫn đang ngày được nâng cao trên trường quốc tế, thế nhưng người Phật tử Việt Nam không thể yên tâm một khi uy thế của đất nước không song hành với giá trị nội tại của dân tộc. Thật vậy, chúng ta đều biết rằng ngoại tương của một phạm trù cần tương xứng với nội hàm của phạm trù đó. Tình trạng mất cân xứng giữa sự thể hiện ra bên ngoài với thực lực nội tại luôn luôn chứa đựng nhiều điều không thể lường trước được. Dù sao, chúng ta cũng phải tin tưởng vào tiến độ của đất nước. Và chính vì vậy mà chúng ta phải tiếp tục nỗ lực hơn nữa trong việc góp phần gây dựng lại và làm tỏa sáng những giá trị cao đẹp của văn hóa dân tộc trong lúc vẫn chắt lọc tiếp thu những tinh hoa của văn minh nhân loại.

Thực tại lịch sử đã cho phép Văn Hóa Phật Giáo có một tín tâm kiên cố rằng Phật giáo vẫn có sẵn những giải pháp cho việc phục dựng một nền đạo đức có tính cách nhân bản để người Việt cùng nhau tổ chức một cuộc sống hài hòa, loại trừ dần lối sống có thể mang lại những nhân tố bất ổn tiềm tàng gây hại cho tinh thần đoàn kết dân tộc và làm chậm quá trình phát triển của đất nước. Với tín tâm đó, VHPG số 96 tiếp tục chuyên chở những suy nghĩ dựa trên giáo pháp của Đức Phật của những người có ưu tư với mọi vấn đề liên quan đến nhận thức và cuộc sống tâm linh, với hy vọng có thể đóng góp được những gợi ý cho các bậc thức giả và những người có trách nhiệm định hình những giải pháp cho việc xây dựng một kế hoạch phát triển bền vững, chặn đứng mọi yếu tố có thể làm phương hại đến những thành tựu khiêm tốn mà đất nước ta đã đạt được.

Về mặt thực hiện, VHPG vẫn luôn mong mỏi có được sự đóng góp bài vở một cách tích cực của bất kỳ ai có cùng mong muốn xây dựng một chương trình kế hoạch phát triển bền vững cho đất nước như nguyện vọng của VHPG, đặc biệt là sự góp mặt của những người trẻ đang có khát vọng biểu hiện những ý kiến mang nhịp thở của thời đại. Ý hướng đó đã được thể hiện qua việc VHPG không ngừng cải tiến cả về nội dung lẫn hình thức trong suốt năm năm qua. Bước sang năm hoạt động thứ sáu, với sự góp sức của mọi bạn đọc và bạn viết, VHPG sẽ cố gắng hơn nữa để tạp chí VHPG xứng đáng với sự tín nhiệm và tình cảm của độc giả. Những cải tiến từng bước của VHPG, chúng tôi sẽ lần lượt nêu ra trong những lá thư tòa soạn để trao đổi cùng quý độc giả, với hy vọng sớm có sự góp ý xác đáng của chư vị.

Như đã nêu trong các số trước, VHPG Xuân Canh Dần cũng là số đặc biệt kỷ niệm năm năm ngày VHPG phát hành số đầu tiên. Một lần nữa, VHPG mời gọi mọi người gửi đến cho chúng tôi trước ngày 15-01-2010 những ý kiến đóng góp thẳng thắn cũng như những tình cảm chân thật qua những bài viết ngắn để chúng tôi có thể trích đăng hoặc đăng toàn văn trong chuyên mục kỷ niệm năm năm VHPG góp mặt trong lĩnh vực truyền thông Phật giáo.

Trước thềm năm mới 2010, Văn Hóa Phật Giáo chân thành kính chúc quý độc giả một năm với vạn sự an lạc và vô lượng cát tường.

Văn Hóa Phật Giáo

Về sự nhẹ dạ

NGUYỄN VĂN NHẬT



1. Nhẹ dạ cả tin là trạng thái tâm lý của một số người sẵn sàng tin vào một hay nhiều người khác hoặc một hay nhiều sự kiện chỉ được nghe nói mà không dựa vào bất kỳ một chứng cứ hay một sự hiểu biết hợp lý nào. Tính nhẹ dạ cả tin không chỉ là việc tin vào một điều gì đó không thật. Đối tượng của sự cả tin có thể là một điều đúng đắn, nhưng vấn đề nằm ở chỗ một người có tính nhẹ dạ cả tin thì họ sẽ không cần quan tâm đến bất kỳ một bằng chứng xác thực nào làm cơ sở cho niềm tin của họ. Vì sẵn sàng tin mà không cần kiểm chứng, người có tính nhẹ dạ cả tin dễ dàng trở thành nạn nhân của các trò lừa đảo. Thời gian gần đây, người ta được biết vô số những chuyện tưởng chừng không thể xảy ra mà vẫn xuất hiện nhan nhản trên mặt báo về các trường hợp kẻ lừa đảo dựng ra những chuyện hết sức vô lý mà vẫn đưa được nhiều người vào tròng. Có thể thấy vụ vòng đeo tay Phật Quan Âm làm bằng titan mới bị phát hiện trong khoảng tháng 11 năm nay là một trường hợp điển hình mà nạn nhân là nhiều người nhẹ dạ cả tin.

Một cô sinh viên mới học năm thứ ba khoa tiếng Trung Quốc thuộc Trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội đã nằm trong tay một công ty trách nhiệm hữu hạn có tên là Special TV Shopping được chính quyền thủ đô Hà Nội cấp phép. Sau khi mua của Công ty Đồ Trang Sức Thẩm Quyền (Trung Quốc) một số vòng đeo tay với giá chỉ là 32 nhân dân tệ cho 20 bộ sản phẩm, tính ra chỉ bằng 4.000 đồng VN một bộ, cô sinh viên này đã thuê quảng cáo trên các phương tiện truyền thông đại chúng để giới thiệu rằng sản phẩm trên đã được tổ chức kiểm định uy tín nhất thế giới là SGS của Thụy Sĩ công nhận có nhiều khả năng cải thiện sức khỏe cho người đeo chúng. Và cô ấn định giá bán sản phẩm ấy với mức 990.000 đồng VN một bộ. Theo tin của các báo, số khách hàng đã bỏ tiền ra mua những vòng đeo tay Phật Quan Âm có thể lên đến hàng vạn người, không chỉ là người ở tỉnh lẻ hay nông thôn mà ngay cả những người dân Hà Nội cũng bị cô sinh viên năm thứ ba này cho vào xiếc.

Trong vụ lừa đảo này, có người đã quy trách cho sự đồng lõa của một số phương tiện thông tin đại chúng khi quảng cáo sản phẩm mà không dựa trên những kết quả kiểm nghiệm nghiêm túc. Ở đây, chúng ta không bàn đến vấn đề

đó mà chỉ muốn giải thích nguyên nhân của thái độ nhẹ dạ ở những người sẵn sàng tin vào một điều gì đó mà không nghĩ đến việc kiểm chứng, không cần đến những chứng cứ xác thực, không dựa vào nhận thức thông thường, bỏ qua mọi sự thận trọng cần thiết trước khi can dự vào một hành động.

2. Trong vòng vài chục năm trở lại đây, đã có không ít những vụ lừa đảo có thể thu hoạch bạc tỷ từ những người nhẹ dạ với số nạn nhân cũng lên

đến con số hàng vạn hay hàng chục vạn. Những vụ như giật hụi, góp vốn làm ăn để được hưởng lãi suất cao, góp vốn tín dụng với những khoản khuyến mãi hấp dẫn, lao vào nhấn tin trên các mạng điện thoại di động với hy vọng trúng số... bên cạnh đó, cũng có những vụ như kéo nhau đến những nơi được cho là có năng lực trị bệnh để được lành bệnh như trường hợp khu vườn kỳ lạ ở huyện Đức Hòa tỉnh Long An, rủ nhau đến tham quan những nơi được đồn đại là có Chúa hiện ra, thi nhau hứng nước được cho rằng chảy ra từ mắt của Đức bà Maria khóc thương con chiên, khát nhau có hào quang hiện ra ở nơi có tượng Đức Phật bà Quan Âm... có vẻ ngày càng được mùa.

Không phải tất cả những kẻ gieo rắc niềm tin mù quáng đều nhắm tới mục đích lợi nhuận. Bên cạnh những vụ lợi dụng để kiếm tiền, còn có những vụ có mục tiêu gây xáo trộn xã hội, hư hỏng thanh thế hoặc lôi kéo tín đồ. Nhưng dù với mục tiêu nào đi nữa, những kẻ gieo rắc niềm tin mù quáng đều dựa vào cùng một nguyên lý, đó là, trong xã hội luôn luôn có những con người nhẹ dạ cả tin; và sau khi đã biết mình bị lừa, những người nhẹ dạ cả tin ấy lại không dám công nhận sự khờ khạo của mình mà còn ra sức bênh vực nguồn lừa đảo để chứng tỏ rằng mình đúng. Chính những kẻ bị lừa đầu tiên lại trở thành cái loa tuyên truyền cho kẻ lừa đảo, lôi cuốn tiếp những người sẽ bị lừa đảo khác. Như vậy, nhân tố quan trọng tạo nên sự thành công cho những kẻ gieo rắc niềm tin mù quáng chính là những người nhẹ dạ cả tin.

3. Trước hết, có thể khẳng định rằng sự nhẹ dạ dẫn xuất từ sự thiếu hiểu biết mà thuật ngữ Phật giáo gọi là si, một

trong ba tâm sở bất thiện căn bản đã được phân tích bởi Duy thức học. Vì thiếu hiểu biết nên con người sẵn sàng tin tưởng một cách mù quáng mà không cần kiểm chứng. Hơn nữa, vì thiếu hiểu biết nên nếu có muốn kiểm chứng kẻ nhẹ dạ cũng không biết cần phải bắt đầu từ chỗ nào. Chẳng hạn, khi được nghe nói một loại thực phẩm nào đó có công năng chữa bệnh ung thư, nếu là một người có hiểu biết, chắc chắn người ấy phải kiểm chứng xem loại thực phẩm ấy có chứa những dược chất đã được công nhận có khả năng chữa được bệnh ung thư hay không. Khi phân chất thấy rằng trong loại thực phẩm nói trên không chứa những dược chất ấy thì người có hiểu biết không tin. Hoặc nếu nói rằng loại thực phẩm ấy chứa những dược chất mới được phát hiện là có khả năng chữa khỏi bệnh ung thư thì người có hiểu biết cũng chờ sự việc được kiểm chứng qua thực tế, được các tạp chí khoa học chuyên ngành y học xác định, công bố. Ngược lại, với những người thiếu hiểu biết, chỉ cần kẻ tuyên truyền đưa ra những chứng cứ mơ hồ rằng ông A, bà B đã sử dụng loại thực phẩm đó và đã lành bệnh là đủ để thuyết phục cho họ tin mà không đòi hỏi nhiều hơn.

Thứ hai, cũng trên cái nền của tâm sở si, kẻ có lòng tham càng dễ bị dẫn dắt để trở thành nhẹ dạ cả tin và là nạn nhân của mọi trò lừa đảo. Những người kiên nhẫn gửi vô số tin nhắn qua mạng điện thoại di động để mong cầu trúng số hay được nhận hàng khuyến mãi, những người góp vốn cho các cơ sở kinh doanh để hưởng các khoản lãi suất cao vượt khung... đều bị lòng tham làm mờ mắt, nhưng cũng vì không đủ hiểu biết để nhận định những yếu tố lừa gạt đằng sau các lời mời gọi hấp dẫn nên mới trở thành nạn nhân. Lòng tham không chỉ hạn định ở việc tham cầu vật chất hay tiền bạc. Trường hợp những người bị lừa trong vụ vòng đeo tay Phật bà Quan Âm bằng titan nêu trên, thực ra họ cũng bị kích thích bởi lòng tham cầu về phương diện sức khỏe, bên cạnh đó còn có những người chịu tác động của lòng tham cầu về tiếng tăm, muốn tỏ ra mình cũng có khả năng mua sắm những thứ hàng đắt tiền. Ngay cả việc mù quáng tin vào sự cứu rỗi của các thế lực siêu nhiên rồi thực hiện những hành vi theo sự chỉ định của các hàng giáo phẩm các tôn giáo cũng là một hình thái nhẹ dạ cả tin, thoát đầu tưởng như không bị tác động bởi lòng tham, nhưng thật ra trong đó cũng có yếu tố tham, ở chỗ có sự mong cầu về một chỗ ở trên cõi thiên đường, nơi được cho là con người sẽ có được cuộc sống đời đời với hy vọng muốn gì được nấy. Thái độ nhẹ dạ cả tin trong trường hợp này có vẻ như vô hại nhưng lại là trường hợp khó thoát ra nhất. Thật vậy, niềm tin ấy đã được gieo rắc suốt nhiều ngàn năm, được trao truyền từ đời này sang đời nọ, mang tính di truyền mạnh mẽ nhất, không dễ gì một người có thể trực nhận được rằng tin như vậy cũng là nhẹ dạ.

Thứ ba, ngoài tâm sở si đóng vai trò chủ đạo, kẻ nhẹ dạ cả tin còn bị tác động bởi tâm sở sân. Thí dụ, do có sẵn lòng căm giận hoặc ghét bỏ đối với một người nào đó, ngay khi nghe có người khác nói xấu về người ấy hoặc nhận được tin đồn về việc người ấy gặp một hoàn cảnh không may mắn

nào đó, kẻ nhẹ dạ liền tin ngay lời nói xấu hay tin đồn kia là đúng sự thật và có thể giúp loan truyền lời nói xấu hay tin đồn, hoặc vì tin ngay lời nói xấu hay tin đồn mà kẻ nhẹ dạ thực hiện các hành vi gây hại cho người bị ghét bỏ. Tóm lại, chính vì thiếu hiểu biết nên con người mới nhẹ dạ cả tin. Nói khác đi, yếu tố chính dẫn dắt con người đến chỗ nhẹ dạ cả tin chính là tâm sở si.

4. Để gột rửa tâm sở si, con người phải tu tập sao cho đạt tới tuệ giác. Theo giáo pháp nhà Phật, để đạt tới tuệ giác, con người phải có niềm tin chân chính. Thật vậy, trong ngũ căn và ngũ lực thì tín đứng đầu và tuệ đứng sau cùng, cho thấy tín chính là cơ sở để đạt đến tuệ. Tuy nhiên, khác với tất cả những tổ chức tôn giáo hay xã hội khác, thường đòi hỏi các thành viên của họ phải tuân phục tuyệt đối những quy định, những lý thuyết, những giáo điều... do các bậc sáng lập và các viên chức của những tổ chức ấy thiết định, Phật giáo không khuyên người ta tin tưởng một cách mù quáng. *Kinh Kalama* trong *Tăng Chi Bộ*, chương *Ba pháp*, cho biết, khi Đức Phật thấy những người thuộc bộ tộc Kalama sống trong thị trấn Kesaputta hoang mang vì tiếp xúc với nhiều hạng đạo sư khác nhau tìm đến với họ đều là những người để cao giáo pháp của mình và bôi bác giáo pháp của người khác, Ngài đã nói với họ, "*Này quý vị Kalama, đừng tin vì nghe truyền khẩu, đừng tin vì đó là truyền thống, đừng tin vì nghe đồn đại, đừng tin vì được ghi trong kinh điển, đừng tin vì lý luận, đừng tin vì suy diễn, đừng tin vì đã tư duy trên mọi lý lẽ, đừng tin vì dựa theo ý kiến đã được cân nhắc, đừng tin vì vị ấy có vẻ có uy quyền, đừng tin vì nghĩ rằng vị ấy là thầy của mình*". Tiếp theo, Ngài giảng thêm, "*Khi nào quý vị tự mình biết rõ: 'Các pháp này là bất thiện; các pháp này là đáng chê; các pháp này bị người trí chỉ trích; các pháp này nếu được thực hiện và chấp nhận, sẽ đưa đến bất hạnh khổ đau, quý vị hãy từ bỏ chúng. ... Khi nào quý vị tự mình biết rõ: 'Các pháp này là thiện; các pháp này là đáng khen; các pháp này được người trí ca ngợi; các pháp này nếu được thực hiện và chấp nhận, sẽ đưa đến lợi lạc hạnh phúc, quý vị hãy đạt đến và an trú'*". Rõ ràng, ngay sau khi khuyên những người Kalama không nên tin một cách cảm tính, Đức Phật nhấn mạnh đến việc khi một người biết rõ một pháp nào đó là bất thiện thì hãy nên từ bỏ và khi biết rõ pháp nào đó là thiện thì nên cố gắng đạt đến và an trú trong đó. Kinh cũng cho biết thêm là ngay sau đó, Đức Phật đã giảng giải để những người Kalama hiểu được lẽ nhân quả và luật duyên sinh, khiến những người Kalama ấy một lòng tin theo Phật.

Đoạn kinh trên cho thấy con người cần phải có niềm tin, nhưng niềm tin đó phải là niềm tin chân chính, dựa trên sự suy xét tận cùng vấn đề, rằng hành vi nào khi thực hiện thì có thể đem lại an lạc. Điều quan trọng là con người phải được truy vấn tới cùng về mọi sự kiện trước khi người ấy xác lập một niềm tin. Tóm lại, chỉ khi được giảng dạy để xác lập một chánh tín thì con người mới thoát khỏi mọi nguy tín và tà tín, một điều mà Phật giáo có thể cung cấp cho xã hội loài người để xóa bỏ trạng thái tâm lý nhẹ dạ cả tin nơi con người. ■

*Đối với lợi đắc, cung kính, danh vọng đã đến,
hãy từ bỏ chúng. Đối với lợi đắc, cung kính,
danh vọng chưa đến, chờ để chúng xâm chiếm
và an trú trong tâm.*

**Tương Ứng Lợi đắc, Cung kính –
Kính Tương Ứng Bộ**



Nguồn: vtc.vn, vcmmedia.vn

BÓNG ĐÁ SEA GAMES

Từ mất đến được

HÀ THỨC HOAN

1. Trong hai tuần lễ đấu của tháng 12 vừa qua, bóng đá Sea Games đã đem lại cho hàng triệu tín đồ túc cầu giáo Việt Nam nhiều cảm xúc. Cảm xúc lên đến đỉnh điểm trong ngày 16 với trận chung kết bóng đá nữ và ngày 17 với trận chung kết bóng đá nam. Trong trận chung kết bóng đá nữ, sau hai hiệp chính và hai hiệp phụ lo âu, căng thẳng theo dõi những cô gái Việt không còn ưu điểm về thể lực phải vất kiệt sức để giành lại chiếc huy chương vàng đang thuộc quyền sở hữu của những cô gái Thái trẻ khỏe, chúng ta như được chấp cánh để bay lên trời cao khi thấy Kim Tiến sút thành công quả phạt đền thứ ba rồi dang rộng hai tay chạy nhanh trên sân cỏ. Trong trận chung kết bóng đá nam, sau hơn 80 phút hồi hộp theo dõi các chàng trai Việt chống đỡ rất vất vả, khó khăn trước sức tấn công của những chàng trai người Mã vừa mới oanh liệt lật đổ tượng đài bóng đá Đông Nam Á, trái tim ta như ngừng đập, hồn ta như rơi xuống mấy tầng địa ngục khi trông thấy quả bóng chạm vào người Xuân Hợp rồi bay vào lưới trống trước cái nhìn bất lực của thủ môn Tấn Trường. Bóng đá Sea Games những ngày qua giúp cho chúng ta biết thế nào là hạnh phúc đến từ khổ đau, thế nào là thất vọng phát sinh từ hy vọng.

Lúc này, hai tuần lễ cuối của tháng 12 cũng vừa trôi qua, mọi cảm xúc đã có thời gian để lắng xuống, chúng ta hãy bình tâm tìm hiểu các cổ động viên người Việt mất gì, được gì qua những ngày cuồng nhiệt tham dự lễ hội bóng đá Sea Games?

2. Mất cái huy chương vàng tưởng như đã đeo trên ngực các cầu thủ bóng đá nam! Đó là câu trả lời có thể nhận được từ rất nhiều người. Trong cuộc thi "Cá ảo thắng thật" do nhật báo *Tuổi Trẻ* tổ chức, 97% lượt dự đoán "rớt đài" vì đã tin rằng đội tuyển Việt Nam sẽ chiến thắng đội tuyển Mã Lai để giành ngôi vị cao nhất. Báo *Tuổi Trẻ* ra ngày 17 cũng chỉ ra "5 lý do để tin U-23 VN vô địch". Có thể nói rằng đội bóng nam không được huy chương vàng là một mất mát lớn đối với hầu hết cổ động viên Việt Nam. Cái mất lớn này đã làm tan vỡ giấc mộng vàng đẹp nhất mà hàng triệu người Việt mới có được sau 50 năm chờ đợi. Có phải vì sự mất mát này quá lớn nên nhiều người đã không còn cảm thấy phấn chấn nữa khi biết lần đầu tiên Việt Nam có được hơn 80 chiếc huy chương vàng trong một kỳ Sea Games để tranh đua ngôi vị cao nhất với Thái Lan?

Xin được nhắc lại trong trận đấu với đội bóng yếu nhất giải là Đông Timor, bằng đội hình vắng ba cầu thủ trụ cột, suốt hiệp một các chàng trai của chúng ta đã không thể xuyên thủng hàng thủ của đối phương để kiếm được một bàn thắng nhằm lên tinh thần cho đồng đội và cổ động viên! Trong khi trước đó, đối đầu với đội bóng yếu nhất giải này, ngay từ hiệp một, đội tuyển Mã Lai đã khởi đầu một cơn mưa bàn thắng. Xin được nhắc lại ở đầu hiệp một của trận bán kết, trước sự tấn công ào ạt của các tuyển thủ Singapore có tuổi trung bình từ 19 đến 20, cầu môn của chúng ta đã bị nguy khốn đến ba lần và thủ môn tài ba Tấn Trường phải vào lưới một lần để nhặt bóng! Hơn ai

hết, huấn luyện viên Rajagopal của U 23 Mã Lai đã thấy rõ và nhớ kỹ hai điểm yếu này của U 23 Việt Nam. Cho nên đấu pháp của ông đơn giản là: Hiệp một cổ thủ, truy cản mãnh liệt để không cho Việt Nam ghi bàn, đồng thời phá sức và làm nản lòng những chàng trai Việt đang khát khao vinh quang của một lần đại thắng; hiệp hai tấn công ào ạt, gây bất ngờ và dồn đối phương vào thế chống đỡ thụ động để ghi cho được một bàn thắng vàng. Rõ ràng ông Rajagopal đã thành công với đấu pháp ấy. Trong hiệp một, như trong trận gặp Đông Timor, dù đã ra sức tấn công nhưng chúng ta cũng không thể đưa bóng vào cầu môn của đội bạn, dù chỉ một lần. Sang hiệp hai, giống trận gặp Singapore, bị tấn công mãnh liệt từ đầu, khung thành của chúng ta nhiều lần chao đảo, thủ thành bị chấn thương, hàng thủ rối loạn và kết quả tất yếu là “bi kịch” đốt lưới nhà của Xuân Hợp!

Người ta chỉ mất cái mà mình đã có hoặc có đủ tiêu chuẩn, đủ điều kiện để có. Với những gì đã phân tích như trên thì phải chăng cái huy chương vàng mà hàng triệu người Việt muốn “đúc” cho đội tuyển Việt Nam chỉ là sản phẩm của tình cảm và trí tưởng tượng? Nao nức, hồi hộp theo dõi trận chung kết với niềm tin tất thắng mà phải chứng kiến cảnh đội bóng thân yêu của mình chịu thất bại thảm thương, rất nhiều cổ động viên của bóng đá nước nhà, trong đó có tác giả bài viết này, đã vô cùng buồn khổ vì tưởng rằng mình đã đánh rơi cái huy chương vàng quý giá của bóng đá nam Sea Games 25 vào tay người Mã! Bây giờ, lắng lòng nghĩ lại, chúng ta mới nhận thấy rằng trên sân cỏ lắm khi khổ đau được tạo thành bởi nhận thức sai lầm, còn ở ngoài đời, thường khi đau khổ được phát sinh từ vọng tưởng, như một người đi đường hoảng sợ vì thấy sợi dây thừng xuất hiện từ xa mà tưởng lầm là con rắn...

3. Nhớ lại Sea Games 24 tại Thái Lan trước đây hai năm, với đội hình có cầu thủ được xếp loại ngôi sao, bóng đá nam Việt Nam đã trắng tay sau khi thảm bại với tỉ số 0/5 trong trận đấu tranh huy chương đồng với đội tuyển Singapore. Cũng trong Sea Games ấy, bóng đá nữ của Việt Nam đã để rơi chiếc huy chương vàng vào tay người Thái. Trong Sea Games 25 này, đội bóng đá nam không có sao mà đã thắng đậm Singapore với tỉ số 4/1 để có được cái huy chương bạc, còn đội bóng đá nữ của chúng ta có nhiều “lão tướng” mà đã huy hoàng giành lại chiếc huy chương vàng từ những cầu thủ Thái Lan được đánh giá là mạnh nhất trong năm đội bóng tham dự giải. Vậy, nếu tỉnh táo mà xét đoán, phải nhìn nhận trong lễ hội bóng đá Đông Nam Á này, chúng ta đã được nhiều mà mất chẳng có bao nhiêu.

Ở những dòng tiếp theo dưới đây, chúng tôi muốn nói đến một cái được khác quý giá hơn chiếc huy chương vàng, một cái được lớn hơn nhiều lần sự chiến thắng trên sân cỏ. Đó là tình yêu bóng đá, đó là thái độ quý trọng sắc áo màu cờ, đó là ý thức dân tộc được thể hiện qua lòng yêu nước mãnh liệt của hàng triệu người Việt.

Hãy ngắm nhìn “hình tượng” của một cổ động viên

bóng đá Việt Nam trên đường phố Sài Gòn hay Hà Nội, giữa sân Chao Anouvong hay sân vận động quốc gia Lào: “Một lá cờ ở dải băng quần trên đầu, một chiếc áo thun đỏ với ngôi sao vàng ở giữa ngực, một lá cờ đỏ sao vàng trên tay, nghĩa là có ba lá cờ trên người”². Hãy chú ý đến những cổ động viên “không chuyên” ở nơi đất khách: “Trong số hàng ngàn cổ động viên ấy, có những bà cụ mái tóc bạc phơ một đời đất khách quê người, những phụ nữ quanh năm buôn thúng bán bưng nơi đất lạ. Họ không hề biết thế nào là “Việt vĩ” hay “phạt góc” trong luật chơi của trái bóng, không thuộc tên một cầu thủ nào nhưng vẫn lặn lội đến sân chỉ để được nhìn thấy màu cờ Tổ quốc rực rỡ, để được đắm mình trong yêu cầu quê nhà...”³.

Tất nhiên trên sân vận động của nước bạn Lào cũng có nhiều cổ động viên mang màu cờ sắc áo của các nước tham dự Đông Nam Á Vận Hội lần thứ 25. Thế nhưng, trừ số cổ động viên đông đảo của nước chủ nhà, so sánh với số lượng áp đảo của cổ động viên Việt Nam, có thể nói rằng cổ động viên của các nước còn lại là quá ít ỏi và mất tác dụng như muối bỏ bể. Cho nên, nhìn thấy màu đỏ bao trùm lấy khán đài trong trận đấu chung kết bóng đá, nhiều phóng viên Việt Nam đã không sợ lỡ lời khi nói rằng sân vận động quốc gia Lào đã trở thành sân Mỹ Đình của Việt Nam.

Đến kỳ Sea Games này chúng tôi mới tìm ra lý do giải thích sự xuất hiện của lá cờ nước rất lớn trên khán đài mỗi khi dưới sân cỏ diễn ra trận đấu giữa đội tuyển Việt Nam và một đội tuyển nước ngoài. Với người Việt, xem bóng đá là cách bày tỏ tình yêu nước của một dân tộc mà suốt chiều dài của lịch sử mấy ngàn năm, thời chiến đã không tiếc máu xương đánh giặc giữ nước, thời bình đã không sợ hao tổn tiền bạc xây dựng quân đội hùng mạnh bảo vệ chủ quyền. Vì sự sống còn của dân tộc, vì phải liên tục đối đầu với tham vọng chiếm cứ và đồng hóa của nhiều kẻ thù giàu mạnh hơn nhiều lần, tình yêu độc lập, tự do của người Việt đã phát triển rộng lớn không cân đối với những tình cảm khác, như loài chim bói cá cần cái mỏ thật to, như dòng họ nhà cò cần đôi chân và cái mỏ thật dài để sinh sống và tồn tại trên ruộng nước hay sông hồ. Lịch sử đã hun đúc cho người Việt chúng ta lòng yêu nước mãnh liệt khác thường, cho nên khi xem bóng đá, cổ động viên người Việt chúng ta đã thể hiện tình yêu Tổ quốc bằng một lá cờ đại không giống ai.

Tất nhiên công dân nước nào cũng mang trong tim tình yêu bóng đá, tình yêu màu cờ sắc áo của họ. Hai nước Thái Lan và Campuchia cũng có chung đường biên giới với nước bạn Lào như chúng ta. Nhưng chỉ ở Việt Nam mới có cái cảnh tượng hăng hăng không phải mở thêm chuyến bay, các tua (tours) du lịch lữ hành dù đã tăng chuyến đến mức tối đa vẫn không còn chỗ, vì hàng vạn người dân không ngại đường xá xa xôi, không lo hao tổn tiền bạc, không sợ mất sức khỏe, tất cả đang cố công, ra sức tìm kiếm bất kỳ phương tiện gì để đến thủ đô Vạn Tượng (Vientiane) cổ vũ đội tuyển bóng đá nước nhà và được nhìn thấy tận mắt chiến thắng của Việt Nam. Cái được lớn nhất của bóng đá

Sea Games 25 này là tạo nhân duyên để tất cả chúng ta hân hoan mà nhận biết rằng vẫn còn đó một sợi dây tình cảm vô hình mà thiêng liêng nối kết hàng chục triệu trái tim người Việt từ thành thị đến nông thôn, trên đất liền cũng như ngoài đảo xa, không phân biệt nam hay nữ, giàu hay nghèo, sang hay hèn. Đó là tình tự dân tộc không hề có sự phân biệt giai cấp, tôn giáo hay chính kiến. Đó là ý thức dân tộc đã làm nên sức mạnh đại đoàn kết của Việt Nam hôm qua, ngày nay và mãi mãi về sau...

4. Sống ở thế gian, chúng ta thường có quan điểm nhị nguyên để phân chia và tách biệt được với mất, vinh với nhục, khen với chê, vui với khổ. Từ đó, người đời thường tranh giành bốn phần tốt đẹp là được, vinh, khen, vui cho mình và để dành bốn phần xấu xa còn lại cho kẻ khác. Thực hiện được ý đồ đó thì cảm thấy hạnh phúc, trong trường hợp trái lại thì cảm thấy khổ đau.

Theo Phật giáo, tám yếu tố lay động lòng người ấy là “bát phong xuy”, nó không do ông trời tùy tiện tạo ra một cách riêng biệt mà nó có liên hệ sinh tử với nhau và xuất hiện cùng một lần với nhau theo quy luật nhân quả: Có cái này vì có cái kia, cái này sinh thì cái kia sinh, cái này diệt thì cái kia diệt. Trên sân cỏ Sea Games, bài học Phật pháp đó được thể hiện một cách sinh động: Sau tiếng còi kết thúc trận đấu của trọng tài, cầu thủ đội thắng vừa vui sướng nhảy lên cao với nụ cười rạng rỡ trên môi thì đúng vào sát na ấy, cầu thủ đội bại đau đớn ngồi sụp xuống với hai hàng nước mắt.

Phật giáo khẳng định một nhân không thể sinh một quả, dù nhân đó là thần thánh. Phải có sự hỗ trợ của rất nhiều duyên thì nhân mới có thể tạo thành quả. Tiến Thành là nguyên nhân của bàn thắng thứ hai trong trận đấu bán kết giữa Việt Nam và Singapore. Nhưng nếu không có Thanh Hưng khéo léo đi bóng vượt qua hàng thủ của đội bạn rồi kết thúc bằng đường chuyền hoàn hảo thì làm sao Tiến Thành có bóng ở tư thế thuận tiện để ghi bàn? Để có bàn thắng đẹp như mơ ấy, ngoài Tiến Thành và Thanh Hưng, phải kể đến công sức của nhiều cầu thủ hôm đó và những ngày tháng miệt mài tập luyện dưới sự chỉ dạy của thầy Tô. Đó là chưa kể đến sự non yếu của những cầu thủ trẻ đội bạn và sự cổ vũ cuồng nhiệt của hàng vạn cổ động viên Việt Nam.

Chịu tác động của nhân duyên, ở một đội bóng cũng như trong cuộc đời của mỗi người, thắng bại, vinh nhục thường tiếp nối xảy ra như bóng theo hình, bất chấp ước mong và dự tính của chúng ta. Đội tuyển Thái Lan đang là ứng cử viên sáng giá nhất của chức vô địch bỗng nhiên bị loại ngay ở vòng đấu bảng. Những chàng trai người Mã tưởng như đã phải ôm hận mà về nước sớm sau thất bại trong trận đấu với Việt Nam, đã bất ngờ thắng người Thái trong mấy phút phụ du ở cuối hiệp hai để sau đó lên đến tột đỉnh vinh quang với chiếc huy chương vàng và chức vô địch. Còn Việt Nam, cái huy chương vàng tưởng như đã có đến 97% khả năng thuộc về chúng ta ấy, cuối cùng đã tan thành mây khói!

Sân cỏ chính là cuộc đời đã được Nguyễn Công Trứ gọi tên là “*trường danh lợi vinh liễn nhục*”, “*cuộc trần ai khóc lẫn cười*”. Cho nên người trí, sau khi đã làm hết sức mình, phải biết vượt lên trên được và mất, khen và chê để an nhiên nhìn đời như một “*cuộc hí trường*” (4) và nhìn thấy bóng đá chỉ là một trò chơi (game). Từ đó, mỗi lần đối diện với được và mất, khen và chê trong sân cỏ cũng như ngoài cuộc đời, chúng ta hãy hát lên *Bài ca ngất ngưỡng* của Uy Viễn tướng công: “*Được mất dương dương người thái thượng/ Khen chê phơi phới ngọn đông phong*”⁵.

5. Đối với mỗi người con Phật, chỉ có một trận đấu mà chúng ta phải đem tất cả tình cảm và trí tuệ, ý chí và nghị lực để giành cho được phần thắng. Đó là cuộc đấu tranh chống lại những kẻ nội thù có tên gọi là vô minh, là tham lam, sân hận, si mê, ngã mạn, v.v. Đó là cuộc chiến đấu liên tục, thâm lặng, cô đơn, vô cùng khó khăn và gian khổ, vì không có những tiếng reo hò cổ vũ, không được đồng đội yểm trợ, thiếu người chỉ huy dẫn dắt, chẳng có huy chương, bằng khen và tiền thưởng. Ca khúc khải hoàn trong một trận đấu như thế có nghĩa là chúng ta đã lập được một chiến công oanh liệt nhất:

*“Đấu tại bãi chiến trường,
Thắng ngàn ngàn quân địch,
Tự thắng mình tốt hơn,
Thật chiến thắng tối thượng”*. ■

Chú thích

1. Nhân đây chúng tôi cũng muốn nhờ những nhà bình luận bóng đá giải đáp giúp mấy nghi vấn. Đầu pháp đúng của ông huấn luyện viên người Mã có liên hệ gì với cách đá quyết liệt đến hung hăng của những cầu thủ trẻ người Mã? Gọi là hung hăng vì trong vòng đấu bảng, mũi giày của một cầu thủ Mã Lai đã lao như tên bắn vào cái đầu đoán định đường bóng bay của thủ môn Tấn Trường. Gọi là hung hăng vì trong trận đấu bán kết, một cầu thủ Mã Lai khác đã húc mạnh vào mình Tấn Trường, làm đứt một phần nhóm dây chằng vai, gây tổn thương nghiêm trọng cho cái tay bắt bóng của chàng thủ thành Việt Nam tội nghiệp. Ai cũng biết tài năng của thủ môn Tấn Trường là yếu tố quyết định sự vững vàng của hàng thủ Việt Nam. Vậy cầu thủ Mã Lai vô tình hay cố ý khi thực hiện những va chạm “chết người” ấy? Trước hai tình huống này, đâu là trách nhiệm của hai ông trọng tài “cầm cân nảy mực” trong hai trận đấu có mục đích duy trì và phát triển tình hữu nghị của các dân tộc?

2, 3. Lê Đức Dục, *Một tình yêu chỉ có ở... Vientiane* (Nhật báo Tuổi Trẻ, số ra ngày 17.12.09).

4. “*Tạo hóa gây chi cuộc hí trường*”. (Bà Huyện Thanh Quan, *Thăng Long thành hoài cổ*).

5. “*Người thái thượng*” là người thái cổ còn giữ được tâm trạng hồn nhiên, vô tư như trẻ thơ. Với trẻ thơ, mọi vật đều trở thành đồ chơi, mọi sự đều trở thành trò chơi. Trong cuộc sống, giống trẻ thơ, “*người thái thượng*” không cay cú ăn thua như nhiều người lớn ở thời văn minh hiện đại. Không biết căn cứ vào đâu mà gần đây tác giả một cuốn sách giáo khoa thuộc bộ môn Văn đã đổi “*thái thượng*” thành “*tái thượng*” để giải thích theo điển tích tái ông thất mã?

“*Đông phong*” là gió đến từ phương Đông, đó là gió xuân. Trong một kỳ thi tuyển ở Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. HCM, hầu hết thí sinh đều giải thích “*đông phong*” là gió mùa đông. Gió mùa đông làm sao mà “*phơi phới*” được?

6. *Kinh Pháp Cú*, bài 103 (Tỳ-kheo Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn Giáo, Hà Nội, 2000, tr.33).



Nguồn: herevietnam.vn

Mẹ ơi đừng đánh con đau

HUỲNH KIM BÙU

Xưa nay, người ta vẫn bảo Bình Định là cái nôi của hát bội. Thi sĩ "Túi thơ đeo khắp ba kỳ" là Tấn Đà, trong một chuyến "xuyên Việt" đã dừng chân ở Bình Định để xem hát tuồng và để lại câu thơ khen ngợi:

"Tuồng Bình Định, rạp Phú Phong
Nam Ô nước mắt, tình Đông chèo tầu"

Tôi ở một vùng quê thuộc Bình Định, quanh năm người quê tôi chăm lo làm ăn, đồng cày đồng sâu, chợ sớm chợ chiều, nhưng cũng có nhiều dịp để xem hát bội, thưởng thức món ăn tinh thần của mình.

"Rằm giêng hát hội Phò An"

Phần lớn các làng có lập đình thờ Thành hoàng. Có làng như làng Háo Đức lập chùa thờ Quan Vũ (tục gọi là chùa Ông), làng Liêm Lợi lập chùa thờ Bà Mụ linh đờ để cứu người cứu vật (gọi là chùa Bà), làng dệt Phương Danh lập chùa thờ tổ nghề dệt tơ lụa (tục gọi chùa Kén)... Các làng có lệ "xuân thu nhị kỳ" để cúng tế hàng năm ở các đình chùa. Việc cúng tế đó thường có kèm theo hát bội. Hát bội cũng thường được tổ chức khi làng sửa chữa, tôn tạo đình làng đã xong. Đám hát này gọi là hát "lạc thành". Tháng Giêng, sau Tết Nguyên đán, và

tháng Ba có tiết Thanh minh là những tháng rộ lên nhiều cuộc hát đình, hát chùa. "Lịch hát" được kể thành vè:

Rằm giêng hát hội Phò An
Đến ngày mười bảy hát sang chùa Bà
Hai mươi, hăm mốt, hăm ba
Muốn gần chợ Rượu muốn xa Cảnh Hàng
Chim kêu trên núi Chà Rang
Em đi xem hát giã sắn mốc meo.

Lịch đó mới kể đám hát trên đất liền, chưa có đám hát ngoài đảo xa. Quy Nhơn có ba đảo Nhơn Lý, Nhơn Hải và Nhơn Châu. Mùa xuân, các đảo luân phiên nhau hát: Hát chùa thờ Cá Ông, hát cầu ngư. Khi đảo này hát thì người các đảo khác đi xem, không đi xem thì bị trách móc, vì đó là tình đoàn kết của ngư dân. Người ta gác việc đi biển và dong thuyền buồm đi xem hát bội.

Những tư gia sinh quý tử, con cháu thi đỗ, người làm quan được thăng quan tiến chức, được sắc phong... cũng thường rước gánh hát về hát mừng, hát tạ ơn, và đãi cho bâng dân thiên hạ xem. Năm nào trong vùng cũng có một vài đám hát tư gia.

Hát đình, hát tư gia thường từ một đến ba ngày. Các vở tuồng để hát, quanh đi quẩn lại: Hát lễ trước hương án có *Cổ thành*, sau đó hát *San Hậu thành*, *Phụng Nghi đình*... Người ta tin tưởng rằng hình tượng Quan Công, trong *hát ấn*, hát lễ với mặt đỏ râu dài, tay cầm thanh long đao trên sân khấu và với đức trung nghĩa thiên thu phò Lưu Bị là hiện thân của thần linh phù hộ cho họ.

Lại còn có *hát trường* nữa. Có trường hát thì có ông chủ trường, chủ rạp. Ông chủ trường hát là người bỏ tiền ra lập trường hát vì mục đích kinh doanh, thường thì ông cũng là bầu hát. Nhưng cũng có những chủ trường hát "vô tư", lập trường hát là vì yêu hát bội hoặc yêu say đắm cô đào hát hay, thanh sắc mặn mà. Nói chi Bình Định, Đập Đá là chỗ phố thị giàu có, đông người phải có trường hát, rạp hát để lấy tiền người ta; ở các làng xã xa xôi hẻo lánh cũng có nhiều nơi lập trường hát, như xã Nhơn An của tôi có lúc có đến ba trường hát. Mỗi đợt hát trường thường kéo dài, có đợt cả tháng, hát đến khi nào hết tuồng, "tôn vương" hoặc khán giả hết tiền mua vé, mới thôi.

"Hát bội hành tội người ta"

Xem hát nhiều quá, nhà nông bỏ bê việc ruộng đồng (tệ hại nhất là khi nông vụ tấn thời), dân buôn bỏ chuyển, bà nội trợ bỏ chợ, dân chài bỏ đánh bắt cá... Hoặc giả ai đó có ráng đi làm thì cũng mất nhăm mắt mờ, năng suất hiệu quả công việc không ra sao. Đám học trò nhỏ chúng tôi cũng vì mê hát mà bỏ học.

Có một năm dân làng tôi thẩm thía bài học này. Năm đó làng An Định hát Tế thu, tổng ôn năm cũ. Mới bắt đầu hát thì trời đổ mưa. Hát ba ngày ba đêm, hết *Quan Công phò Nhị Tẩu* đến ba lớp *Giang Sơn* (San Hậu thành), trời vẫn mưa dầm. Người xem hát vẫn đông, dù phải đội nón mang tới đứng dưới mưa mà xem. Lúa hè thu chín

ngoài đồng ngâm tằm nước lụt, rục xuống, nứt mộng. Xem hát xong, người ta ra đồng vớt lúa mộng đem về nhà, sản lượng lúa mất quá nửa, khiến người ta dờ khóc dờ cười bảo nhau "*Hát bội hành tội người ta*", và chuẩn bị tinh thần đón cái tết nghèo, cái đói giáp hạt sắp tới khó tránh khỏi. Những năm sau tránh hát Thu kỳ lặp lại cảnh đó, người ta cất rạp hát ngàn chỗ ngồi và chỉ hát sau khi đã thu hoạch xong lúa hè thu, tức hạt lúa đã vào bồ, vào lẫm nhà nông rồi.

"Mẹ ơi đừng đánh con đau"

Nghề hát bội thường là nghề có truyền thống gia đình. Ông bà, cha mẹ làm bầu hát, theo nghiệp hát thì con cháu thường noi dấu, đi theo nghề. Tuy nhiên, nhà "ngoại đạo" cũng có con cháu theo nghề hát. Những ai ở trường hợp này thường bị gia đình không bằng lòng. Đó là bởi thành kiến "xương ca vô loại" mà điển hình là cô Lành ở làng An Định. Cô Lành mê hát rồi xin mẹ cho theo hát, làm đào cho gánh hát ông bầu Chấn ở trong làng. Mẹ cô là bà Hai Đẩu quyết không cho con gái mình theo hát, đánh đòn và đòi "tù" cô, mà vẫn không ngăn được. Từ khi cô Lành đi theo hát, bà Hai Đẩu như người tâm thần, ra đường gặp con gái nhà ai xinh như con mình, bà đều chỉ vào mặt, mắng:

Trống trâu thả lộn dây tiêu
Con theo hát bội mẹ liễu con hư
Ngó lên hòn núi Mù U
Con theo hát bội, xuân thu mẹ buồn

Nhưng cũng có trường hợp cha mẹ sớm thuận, chiều ý con, đó là nhờ lòng hiếu thảo của con cái:

Mẹ ơi đừng đánh con đau
Để con theo hát làm đào mẹ coi

Người ta sống theo hát bội

Tuồng hát bội thường có người trung, kẻ nịnh, có cảnh "người trung mắc nạn, đứa gian vui cười" nhưng đến hồi kết thúc thì tuồng nào cũng có "hậu". Thái tử hết hồi hoạn nạn, được lên ngôi vua. Trung thần trải gan dạ theo phò vua giúp nước được hưởng vinh hoa phú quý. Người què tới ngồi xem hát, thương – giận, cảm tức – hả hê theo tuồng, rồi về nhà sống cho mình, sống với xung quanh làng nước cũng bằng cách ấy, phản ứng tình cảm theo cách ấy. Từ đó, ai cũng lo ăn hiền ở lành, tin ở lẽ công bằng của trời đất, luật nhân quả, chính nghĩa tất thắng phi nghĩa, thần thánh không ở xa, rồi sẽ cứu khổ cứu nạn cho người tốt... Trong mỗi làng, thường có chùa thờ Quan Vũ, trong mỗi nhà thường có trang thờ Quan Công, tức là thờ cái lòng trung nghĩa thiên thu, dù gặp phải cảnh ngộ nào cũng không dời đổi của vị này.

Đó là người lớn, còn lũ nhỏ chúng tôi thì tối đi xem tuồng gì sáng về nhà rủ nhau diễn lại tuồng ấy. Cũng vẽ mặt lọ nổi, mang râu ngô, cầm thương giáo bằng gậy tre, cán trúc mà sắm vai tuồng. Thường, chúng tôi gặp khó khăn khi phân vai: không đứa nào chịu làm thằng



gian thần mặt mốc râu rìa như Bằng Hồng, Hàn Phụng... mà đứa nào cũng đòi được “thủ vai” người trung, tướng quân tài giỏi mặt đỏ râu dài, tướng mạo khôi ngô như Quan Vũ, Triệu Tử Long...

Từ mê hát bội đến mê đọc tiểu thuyết chương hồi

Dân làng hồi xưa rất ít người biết chữ nhưng người ta “mê” đọc sách hơn bây giờ. Mà chỉ mê một loại sách là tiểu thuyết chương hồi của Trung Quốc, kể đó là chuyện thơ nôm truyền khẩu trong dân gian. Lý do mê sách là bởi chính đây là “tích dịch ra tuồng”, không có tích thì làm sao có tuồng, đọc sách nghe sách là để hiểu thêm tuồng. Đọc sách *Tam quốc diễn nghĩa* là để biết thêm pho tuồng Tam quốc, đọc tiểu thuyết *Mạnh Lệ Quân* là để biết thêm tuồng Mạnh Lệ Quân, đọc tiểu thuyết *Ngũ Hồ bình Tây*, đọc truyện nôm *Thạch Sanh*, *Lưu Bình – Dương Lễ*... cũng nhằm mục đích ấy. Khách vào thăm làng, bất kể sớm trưa hay chiều tối vẫn thường được nghe tiếng đọc sách ở trong làng như nghe tiếng mẹ ru con, bà ru cháu vậy. Một người (thường là cậu học trò lớp nhì, lớp nhứt tiểu học) đọc ngân nga mà rõ to cho năm bảy người ngồi quây quần nghe chung. Cả người đọc lẫn người nghe đều lấy làm thích thú lắm, nhiều bữa quên ăn. Mà sách ở đâu? Người ta mua trong các phiên chợ Gò Chàm, Đập Đá, Cây Bông, Cảnh Hàng... Sách do nhà Tín Đức thư xā in, được các bà hàng xén, hàng cườn bày bán trên mẹt hàng, lẫn với tập vở, manh giấy, vàng mã, cau ăn trầu...

Hát bội thường trực trong đời sống của người quê tôi

Người lâu ngày không xem hát thấy lòng trống trải khó chịu. Lâu không gặp đám hát đình, hát đám thì họ tạo ra một hình thức “sân khấu” khác để được hát và xem hát cho đỡ ghiền, đỡ nhớ. Đêm hè trời nóng, muỗi vo ve, không ngủ được, cả xóm tụ lại nơi một nhà nào đó, chủ nhà đốt đèn lên, sắm nước trà, ngà mấy chiếc nong ra giữa sân làm “sân khấu”, thế là diễn ra cuộc hát. Ông bà nào hát hay, hay hát lần lượt tự nguyện bước ra nong

hát: nam, khách, tấu, lý mọi... kèm theo điệu bộ, tướng gì cũng được. Ai hát cứ hát, ai ngồi nghe cứ nghe, rồi uống nước trà, rồi kèn trống miệng inh ỏi đệm cho câu hát thêm hay. Đêm dần trôi về khuya, “đêm hát” thêm mùi mẫn, cho đến khi sương đêm sa xuống nhiều mới chịu vãn hát, rồi mạnh ai nấy về nhà ngủ. “Sân khấu” kiểu ấy xuất hiện mọi lúc, mọi nơi. Thợ gặt xế trưa ra đồng ngồi chờ cuốn lúa – hát; người nhàn rỗi tránh cái nóng trưa hè, ra ngõ có bóng tre trùm mát ngồi hóng gió – hát.... Trong đám cưới ngày nay, ít đám thiếu tiết mục hát bội góp vui; trong các lớp tập huấn, hội thảo, cán bộ người quê tôi vẫn góp vui vài trích đoạn hoặc vài câu nam, khách trong giờ giải lao. Tôi thường thắc mắc, không biết tại sao có câu ca dao:

“Ai về Bình Định mà coi

Con gái Bình Định múa roi đi quyền”

lại không có câu ca dao tương tự để “ca” Bình Định về hát bội.

Bình Định “mạnh” về khán giả hát bội, đồng thời cũng “mạnh” về đào kép hát hay nổi tiếng. Ngay từ hồi tóc để chỏm, đám hát ở đâu cũng chỉ được phép ngồi xếp bằng dưới đất mà xem, tôi đã nghe người lớn nhắc nhiều đến các tên tuổi Chánh ca Đưng, Bầu Nhưng, Cửu Vị... với tất cả lòng ngưỡng mộ. Khi lớn lên, tôi được nhiều dịp mục kích tài nghệ của các kép hát Hoàng Chinh, Long Trọng, Tư Cá...; các đào hát Ngọc Cẩm, Mộng Thu, Lệ Suyền... Các bà, các cô “mê” đào kép hát hay, đã không giấu:

Cửu Vị đóng Lý Phụng Đình

Dù chống có đánh thì mình cũng đi

Nói ra thì chuyện cũng kỳ

Hoàng Chinh đóng kép, mình thì mê ngay

Ngày nay, hát bội ít diễn, ít khán giả... Ở đất có Nhà hát tuồng Đào Tấn này, việc chấn hưng hát bội cũng không hề dễ. Mấy năm nay, nhiều làng quê tổ chức hát bội sau Tết Nguyên đán để cúng Thanh minh, cúng kỳ yên (cầu sự an vui) hơn là để phục vụ nhu cầu xem hát của trẻ, già, trai, gái trong làng như hồi xưa. ■



1. Mùa xuân này, nếu làm được một cuộc hành trình xuyên Việt để viết nên một du ký thưởng trà, ta có thể ghé thăm đến hàng chục hàng trăm địa chỉ uống trà cho thực khách trên đất nước. Nơi để uống trà thì hầu như tỉnh, thành nào cũng có, dù chưa nhiều và đều khắp, nhưng tập trung nhất vẫn ở các trung tâm văn hóa như Hà Nội, Sài Gòn, Hội An, Huế... Có một không gian uống trà rất thanh khiết, rất thú vị và thấm đẫm vị thiền, đó là không gian trà thất trong các ngôi chùa. Ở Huế, chùa nào cũng có một không gian ẩm trà dành cho nhà chùa, cho Tăng Ni Phật tử, cho khách thập phương, khách vãng lai du lịch, đặc biệt là những ngôi chùa nổi tiếng lâu đời và ở xa trung tâm như Từ Hiếu, Linh Mục, Huyền Không Sơn Thượng... Đó chính là những không gian Trà gắn gũi với Trà đạo của Nhật Bản nhất. Tuy nhiên, không phải ai ai cũng biết và có duyên được thưởng thức, vì chùa là nơi tôn kính không phải chốn ta bà, mà kẻ phàm phu tục tử lại không thuộc về thế giới của trà, của miền tao nhã, thanh khiết và u tịch đó.

Phổ biến hơn hết vẫn là thú uống trà ngoài xã hội.

Cùng với vũ trường, karaoke, quán bar, café... các quán trà cũng xuất hiện ngày càng nhiều trên các dãy phố. Đó là dấu hiệu vừa đáng mừng vừa đáng lo. Mừng vì thấy rằng thú tiêu khiển tao nhã này không những chỉ phục sinh mà còn thêm hưng thịnh. Nhưng mừng thì ít mà lo thì nhiều. Tuy không đến nỗi trở thành tệ nạn như một số vũ trường, quán bar, bia ôm, café đèn mờ... nhưng dấu hiệu của sự thiếu hiểu biết về văn hóa Trà cùng với sự lạm dụng nghệ thuật uống trà đang thể hiện rất rõ ở nhiều nơi. Tất nhiên vẫn còn rất nhiều địa chỉ đẹp của nghệ thuật thưởng trà như Kissaten ở thành phố Hồ Chí Minh, Trà quán L.T ở Bảo Lộc (Lâm Đồng), Trà đình Vũ Di ở cố đô Huế, Thẩm Hương Trà ở phố cổ Hội An, Trà Hoa ở Hà Nội... nhưng cũng thật rất tiếc, vẫn còn quá nhiều điều cần phải thấy và cần phải nói ra cùng nhau.

2. Theo nhiều tài liệu về Trà sử và Trà sử Việt Nam, người Việt Nam và cư dân Đông Nam Á nói chung đã biết uống trà từ rất sớm, chắc chắn là từ trước Công nguyên.



TUỆ GIẢI

Trà được uống dưới dạng tươi (chè xanh) đến dạng khô (trà). Thói quen uống trà đã trở thành một nét phong tục tập quán lâu đời, một nét đẹp trong văn hóa ẩm thực. Tuy chưa được nâng lên thành tín ngưỡng cái Đẹp, thành Đạo một cách chính thống với nhiều quy tắc nghiêm ngặt của nó nhiều thao tác hành lễ nghiêm cẩn như Trà đạo Nhật Bản, nhưng rõ ràng phong tục uống trà đã bắt rễ rất sâu vào cội nguồn văn hóa Việt Nam và trên con đường sâu thẳm của đời trà, cũng không biết tự bao giờ thú thưởng trà cũng đã được nâng dần lên thành một nghệ thuật sống của dân tộc, gắn bó với nhiều loại hình nghệ thuật khác của dân gian và cung đình. Trong lịch sử văn học Việt Nam, ta có nhiều tác giả với những tác phẩm độc đáo về Trà như Huyền Quang, Nguyễn Trãi, Cao Bá Quát... bên cạnh những tên tuổi của Lục Vũ, Lô Đồng của Trung Quốc. Một trong những tác phẩm văn chương viết về thú uống trà kiểu Việt sâu sắc, thú vị nhất có thể chính là *Vang bóng một thời* của Nguyễn Tuân - người nghệ sĩ tài hoa đầy vẻ

khinh bạc của nền văn học Việt Nam hiện đại. Những truyện ngắn *Những chiếc ấm đất*, *Chén trà trong sương sớm*, là một niềm hồi tiếc không nguôi về cái đã có vang, có bóng một thời, đã gần như trở thành những giai thoại: những Trà thoại được truyền đi theo làn hương của những cốc trà, có khi ở cả trong những câu chuyện phiếm sau những cuộc "Trà dư" (nhưng không phải là "Tứ hậu"!).

Một thời chiến tranh, một thời đói nghèo và gian khổ, số phận của nghệ thuật uống trà cũng thăng trầm theo vận mệnh, theo thịnh suy của đất nước. Từ khi đất nước hòa bình mở cửa hội nhập, đời sống kinh tế thay đổi như trong cổ tích, thì đời sống văn hóa cũng được phục hưng như có một phép mầu. Cùng với nhiều loại hình văn hóa nghệ thuật, nhiều thú tiêu khiển tao nhã khác, việc thưởng trà trong gia đình và ngoài xã hội ngày càng phát triển theo hướng tích cực, phong phú hơn, tinh tế hơn, có chiều sâu văn hóa hơn; nhưng tất nhiên, cũng cầu kỳ và tốn kém hơn!

Tự ngàn xưa, trà vốn là quà tặng của thiên nhiên cho mọi người, cho mọi nhà, cho mọi giới, mọi thành phần xã hội. Nhưng dần dần trong lịch sử phát triển của trà, khi được nâng từ việc giải khát thuần túy lên thành cái Đẹp, và cao hơn nữa là một tín ngưỡng cái Đẹp gắn với triết lý Thiền tông, lại kết hợp với nghi thức trình diễn và hành lễ trong các công đoạn pha trà, mời trà, thưởng trà, thì sự phân hóa đối tượng thưởng trà và mục đích dùng trà đã bắt đầu xuất hiện. Đã có lúc trà là phương tiện của chính khách với những mưu đồ vương bá (Trà trị), cũng có khi trà bị lạm dụng vào những lạc thú thấp hèn (Trà hoa)... nhưng may thay, cái thanh cao bao giờ cũng trở về với bản chất thuần khiết! Với người Việt Nam, trà lại trở về với nhu cầu giải khát trong chuyện ẩm thực hằng ngày, về với nghi lễ cúng tế ông bà tổ tiên, thổ thần đất đai, về với những buổi tiếp tân, nghinh khách trang trọng, những buổi họp mặt bạn bè, người thân hay trong những đêm trăng thanh gió mát chờ một đóa quỳnh nở muộn, một giò thủy tiên nức nụ sớm, một đóa mai nhiều cánh kịp báo xuân về hay mời một mảnh trăng treo nghiêng trên bầu trời đêm vào đáy cốc...

3. Nếu trong *Ngàn cánh hạc* cùng những tiểu thuyết khác như *Cố đô*, *Xứ tuyết*, *Người đẹp say ngủ*... Kawabata (1899-1972), người đầu tiên đem lại giải Nobel Văn chương cho xứ sở Phù Tang đã thể hiện niềm hồi tiếc sâu sắc và lời cảnh báo nghiêm khắc về nguy cơ suy vi và tàn phai của Trà đạo Nhật Bản, thì ở Việt Nam đã mấy ai lên tiếng về thực tế này?

Nguyên nhân đầu tiên và cơ bản nhất chi phối và làm băng hoại giá trị thanh khiết của thú uống trà thuần Việt của chúng ta là do sự chi phối của cơ chế thị trường, sự thương mại hóa loại hình nghệ thuật thanh cao này. Đồng tiền giết chết nhiều thứ mà trà cũng cùng chung số phận. Trước đây, ngoài những cốc chè, cốc vối đầu chợ, đầu ngõ của những người già em bé kiếm sống như một phương tiện mưu sinh, một hình ảnh ảm áp của quê hương, làng xóm, thì nghệ thuật thưởng Trà chưa bao giờ là phương tiện để kinh doanh làm giàu cả. Người ta chỉ pha trà để



uống trong gia đình, để tế lễ, để mời khách, để đồng ẩm cùng bè bạn... và chưa ai bỏ tiền ra để đi uống trà! Nay thì đã quá khác xưa rồi! Phải chăng đất nước đã khác xưa rồi thì trà cũng khác xưa theo??? Bây giờ những địa chỉ uống trà trở thành những điểm đến, những điểm hẹn cho nhiều đối tượng, trong đó không ít người đến đây không phải vì trà và nghệ thuật thưởng trà. Như vậy, cuối cùng chỉ còn có nhà chùa và gia đình vẫn tồn tại như những không gian Trà đúng nghĩa và không có sự len lỏi của đồng tiền. Ở B' Lao, một thị xã cao nguyên trà xanh bạt ngàn, có một địa chỉ uống trà có lẽ còn đúng tinh thần của lễ trà truyền thống. Hãy đến đó một lần để thưởng thức hương trà xứ lạnh. Đừng băn khoăn nếu bạn biết rằng đó là nơi mà bốn chữ Hòa (Wa) – Kính (Kei) – Thanh (Sei) – Tịch (Jaku), nguyên tắc cao quý của Trà đạo Nhật Bản, được tuân thủ nhất! L.T là một trà thất đúng nghĩa và không nhằm mục đích kinh doanh - một trà thất u nhã, thanh khiết, tịch liêu hiếm hoi giữa thời buổi "đại trà" này. Quán trà nằm khá tách biệt với không gian đô hội. Qua một lối trúc quanh co, bạn sẽ đến một không gian vườn cảnh được xây dựng và mang vẻ đẹp của dấu ấn thời gian gắn với không gian vườn cảnh Nhật Bản. Bạn sẽ được mời ẩm trà trong một trà thất đơn sơ được thiết kế và trang trí giản dị theo kiểu Nhật. Trà ngon luôn luôn sẵn có để đãi bạn hiền và chủ nhân sẽ niềm nở đón tiếp bạn cho dù chỉ mới lần đầu gặp mặt. "Trà nò, từ từ tương"! Có thể chính tay chủ nhân sẽ pha trà, rót trà đãi bạn với những thao tác thật điệu nghệ và trang nghiêm.

Phần lớn các địa chỉ Trà trên đất nước ta hiện nay đều là Trà kinh doanh dịch vụ. Đó không phải là lỗi của các chủ nhân. Họ vẫn cần phải sống, phải nuôi gia đình, phải

làm giàu nữa chứ! Mọi lý do đó đều chính đáng! Nhất là khi làm giàu mà vẫn được gắn bó với loại hình nghệ thuật tao nhã thanh cao là Thường Trà, mà đi với Trà là biết bao thành tựu văn hóa khác như kiến trúc, nhà vườn, cây cảnh, gốm sứ, cắm hoa, thư pháp, âm nhạc, hội họa, ánh sáng đèn màu... Dù sao đó vẫn là những địa chỉ thanh cao đáng tin cậy giữa muôn vàn địa chỉ mờ ám khác của nhịp sống thời hiện đại này. Cũng vì được thiết kế để kinh doanh nên các địa chỉ này đều có nhiều đầu tư tốn kém từ vườn cảnh, cây cảnh, nội thất, dụng cụ pha trà, nguyên vật liệu, và người phục vụ... Và tất nhiên, giá cả của mỗi cốc trà, mỗi tuần trà phải tương xứng với những vất vả mà chủ nhân đã bỏ ra. Nhìn chung các nơi uống trà này đều có không gian đẹp, nhưng chỉ ở những nơi còn đất rộng người thưa như phố cổ, cổ đô, Bảo Lộc, Đà Lạt... thì không gian Trà mới thật sự khoáng đạt, còn phần lớn, ở Hà Nội, Sài Gòn "tắc đất tắc vàng", thì vẫn xô bồ chật hẹp giữa muôn vàn âm thanh cuộc sống. Phần lớn các điểm trà này đều muốn vươn đến sự sang trọng, tinh tế của Trà cung đình nên đầu tư quá tốn kém, mà quên rằng trong Trà đạo Nhật Bản - đỉnh cao của nghệ thuật Trà thì cái Đẹp không phải ở sự xa hoa, sự giàu có, sự phô trương, mà ở sự giản dị đơn sơ nhất trong hai chữ, Sabi - vẻ đẹp tự nhiên, cổ sơ mang dấu ấn của thời gian, và Vabi - vẻ đẹp thường ngày, nguyên sơ giản dị và hữu dụng.

Cho nên ngay tên gọi cũng cho thấy sự khác biệt lớn trong quan niệm và sự hiểu biết về văn hóa Trà. Người Nhật gọi nơi uống trà bằng tre nửa đơn sơ của mình là túp lều (Tokonoma), ta dịch là Trà thất, còn ở Việt Nam đều gọi những cái tên thật sang trọng gắn với các không gian thật cầu kỳ và tốn kém trong kiến trúc: Trà cung đình, Trà hoàng cung, Trà đình và bình dân hơn thì gọi là Trà quán. Định danh một sự vật, một hiện tượng chính là cách thể hiện quan niệm của ta về nó. Vật dụng pha trà (Trà cụ) thì phần lớn hiện đại quá. Ta cũng thông cảm cho Trà chủ, vì giữa một không gian chật hẹp, đông khách ra vào, việc hiện diện những bếp lò than củi thật là bất tiện! Trang trí Trà thất phần lớn quá cầu kỳ với quá nhiều đèn lồng, tranh, hoa, thư pháp... rõ ràng đó là thiên ý và nhiệt tình của chủ nhân, nhưng nó làm cho không gian trà trở nên nặng nề, phô trương. Đối với Trà đạo Nhật Bản, đó là một điều tối kỵ. Ta cứ ghi nhận ở đây một tấm lòng của chủ nhân, nhưng vẫn phải từ chối một thị hiếu thẩm mỹ kiểu ấy!

Tiếp ta ở những điểm trà này là những người phục vụ phần lớn là các cô tiếp viên trẻ đẹp trong những trang phục truyền thống đã được đào tạo cấp tốc một khóa pha trà nên ít nhiều cũng đã điều luyện, không còn vụng về, ngượng nghịu. Nhưng cũng vì chỉ là người làm thuê, nên họ chỉ biết pha trà như một người phục vụ chu đáo lặp đi lặp lại cái công việc đó hàng ngày, hàng đêm chứ không có cái hồn của người pha trà gởi vào trong từng động tác, trong mỗi làn hương. Đó chính là điều mà khách trà luôn cảm thấy như thiếu thiếu, trống vắng một cái gì khó gọi tên. Còn chủ nhân các phòng trà này thì rất ít khi xuất

hiện, vì nhiều khi họ còn bận túi bụi dưới bếp, bên quầy thu ngân hay đang chạy qua chạy về giữa các cơ sở trà khác... Làm gì còn chuyện đàm đạo giữa chủ và khách về văn chương, nghệ thuật trong một làn hương trà thanh khiết. Trà để pha mời khách thì thật nhiều loại, nhiều hạng, nhiều giá để lựa chọn dưới nhiều cái tên thật ấn tượng... Nhưng nhiều quá đến chóng mặt! Và trong đó một số không ít tiếc thay đều ở dạng trà túi lọc, mà những hóa chất của một nền công nghệ trà hiện đại đã làm phai nhạt hương xưa ngày cũ mất rồi! Trà cũng như cách pha trà và cách thưởng trà thì hòa lẫn đủ mọi phong cách từ Trà Nhật đến Trà Hoa qua Trà Việt. Thôi thì miễn sao để được thư giãn tâm hồn, ta cũng không cầu nệ làm chi!

Còn Trà khách thì sao? Một khi đã trở thành dịch vụ, Trà cũng phải chịu sự trầm luân dưới sức nặng của đồng tiền và sự thô thiển, tục lụy của cuộc đời. Tìm đâu được thật nhiều những con người tao nhã, những kẻ “Trà si” bước ra từ những trang sách của Nguyễn Tuân một thời vang bóng, hay trong các Trà thoại ngày xưa. Khách trà ngày nay người cao niên vẫn rất nhiều nhưng giới trẻ cũng không ít. Người già đến với Trà chắc chắn vì họ đã yêu và gắn bó với Trà bằng cả cuộc đời, nhưng giới trẻ thì ta chưa thật sự yên tâm. Nhiều đôi chỉ đến quán trà vì đơn giản ở đó có những căn phòng ấm áp, kín đáo, ánh sáng bạch lạp lại mờ ảo (họ đâu biết rằng ánh sáng mờ ảo là quy định của Trà đạo Nhật Bản mà người Việt tiếp thu chứ không phải để khách Trà tình tự!!!). Hoặc là họ quá ớn ào ảm ỉ, một điều tối kỵ trong nghi lễ uống trà, hoặc là họ biến Trà thất thành nơi âu yếm tự tình, coi những người xung quanh như không tồn tại. Trên căn gác chật hẹp của một quán Trà đạo kiêm café và giải khát của một quán Trà trên đường Văn Cao (Hà Nội), giữa ngổn ngang những chiếc nệm bằng vải chứ không phải bằng cỏ như tatami của Nhật Bản, nhỏ đến nỗi chỉ đủ để kê lên gối chứ không đủ để quỳ gối kiểu Nhật, tôi đọc được ba tờ giấy dán lên tường nham nhở dòng chữ: “Xin quý khách vui lòng không nằm ra sàn nhà”. Thật là ngao ngán cho sự băng hoại của một nét văn hóa đẹp của ngàn xưa đã trở thành thuần phong mỹ tục của người Việt! Giữa hàng ngàn hàng vạn người vẫn khao khát được học Trà đạo, được dự lễ trà để tầm sư học đạo, để hoàn thiện bản thân, vẫn còn quá nhiều người lạm dụng văn hóa, giết chết văn hóa bằng một kiểu thưởng trà thật là kinh khủng! Một vài lời mạn đàm trên đây không thể nói hết thực trạng uống trà và tấm lòng người viết, cũng không phải là để chê bai kiểu uống trà của người Việt mình, mà để cao nghệ thuật Trà Nhật, Trà Hoa hay Trà Tây. Dù giàu sang hay nghèo hàn, phong lưu hay đạm bạc, vẫn cần phải giữ gìn cho được những nét đẹp trong văn hóa thưởng trà của người Việt Nam ta với cái đẹp dung dị, tự nhiên mà không kém chiều sâu trí tuệ và vẻ đẹp nhân văn. Dân mê trà chắc không ai không biết giai thoại về **UỐNG TRÀ ĐI** của Thiền sư Triệu Châu hỏi hai vị Tăng mới đến.

Triệu Châu Tùng Thẩm tham vấn rằng:

- Hai người đã từng đến đây chưa?

- Thưa chưa từng đến.

- Uống trà đi.

Lần khác Hòa thượng lại hỏi mấy vị Tăng mới đến rằng:

- Các người đã từng đến đây chưa?

- Thưa có đến rồi.

- Uống trà đi.

Thấy vậy, vị viện chủ bèn thưa rằng:

- Bạch Hòa thượng, đối với người mới đến tham học mà Hòa thượng dạy “uống trà đi” thì không sao cả, còn mấy người trước kia đã từng đến đây rồi sao Hòa thượng cũng bảo họ “uống trà đi”?

Triệu Châu mới lớn tiếng gọi:

- Thầy viện chủ.

- Dạ. Viện chủ đáp.

- Thầy uống trà đi. Triệu Châu nói.

Như vậy, đối với người mới đến hay đã từng đến tham học, Hòa thượng Triệu Châu đều không phân biệt và mời uống trà. Khi thọ nhận tách trà này với vô tâm thì có thể nói rằng vị ấy đã thấu triệt được cốt tủy của Thiền. Như chúng ta cũng đã biết, ngày nay hình thức Cha-no-yu (Trà Hội) vốn phát xuất từ trong thiền môn. Thiền sư Nhất Hư Tông Thuần đã truyền trao nghi thức này lại cho Châu Quang và Thiên Lợi Hư, người đã thành công trong việc hình thành nên Trà đạo. Chính Thiên Lợi Hư từng nói rằng: “Cha-no-yu nghĩa là biết cái gốc của việc chỉ đun nước sôi, khuấy trà rồi uống mà thôi”. Nếu như chúng ta quên đi cái gốc mà Lợi Hư đã từng nhấn mạnh thì Trà đạo không còn ý nghĩa nữa. Tuy nhiên mấy chữ chỉ mà thôi ấy cũng không phải dễ làm.

Nét đẹp văn hóa phải thuộc về ý thức của cộng đồng với sự góp sức của bao người qua bao thế hệ. Việc tiếp thu nét đẹp văn hóa của bạn bè trên thế giới để không ngừng làm phong phú, tự hoàn thiện văn hóa quê nhà, là một quy luật sống còn của mọi nền văn hóa, phải trở thành một ý thức sâu sắc và thường trực trong chúng ta.

4. Mùa xuân mới lại sắp về, ngoài hiên xuân ta chợt nghe một tiếng lá rơi của mùa Đông còn sót lại. Giữa mệnh mang cuộc đời với vô thường – vô ngã, giữa những khổ đau chấp chùng như những đợt sóng triều dâng... và khi không còn gì để bầu vùi, bị vong thân ngay chính trong thân tâm của mình thì trong tự thăm sâu bỗng vang lên một giọng từ bi khuyên hãy trở về nương tựa nơi hải đảo tự thân để bèn chén trà ta không còn thấy những thù hận, vị kỷ, vị ngã, đa nghi, thắng bại... Để làm cho lòng người còn cách xa nhau. Hãy uống cạn chén trà nóng để hương vị trà thấm sâu vào từng thớ thịt, vào từng ngõ ngách của con tim, để chúng ta có cơ hội sống thật với chính mình, sống thật với giá trị văn hóa mà mình đang có được, mà mở rộng tấm lòng đón nhận và phát huy những giá trị văn hóa của nhân loại...

Một thoáng mây bay, một làn hương trà thoảng giữa hiên xuân. Có lẽ, hạnh phúc sẽ không còn xa lạ nữa bên những chén trà vô ngã, vô ngôn ấy. ■

Ước mong *hạnh phúc*

NGUYỄN ANH

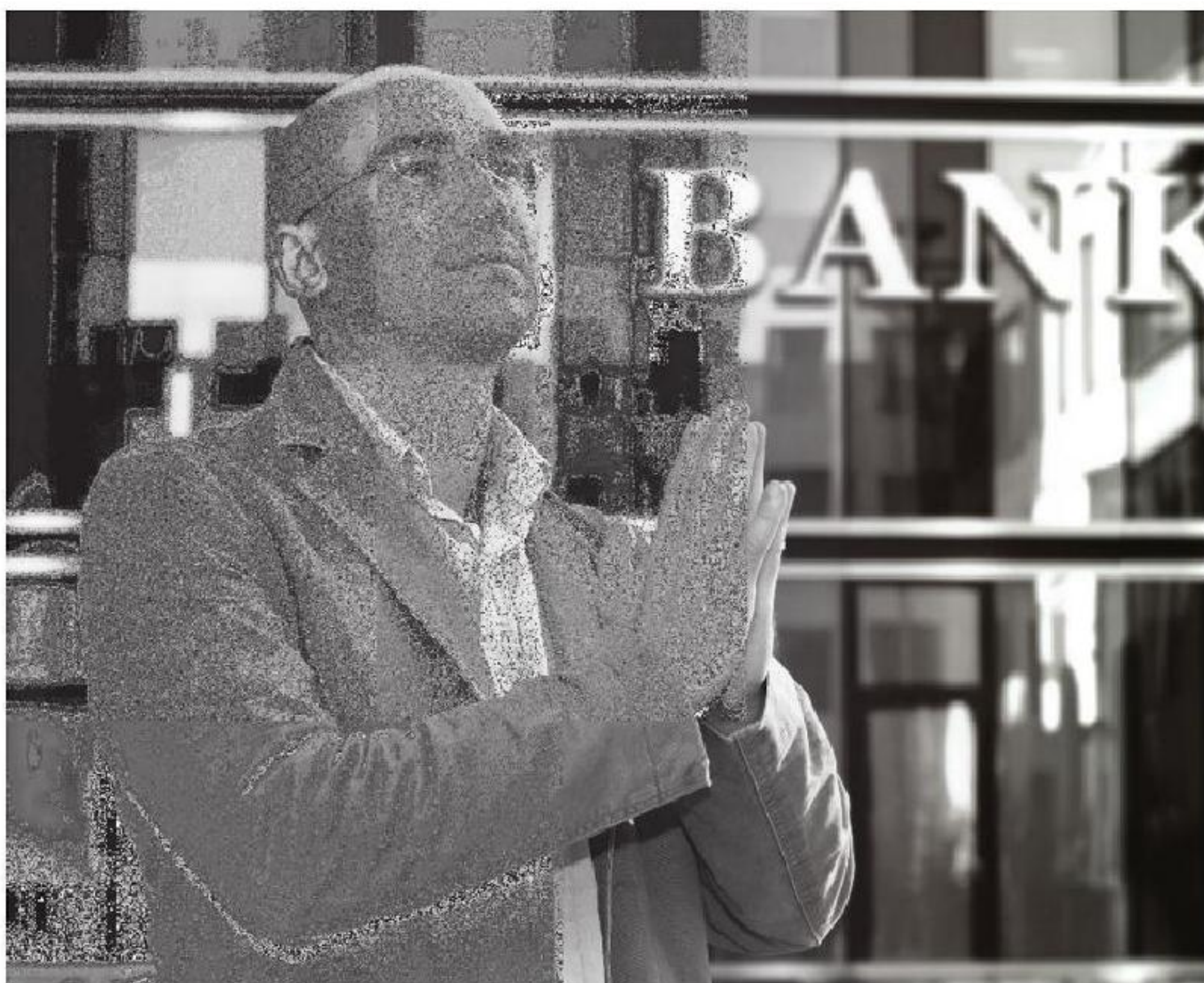
Một ngày kia, Đức Phật nói cho nhà doanh nghiệp nổi tiếng Cấp Cô Độc (*Anāthapindika*) về bốn ước mong khả ái nhưng khó thành tựu của người cư sĩ sống đời sống gia đình:

1. Mong thu hoạch được tài sản đúng pháp.
2. Mong có được tiếng đồn tốt đẹp về bản thân, về bà con quyến thuộc và các bậc thầy.
3. Mong được sống lâu, thọ mạng kéo dài.

4. Mong được tái sinh ở các cõi lành sau khi chết.

Đức Phật cho rằng bốn tâm nguyện hay bốn ước mong trên của người cư sĩ là chính đáng, khả lạc, khả hỷ, khả ý nhưng xác nhận chúng khó đạt được ở trên đời. Vì vậy Ngài đã chỉ bày cho cư sĩ Cấp Cô Độc bốn phương cách để đạt được bốn mong ước ấy. Đó là:

1. Nuôi dưỡng và phát triển lòng tin Phật một cách đầy đủ.
2. Tuân thủ đầy đủ năm giới cấm của người cư sĩ tại gia



(từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say rượu men, rượu nẫu).

3. Thực hành đầy đủ hạnh bố thí (sống ở gia đình với tâm không bị cấu uế xan tham chi phối, bố thí rộng rãi, với bàn tay rộng mở ưa thích từ bỏ, sẵn sàng để được yêu cầu, vui thích san sẻ vật bố thí).

4. Phát huy nếp sống trí tuệ (sau khi biết được dục tham là uế nhiễm của tâm, từ bỏ dục tham uế nhiễm của tâm; sau khi biết được sân hận là uế nhiễm của tâm, từ bỏ sân hận, uế nhiễm của tâm; sau khi biết được hôn trầm thụy miên là uế nhiễm của tâm, từ bỏ hôn trầm thụy miên uế nhiễm của tâm; sau khi biết được trạo hối là uế nhiễm của tâm, từ bỏ trạo hối uế nhiễm của tâm; sau khi biết được nghi là uế nhiễm của tâm, từ bỏ nghi, uế nhiễm của tâm).

Những lời dạy trên cho thấy Đức Phật hiểu rất rõ và quan tâm đến ước mong chính đáng của những người cư sĩ và cách thức giúp cho họ thực hiện thành công các mong ước chính đáng của mình. Bốn ước mong trên chính là mong ước hạnh phúc gắn liền với đời sống của người cư sĩ, nghĩa là tài sản, danh tiếng, tuổi thọ và phước báo đời sau. Người cư sĩ sống đời sống gia đình nên hạnh phúc của họ gắn liền với tiền tài, danh vọng, tuổi thọ và phước lạc đời sau. Phật cũng dạy rằng bốn ước mong trên của người cư sĩ là khó thành tựu, trừ phi họ biết nuôi dưỡng và phát triển bốn đức tính thiện lành là tin Phật, giữ giới, bố thí và trí tuệ.

Như vậy, cứ theo lời Phật dạy thì muốn có được tài sản chính đáng, có được danh vọng chính đáng, có được tuổi thọ, có được phước báo đời sau thì con người cần phải sống nếp sống chân thật và tin tưởng vào các giá trị chân thật (tin Phật), cần phải sống có giới hạnh đạo đức (giữ giới), cần phải nuôi dưỡng từ tâm sẵn sàng giúp đỡ mọi người khác (bố thí), cần phải sáng suốt trong vấn đề nhận thức và phân biệt thiện ác để định hướng hành động (trí tuệ). Nói khác đi, nền tảng hạnh phúc đời này và đời sau của người cư sĩ nằm ở chỗ sống chân thật và tin tưởng vào điều chân thật (tin Phật), sống có đạo đức giới hạnh (giữ giới), sống với tâm tư hiểu biết, thương quý và sẵn sàng chia sẻ giúp đỡ người khác (bố thí), sống với sự hiểu biết sáng suốt về những gì là thiện, bất thiện để nỗ lực sống theo thiện pháp và từ bỏ bất thiện pháp (trí tuệ). Sau đây là toàn văn lời Phật dạy cho cư sĩ Cấp Cô Độc¹:

“Rồi Thế Tôn nói với gia chủ Anāthapindika đang ngồi một bên:

- Có bốn pháp này, này Gia chủ, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khó được ở đời. Thế nào là bốn?

“Mong rằng tài sản khởi lên cho ta đúng pháp”. Đây là pháp thứ nhất, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khó được ở đời.

“Tài sản đã được đúng pháp, mong rằng tiếng tốt được đồn về ta, cùng với bà con, và các bậc Thầy”. Đây là pháp thứ hai, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khó được ở đời.

“Tài sản đã được đúng pháp, tiếng tốt đã được đồn về ta, cùng với bà con và các bậc Thầy, mong rằng ta sống lâu, họ

trì thọ mạng kéo dài”. Đây là pháp thứ ba, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khó được ở đời.

“Tài sản đã được đúng pháp, tiếng tốt đã được đồn về ta, cùng với bà con, với bậc Thầy, sau khi được sống lâu, họ trì thọ mạng kéo dài, mong rằng khi thân hoại mạng chung, ta sanh lên cõi thiện, cõi Trời, cõi đời này”. Đây là pháp thứ tư, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khó được ở đời.

Bốn pháp này, này Gia chủ, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khó được ở đời.

Này Gia chủ, đối với bốn pháp khả lạc, khả hỷ, khả ý, khó được ở đời này, có bốn pháp đưa đến chứng được những pháp ấy. Thế nào là bốn?

Đầy đủ lòng tin, đầy đủ giới, đầy đủ bố thí, đầy đủ trí tuệ.

Và này Gia chủ, thế nào là đầy đủ lòng tin? Ở đây, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử có lòng tin, tin tưởng ở sự giác ngộ của Như Lai: Vị này là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Này Gia chủ, đây gọi là đầy đủ lòng tin.

Và này Gia chủ, thế nào là đầy đủ giới? Ở đây, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say rượu men, rượu nẫu. Này Gia chủ, đây gọi là đầy đủ giới.

Và này Gia chủ, thế nào là đầy đủ bố thí? Ở đây, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử sống ở gia đình, tâm không bị cấu uế xan tham chi phối, bố thí rộng rãi, với bàn tay rộng mở, ưa thích từ bỏ, sẵn sàng để được yêu cầu, vui thích san sẻ vật bố thí. Này Gia chủ, đây gọi là đầy đủ bố thí.

Và này Gia chủ, thế nào là đầy đủ trí tuệ? Này Gia chủ, sống với tâm bị dục tham chinh phục, làm việc không nên làm, không làm việc nên làm. Do làm việc không nên làm, không làm việc nên làm, vị ấy rời khỏi danh tiếng và an lạc. Này Gia chủ, sống với tâm bị sân hận chinh phục... sống với tâm bị hôn trầm thụy miên chinh phục... sống với tâm bị trạo hối chinh phục... sống với tâm bị nghi chinh phục, làm việc không nên làm, không làm việc đáng làm; do làm việc không nên làm, không làm việc đáng làm, vị ấy rời khỏi danh tiếng và an lạc.

Này Gia chủ, Thánh đệ tử ấy, sau khi biết được dục tham là uế nhiễm của tâm, từ bỏ dục tham uế nhiễm của tâm; sau khi biết được sân hận là uế nhiễm của tâm, từ bỏ sân hận, uế nhiễm của tâm; sau khi biết được hôn trầm thụy miên là uế nhiễm của tâm, từ bỏ hôn trầm thụy miên uế nhiễm của tâm; sau khi biết được trạo hối là uế nhiễm của tâm, từ bỏ trạo hối uế nhiễm của tâm; sau khi biết được nghi là uế nhiễm của tâm, từ bỏ nghi uế nhiễm của tâm. Này Gia chủ, đây gọi là vị Thánh đệ tử có đại trí tuệ, có trí tuệ rộng lớn, bước vào giới vực minh kiến, đầy đủ trí tuệ. Đây gọi là đầy đủ trí tuệ.

Này Gia chủ, đối với bốn pháp khả lạc, khả hỷ, khả ý, khó được ở đời này, có bốn pháp này đưa đến chứng được những pháp ấy”. ■

Chú thích:

1. Kinh Bốn nghiệp công đức, Tăng Chi Bộ

Khổ là gì, không khổ là gì?

GLENN WALLIS

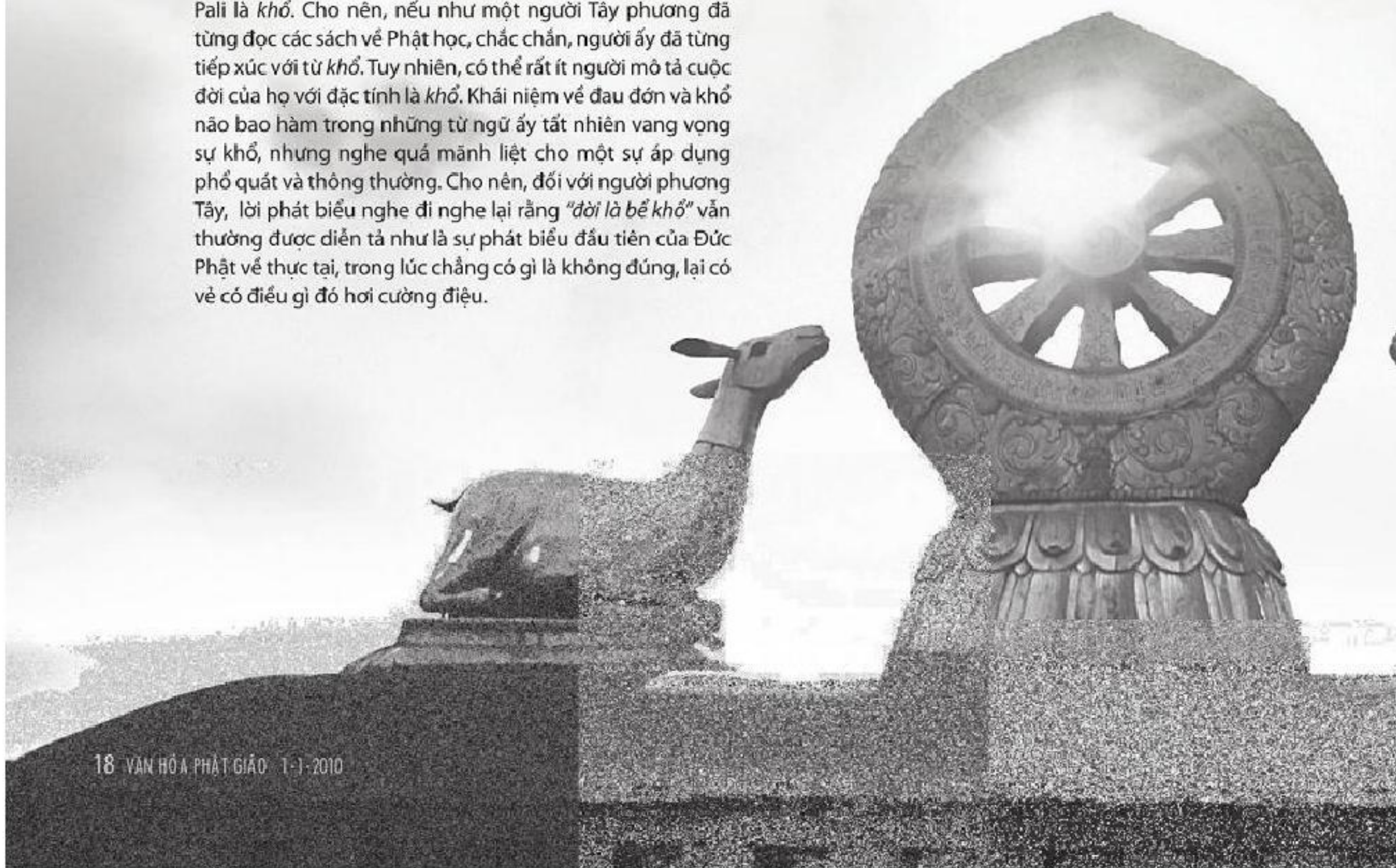
Glenn Wallis là một giáo sư ủy nhiệm về tôn giáo tại University of Georgia. Ông giảng dạy về thiền ứng dụng tại Won Institute of Graduate Studies (Viện Nghiên cứu sau Đại học Won) đồng thời là dịch giả và biên tập viên tập Kinh Pháp Cú, ấn bản của Modern Library. Bài viết dưới đây trích từ tập sách phát hành năm 2007 của ông, Basic Teachings of the Buddha: A New Translation and Compilation with a Guide to Reading the Texts (Giáo lý căn bản của Đức Phật: Tài liệu Biên soạn và Bản dịch Mới có Hướng dẫn Cách đọc Kinh văn)

Dường như kinh *Chuyển Pháp Luân* ghi lại bản tường thuật việc lần đầu tiên Đức Phật trình bày những chứng đắc của mình cho người khác. Những chứng đắc đó gồm sự miêu tả của Đức Thế Tôn về thực tại của *dukkha* (khổ) và phương pháp thoát khổ, thường được gọi là Tứ diệu đế. Điều được Đức Thế Tôn gọi là *khổ* trong giáo lý của Ngài bao gồm toàn thể cuộc đời từ bắt đầu đến lúc chấm dứt: việc sinh ra, việc già đi, sự bệnh hoạn và cái chết; cho là những gì ta không muốn, không phải những gì ta muốn.

Ý nghĩa thông thường nhất của từ *dukkha* trong từ vựng Pali là *khổ*. Cho nên, nếu như một người Tây phương đã từng đọc các sách về Phật học, chắc chắn, người ấy đã từng tiếp xúc với từ *khổ*. Tuy nhiên, có thể rất ít người mô tả cuộc đời của họ với đặc tính là *khổ*. Khái niệm về đau đớn và khổ não bao hàm trong những từ ngữ ấy tất nhiên vang vọng sự khổ, nhưng nghe quá mãnh liệt cho một sự áp dụng phổ quát và thông thường. Cho nên, đối với người phương Tây, lời phát biểu nghe đi nghe lại rằng “đời là bể khổ” vẫn thường được diễn tả như là sự phát biểu đầu tiên của Đức Phật về thực tại, trong lúc chẳng có gì là không đúng, lại có vẻ có điều gì đó hơi cường điệu.

Để có được một cảm giác rõ rệt hơn về ý nghĩa của từ *dukkha*, ta hãy đặt “sự khổ” ở cực độ của một dải cảm xúc. Ở một cực độ khác, chúng ta hãy nêu ra những tính chất như là sự phiền muộn, sự căng thẳng, sự nghi hoặc. Khi đó khổ có thể được hiểu theo một cảm giác trong cái chuỗi cảm giác như một sự tinh tế, đôi khi chỉ là tính chất vừa vặn có thể nhận biết được của sự hiện hữu, và theo một mức độ khác, như sự khổ não mãnh liệt về tinh thần hay thể xác.

Một sắc thái bổ sung được thêm vào cho từ *dukkha* khi chúng ta định trí rằng theo quan điểm của Đức Phật,



ngay cả khoảnh khắc hạnh phúc cũng nhuộm sự đau khổ. Chỉ vì cả khoảnh khắc ấy lẫn trải nghiệm ấy đều không bền. Vì phẩm chất của niềm hạnh phúc xuất hiện trong sự phụ thuộc vào những yếu tố bên ngoài, cảm giác hạnh phúc ấy lập tức nhạt nhòa khi các yếu tố bên ngoài ấy bị rã ra. Và trong khoảng trống ấy, cho dù rất tinh tế đi nữa, dấu vết của nỗi khổ nền tảng vẫn được cảm nhận. Hơn thế nữa, vì cuộc đời của chúng ta là sự nối tiếp của những khoảnh khắc như vậy, ta bảo rằng khổ hiện diện khắp mọi nơi. Nhưng Phật giáo còn đi xa hơn nữa, tới một điểm được cho là xuất hiện sự nghịch lý, tới mức hoàn toàn mâu thuẫn, rằng chẳng phải sự khổ chỉ hiện hữu nơi khoảng trống ấy (vào lúc các yếu tố của hạnh phúc rã ra) vì tính vô thường và bản chất không thực của sự vật, nó còn hiện hữu ngay trong kinh nghiệm về hạnh phúc.

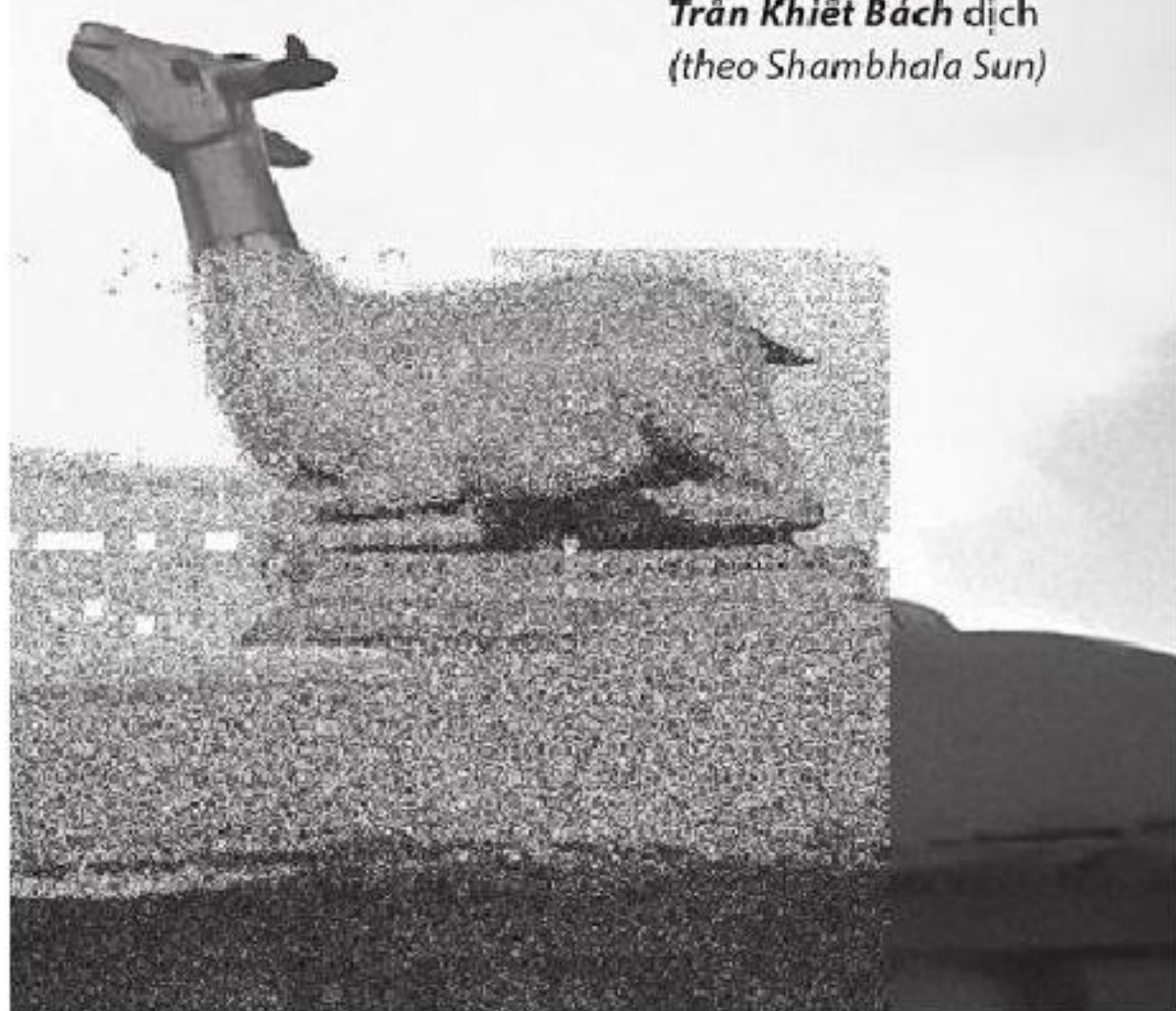
Xét trên quan điểm ấy, người Tây phương nên diễn dịch sự khổ như thế nào? Các thuật ngữ nói về khổ hân là phải chứa đựng những màu sắc sau, có thể coi là theo một cái thang càng lúc càng tăng về cường độ khổ:

Hoang mang – Bứt rứt – Sốt ruột – Khó chịu – Chán nản – Thất vọng – Bất mãn – Bực dọc – Căng thẳng – Khủng hoảng – Lo âu – Phẫn lòng – Đau đớn – Tuyệt vọng – Buồn khổ – Khổ sở – Thống khổ.

Tất nhiên, chúng ta có thể đưa thêm các thuật ngữ nói về tâm trạng của người đau khổ vào trong bản danh mục này, và hầu như một danh mục như thế là không cùng. Và đó chính là quan điểm của Đức Phật! Nỗi khổ tràn vào cuộc đời như nước – từng khoảnh khắc của cuộc đời đều nhuộm những thuộc tính này ở một mức độ nào đó.

Điều hiển nhiên là mỗi một trong số những thuộc tính nói trên đều liên quan đến một mức độ nào đó của sự bất an. Cho nên, “sự bất an” là cách mà tôi diễn dịch thuật ngữ *dukkha* của ngôn ngữ Pali cho việc sử dụng chung. Về mặt từ vựng, phản nghĩa của *dukkha* trong tiếng Pali là *sukha*, và ý nghĩa dễ hiểu của *sukha* đối với người Tây phương là sự thanh thản, sự hài lòng, niềm hạnh phúc. Cho nên, có lẽ, *dukkha* có thể có một ý nghĩa dễ hiểu nhất là “bất an, không hài lòng, không hạnh phúc”. Khi ấy, tất cả chúng ta đều có thể hiểu rõ về từ *dukkha* như lời Đức Phật đã giải thích.

Trần Khiết Bách dịch
(theo Shambhala Sun)



CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BẢO VHPG NĂM 2009

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng bảo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2009, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng bảo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả	: 81 cuốn/kỳ
Ô. Lâm Hoàng Lộc	
Nhà sách Trí Tuệ	: 50 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm , Vina Giấy	: 34 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu	: 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib , Hai Bà Trưng	: 25 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga	: 20 cuốn/kỳ
Ô. Lương Trung Hiếu , Q.1	: 15 cuốn/kỳ
Bà Phùng Kim Vy	: 11 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Từ Uyên	: 10 cuốn/kỳ
Ô. Lê Chí Vũ	: 10 cuốn/kỳ
Bà Lê Kiều Diễm	: 10 cuốn/kỳ
Cô Nga	: 10 cuốn/kỳ
Cô Cẩm Hà (USA)	: 10 cuốn/kỳ
Hồng Phúc-Xuân An , Q. BT	: 6 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Trắc	: 5 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Thị Mai , Q. BT	: 4 cuốn/kỳ
Cô Phan Thị Nguyên Thảo	
Cty Unilever	: 4 cuốn/kỳ
Chị Thanh , Q. TB	: 4 cuốn/kỳ
Cô Tú Oanh	: 4 cuốn/kỳ
Chị Liên Hoàng , Q. BT	: 2 cuốn/kỳ
Bà Kim Anh , Q. 2	: 2 cuốn/kỳ
Cô Minh Hương , Q. PN	: 2 cuốn/kỳ
Cô Lý Lạc Bích Ngọc , Q.12	: 1 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Toàn , Q. 7	: 1 cuốn/kỳ
Quảng Mỹ	: 1 cuốn/kỳ

Tổng số bảo tặng kỳ này : 352 cuốn

Mọi thông tin về chương trình tặng bảo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc:

Tòa soạn, Phòng Phát hành VHPG:

(08) 3 8484 335

Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn

Ban Biên tập



Đổi mặt sức nóng

JOSEPH GOLDSTEIN

Joseph Goldstein là một trong những giảng viên Hoa Kỳ đầu tiên về phương pháp thiền định Vipassana và là đồng sáng lập viên của Hội Thiền Định (Insight Meditation Society IMS) tại Barre, bang Massachusetts. Ông đã thực hành thiền định Phật giáo từ năm 1967 dưới sự hướng dẫn của các bậc thầy từ Ấn Độ, Miến Điện và Tây Tạng. Bài viết dưới đây trích từ tác phẩm mới của ông, “Câu trả lời của Phật giáo cho Tình trạng Thay đổi Khí hậu (A Buddhist Response to the Climate Change)”.



Khi được yêu cầu viết một bài tiểu luận về tình trạng khủng hoảng khí hậu, ý nghĩ đầu tiên của tôi là tôi chưa hề có đóng góp gì đáng kể cho vấn đề ầm ầm lên toàn cầu. Mặc dù tôi có ý thức về tầm mức của vấn đề, có lẽ là cũng như nhiều người khác, tôi đã không dành nhiều thời gian nghĩ về vấn đề đó hoặc tìm hiểu một cách nghiêm túc xem mình có thể làm được gì về vấn đề đó. Vậy thì chính là câu trả lời này cho vấn đề đó đã gợi nên sự quan tâm của tôi. Tại sao tôi đã không dành thời gian để suy nghĩ về một trong những vấn đề chính đang tác động đến hành tinh của chúng ta? Tại sao vấn đề đó đã trượt ra khỏi mối quan tâm tức thời của tôi?

Từ những truyền thống hoàn toàn khác nhau, có hai lý thuyết có liên quan bắt đầu rọi ánh sáng vào những câu hỏi ấy, ánh sáng cũng làm nổi bật những vấn đề quan trọng khác nữa trong cuộc sống của chúng ta.

Thứ nhất là lý thuyết của vị thiên sư vĩ đại thế kỷ thứ 12 người Hàn Quốc, ngài Chinul. Cái khung lý thuyết của ngài là “đốn ngộ, tiêm tu”. Mặc dù chúng ta vẫn nhận thức được về bản chất nguyên thủy, những năng lực tập khí từ vô thủy hết sức khó từ bỏ. Những trở ngại thì vô cùng lớn

lao mà thói quen thì đã ăn sâu. Cho nên, làm cách nào ta có thể coi thường sự tiêm tu chỉ vì một khoảnh khắc đốn ngộ? Sau khi trực nhận, ta vẫn phải thường xuyên cảnh giác. Nếu những vọng tưởng bất ngờ xuất hiện, đừng chạy theo chúng... Như vậy và chỉ có như vậy, sự thực hành của chúng ta mới có thể có kết quả.

Có thể tất cả chúng ta đều có những khoảnh khắc mà chúng ta gọi là một sự trực ngộ về thực tế của tình trạng ầm ầm lên toàn cầu: đọc các bản tường thuật của những tờ nhật báo khác nhau, xem bộ phim đầy ấn tượng của Al Gore với tựa đề *Một sự thật bất tiện* (*An Inconvenient Truth*), những lần cười nhạo ngay cả những kẻ không tin rằng tình trạng ấy đang diễn ra – “Sao mà họ vẫn không tin cả những sự thật khoa học hiển nhiên đến như vậy?” Thế nhưng những khoảnh khắc ấy vẫn có thể trôi qua nhanh chóng, và năng lực tập khí từ vô thủy của tính hay quên, của những ham muốn khác, và sự vô minh căn bản lại nổi lên trên mặt.

Ở đây chính là nơi mà sự nhấn mạnh của thiên sư Chinul vào sự tiêm tu có thể là một cái giá đỡ cho sự trực nhận của chúng ta. Chúng ta cần phải tự mình

nhắc nhở đi nhắc nhở lại về hoàn cảnh thực tại và đừng thỏa mãn với một hiểu biết chung chung rằng sự biến đổi khí hậu đang là một vấn đề. Chúng ta cần phải sẵn

lòng thực hiện lặp đi lặp lại một cố gắng nào đó để luôn luôn nắm bắt thông tin, sao cho chúng ta đừng rơi trở lại sự suy nghĩ lảm lạp. Hãy nhớ: “Sao mà ta có thể coi thường sự tiêm tu chỉ vì một khoảnh khắc đốn ngộ?”

Điều gì có thể thúc đẩy chúng ta thực hiện sự cố gắng này? Một động cơ mạnh mẽ để thực hiện điều đó chính là lòng từ ái. Trong sự hiểu biết của Phật giáo, lòng từ nổi lên khi chúng ta sẵn lòng đến gần với đau khổ, không phải như một quan niệm trừu tượng, mà trong thực tại của những cuộc sống đang bị ảnh hưởng đến thế nào. Con người làm gì khi những cơn bão thường xuyên hơn có sức mạnh bất thường hơn thổi bay nhà cửa và các phương tiện sinh sống của họ? Con người làm thế nào để kiếm được lương thực khi chế độ mưa thông thường bị sai lệch, khi băng tan và các con sông khô cạn, khi những đảo quốc bị chìm dưới làn nước? Chúng ta có sẵn lòng mở rộng tình thương của mình đến những hoàn cảnh đau khổ đó không? Nhà thơ Mary Oliver đã biểu thị sự thách thức về những điều đó trong bài thơ “*Bên ngoài vành đai tuyết*” của mình: “*Trừ khi chúng ta có tình thương – Mọi tin tức đều như đến từ cõi xa xôi nào đó*”.

Một lý thuyết thứ hai mang lại cái nhìn trực quan đối với thái độ lãnh đạm có lý trí được thấy trong các tác phẩm của Bồ-tát Thiên Thân người Ấn Độ sống vào thế kỷ thứ 8. Ngài đã viết, “Chúng ta giống như những đứa trẻ ngây dại, những kẻ chìm đắm trong đau khổ nhưng lại yêu thích các nguyên nhân gây khổ”. Chẳng một ai trong chúng ta ưa thích sự đau khổ, cho dù đó là hậu quả của sự biến đổi khí hậu hay những hoàn cảnh đau đớn khác trong cuộc sống của mình, thế nhưng chúng ta vẫn nghiện những nguyên nhân gây ra các nỗi khổ ấy.

Đâu là con đường thoát khỏi cái vòng tuần hoàn vô dụng ấy? Ajahn Chah, vị đạo sư vĩ đại của thiền phái tông lâm Thái Lan, đã phân biệt hai loại đau khổ: sự đau khổ dẫn tới những đau khổ nhiều hơn nữa, và sự đau khổ dẫn tới chấm dứt đau khổ. Nếu chúng ta có thể học để hiểu về đau khổ và đón nhận thực tại của đau khổ, khi đó, thay vì bị tràn ngập bởi đau khổ, chúng ta có thể tìm hiểu nguyên nhân đau khổ và để cho nỗi khổ trôi qua. Chính chỗ đó là nơi mà chúng ta có thể nâng đỡ nhau. Với tính cách cá nhân, chúng ta có thể thấy là những vấn đề toàn cầu hoàn toàn vượt ngoài khả năng giải quyết của chúng ta. Tuy nhiên, điều mà chúng tôi nhận thấy là, trong cộng đồng Hội Thiền Định (Insight Meditation Society) của chúng tôi, nếu có một hay hai người xung phong thực hiện kể cả những thay đổi nhỏ nhất nhất, điều đó tạo năng lượng cho cả cộng đồng. Và nếu, vì bất kỳ lý do nào, chúng ta không sẵn sàng đảm nhận vai trò lãnh đạo, điều có ích là hãy chấp nhận sự lãnh đạo và hãy khuyến khích những người cảm thấy có hứng đảm nhận công việc ấy. Khi đó, chúng ta có thể được mang theo trong cái dòng dịch chuyển của năng lượng của họ, cùng cố sự cam kết của chính mình trong quá trình thay đổi ấy.

Lâm Hạnh Nhiên dịch (theo *Tricycle*)

là mây hay gã cùng tử

MÂY

Tôi năm nay 15 tuổi tròn, cái tuổi mà người ta nói lớn cũng không lớn mà nhỏ cũng chẳng phải, nhưng tôi cũng nhận biết thế nào là sai là trái trong cuộc sống. Quý Sư cô thường gọi tôi là Mây bởi vì tôi sinh từ hơi nước của các con sông tạo thành. Tôi nghĩ, mình là mây cũng đúng, mây bay khắp nơi, khi thì tạo thành hình thù này hình thù kia trên bầu trời và mây không có ba mẹ như tôi vậy. Trước khi về ở chùa Diệu Giác, TP. HCM, tôi đã từng lang thang khắp nơi ở thành phố này như là mây, có lúc tôi biến thành một tên nhóc dứ dẩn chuyên đi cướp giật các cô các bà đeo nhiều vàng trên người, có lúc tôi cũng ngồi một mình hiền lành như một đứa con trai ngoan trong gia đình. Rồi khi gió thổi mạnh ông mặt trời biến mất, tôi trở thành một đám mây đen khi giành giật đất làm ăn với những đứa trẻ như tôi ở ấp Cây Bàng, quận Hai, TP. HCM. Tôi lớn lên như thế đó... không hề biết mùi vị của gia đình, không được nhận tình thương của một bàn tay ấm áp từ người thân. Mây vẫn bay để tồn tại và tôi vật vờ với đủ thứ nghề để mưu sinh.

Một ngày tôi được biết ấp Cây Bàng sẽ giải tỏa để xây dựng đô thị mới, tôi hụt hẫng không biết đi đâu. Đang lang thang trên con đường Trần Nãi, chợt nghe tiếng chuông đầu đây ngân lên giữa đường phố ồn ào. Tôi nghe người ta nói, nỗi buồn sẽ vơi bớt khi nghe tiếng chuông ngân, tôi tò mò đi vào chùa. Ngôi chùa yên lặng nằm nghiêng nghiêng theo bóng nắng chiều. Cái yên lặng của buổi chiều đó tôi không bao giờ quên, cái cảm giác bình yên chưa bao giờ có được trong tôi. Trước sân chùa không bóng người, chỉ có tượng Quán Thế Âm Bồ-tát (sau này tôi mới biết tên Ngài) tay cầm bình nước, đôi mắt nhìn xuống thật hiền lành. Khuôn mặt Ngài như thu hút tôi, đôi mắt ấy như người mẹ hiền nhìn con yêu. Đang say sưa với hình ảnh trước mặt mình, tôi chợt giật mình bởi tiếng nói của một Sư cô cất lên: Con đến lạy Phật hả? Lạy Phật đi con, để Ngài phù hộ cho học giỏi, mạnh khỏe. Mím cười, tôi buột miệng: Con đâu có đi học đâu mà đòi học giỏi. Sư cô hơi ngạc nhiên, rồi kêu tôi ngồi xuống ghế để hỏi chuyện. Tôi bắt



đầu bị thu hút bởi những câu hỏi quan tâm đến cuộc sống của mình mà tôi chưa bao giờ được ai hỏi đến. Lúc đó tôi xúc động thực sự và không biết tại sao mình lại thành thật trả lời hết những câu hỏi của Sư cô.

Trời sụp tối nhanh, tiếng kinh tiếng mõ bắt đầu cất lên xa xa vang vọng trên chánh điện. Tôi cúi chào Sư cô xin phép ra về. Sư cô tiễn tôi ra đường với lời dặn: Nếu không có chỗ ở thì đến chùa Sư cô, ở đây có nhiều em cùng hoàn cảnh như con vậy. Đừng có đi lang thang nữa cực lắm!

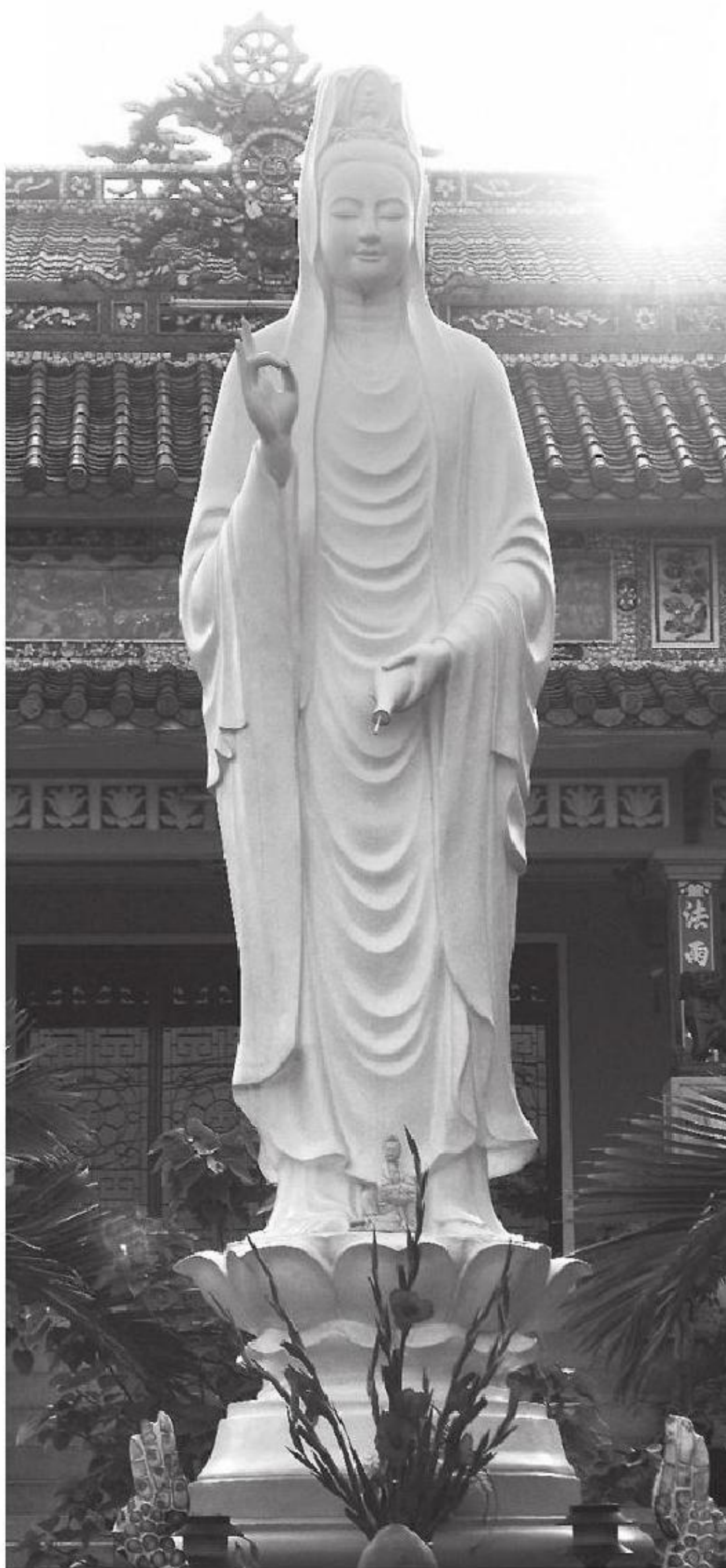
Một tháng sau, Thủ Thiêm giải tỏa. Tôi không biết đi đâu, cũng không dám qua quận khác vì sợ bị đánh, nhớ lời dặn của Sư cô tôi bước vào chùa. Sư cô vui vẻ dẫn tôi lên lạy Sư bà rồi giới thiệu tôi với các bạn cùng trang lứa, chiếu buông rơi ánh nắng vàng nhạt chảy dài trên bờ vai của tượng Quán Thế Âm. Tôi cảm thấy thật thoải mái khi có một chỗ ở sạch sẽ và bình yên như thế này, mệt mỏi tôi chìm vào giấc ngủ với những giấc mơ đầy hỗn loạn...

Ở đây tôi mới biết rằng có nhiều bạn hoàn cảnh còn tệ thảm hơn tôi nhiều; có những em bị bệnh bại liệt, bị nhiễm HIV rồi bị cha mẹ bỏ rơi... nhưng các em vẫn vô tư vui đùa ca hát, nhận những tấm lòng thân thương của các hội từ thiện. Thú thật lúc đầu tôi hơi khó khăn với môi trường mới, nhưng nơi đây thật bình an rồi tôi cũng hòa nhập được với cuộc sống mới. Cuộc đời tôi thay đổi từ đây và tôi coi đó như một bước ngoặt của cuộc đời mình.

Quý sư cô nói tôi như một gã cùng tử trong kinh *Pháp Hoa*, có viên ngọc quý trong chéo áo mà không biết sử dụng, cứ đi lang thang nơi này qua nơi khác để kiếm tìm. Tôi cũng đã đi qua ngôi chùa này không biết bao nhiêu lần trong ngày, nhưng không nhận ra tiếng chuông huyền diệu, không biết rằng, ẩn đằng sau mái ngói cong cong kia lại chứa đựng một tấm lòng bao la, một lòng thương yêu đầy tình người, sẵn sàng đưa tay đón nhận không biết bao nhiêu sinh linh vô tội như chúng tôi.

Tôi trưởng thành trong ngôi chùa Diệu Giác với những bạn cùng cảnh ngộ như tôi với những em những bạn mang trên mình chất độc da cam, và những căn bệnh hiểm nghèo của thế kỷ. Nhưng họ lớn lên trong tình yêu thương của các Sư cô các mẹ phụ trách. Ngày ngày tôi được đi học hòa chung với chúng bạn, thỉnh thoảng phụ giúp chùa những công việc nhỏ nhặt. Tôi cũng bớt la hét trong khi ngủ, thay vào đó là những giấc mơ có các bạn tôi cũng là mây bay đi khắp trên bầu trời.

Tôi thích được ngồi đóng chuông bên chánh điện, lắng nghe tiếng chuông ngân hòa quyện với tiếng mõ, tiếng tụng kinh thanh thoát của quý Sư cô mà chiếu nào tôi đã nghe được. Có phải tôi là gã cùng tử có ngọc trong chéo áo mà không biết như Sư cô nói hay không hay tôi là mây lang thang khắp đó đây nhưng nếu là gã cùng tử thì tôi sẽ dùng ngọc ấy chia sẻ với những mảnh đời như tôi, nếu là mây tôi nguyện là đám mây bay nhẹ nhàng che bóng mát cho những ai cơ nhỡ như tôi. Nhìn xuống tượng Quán Thế Âm, tôi thấy nụ cười của Ngài thật thanh thần. ■





Chánh điện

Từ Đàm, ngôi tổ đình lịch sử

NGUYỄN TRỌNG NGHĨA

“Quê hương tôi miền Trung, sớm hôm chuông chùa nhẹ rung, tiếng muốn đời hồn tổ tiên kiều hùng. Ôi uy nghiêm bóng chùa Từ Đàm, nơi yêu thương phát nguồn đạo vàng, qua bao giông tố chùa Từ Đàm tôi vẫn còn...”.

“Từ Đàm quê hương tôi”, bài hát do các vị cổ Phật tử Lê Văn Dũng pháp danh Tâm Đại viết lời và Nguyễn Văn Giảng pháp danh Nguyên Thông phổ nhạc, ra đời năm 1963, đã nói lên được nỗi niềm của mọi người con Phật đối với ngôi chùa mà họ hằng yêu dấu, ngôi chùa ghi khắc sâu đậm các điển biến lớn của lịch sử Phật giáo Việt Nam: Chấn hưng Phật giáo vào giai đoạn 1930 – 1945; thống nhất Phật giáo ba miền Trung, Nam, Bắc năm 1951 và chống kỳ thị Phật giáo dưới chính quyền Ngô Đình Diệm năm 1963. Đã hơn nửa thế kỷ trôi qua bài hát ấy vẫn còn vang vọng, và bài hát sẽ còn sống mãi với thời gian để gợi mở cho hàng triệu con tim hướng vọng về xứ Huế, về ngôi chùa lịch sử thân yêu. Cho dù hôm nay chùa Từ Đàm đã được trùng tu tôn tạo các hạng mục từ tòa chính điện đến nhà Tăng... lại xây thêm

bảo tháp, nhưng những ai đã từng đến và từng được nghe kể về chùa Từ Đàm sẽ không bao giờ quên được bóng dáng của ngôi tổ đình lịch sử.

Cách đây hơn 300 năm, vào đời chúa Nguyễn Phúc Thái, trong khoảng 10 năm từ 1683 – 1693, cả vùng Lâm Lộc (từ chợ An Cựu lên đến vùng Lịch Đới hiện nay) và đối Hoàng Long là một khu rừng rậm. Thiền sư Minh Hoằng Tử Dung người Trung Hoa đã đến đây cắm tích trượng khai sơn ra thảo am Ấn Tôn mà sau này là chùa Từ Đàm. Vào năm Quý Mùi 1703 niên hiệu Chính Hòa thứ 24 đời Lê Hy Tông nhằm năm thứ 13 đời chúa Minh vương Nguyễn Phúc Chu thì thảo am được nhận sắc tứ để trở thành Ấn Tôn Tự. Đến đầu thời vua Thiệu Trị, có lẽ vì phạm húy nên vua đổi tên chùa thành Từ Đàm Tự. Đến năm 1938, chư sơn môn tăng già lại nhường ngôi chùa này cho An Nam Phật học Hội làm chùa hội quán.

Chùa Từ Đàm tọa lạc trên đồi thấp Hoàng Long theo thế “Càn” hướng “Tốn” nhìn về phía Đông Nam, ngày xưa thuộc xã An Cựu, tổng Vĩ Dạ, huyện Hương Trà, phủ Triệu Phong,

xứ Thuận Hóa, nay là phường Trường An, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chùa nằm cách thành Nội về phía Đông Nam khoảng chừng 3km trên mặt bằng thoáng rộng; Tam quan phía trước tiếp đường Sư Liễu Quán liên thông với đường Điện Biên Phủ lên đèo Nam Giao.

Chùa Từ Đàm xưa có chính điện được xây dựng theo lối chùa hội quán rất đặc trưng dựa trên đồ án của cụ Tôn Thất Sa. Đứng ngoài nhìn vào, ta thấy chùa vẫn mang hình dáng truyền thống; nhưng đi vào bên trong thì chùa lại có kiến trúc theo lối chữ "T" quốc ngữ, biểu thị chữ đầu trong hai chữ Từ Đàm. Chính điện không có trụ cột tạo cho không gian hành lễ trở nên thông thoáng và uy nghiêm như một giáo đường. Với cấu tạo như vậy, ta có thể nói Từ Đàm là ngôi chùa có nền kiến trúc cũ mới giao thoa kết hợp hài hòa giữa Đông và Tây.

Phía ngoài, trên hai nóc mái trang trí hai con rồng lượn quay đầu chầu về mặt Hồ phù đội bánh xe pháp luân. Hai mái được lợp ngói âm dương, các góc cù giao mái trên trang trí hình những con Rùa, cù giao mái dưới chạm hình 4 con Phượng hoàng, tất cả đều được khảm sành sứ trông rất mỹ thuật. Dưới mái có năm khung hình chữ nhật đắp nổi những bức tranh diễn tả lại sự tích nhà Phật. Những chi tiết trang trí này được biết do chính tay cụ Cửu Đệ và một số nghệ nhân trang trí lăng vua Khải Định trình bày.

Phía dưới, mặt ngoài cùng của tiền đường là sáu trụ cột có chạm khắc sáu câu đối. Hai câu giữa đối hai chữ "Phật - Học" do bác sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám đề tặng:

- Phật chánh biến trí, vô lượng thọ, vô lượng quang, vô lượng công đức

- Học chơn thật nghĩa, như thị văn, như thị tư, như thị tu trì
Nghĩa là:

"Phật là bậc có sự hiểu biết chân chánh rộng khắp và có tuổi thọ vô lượng, ánh sáng vô lượng, công đức vô lượng"

"Học tập đúng ý nghĩa chân thật thì nghe được như vậy, ngắm nghĩ như vậy, giữ gìn và tu sửa như vậy"

Bên trong, ngay giữa tiền đường chạy một đường hồi văn rộng hình chữ Vạn, chính giữa có khắc bốn chữ Hán "Việt Nam Phật Học". Trên khung hoa văn cửa giữa là một bức hoành phi lớn đề bốn chữ Hán "Thừa Thiên Tĩnh Hội".

Lối thờ tự ở chùa Từ Đàm cũng mang tính đặc thù, không theo truyền thống ở Huế. Chính điện chỉ có một gian, thờ đức tôn tượng Đức Phật Thích Ca quyết ẩn tam muội. Tượng đức bằng đồng cao khoảng 1m30 được tạc sen nâng đỡ. Phía trên tượng là bảo cái cũng được chạm trổ công phu. Hai bên là hai trảng phan có khắc danh hiệu của bảy vị Cổ Phật. Trên vòng cung phía trước còn giữ một bức hoành được sơn sơn thếp vàng đề ba chữ "Ấn Tôn Tự". Bức hoành mang lạc khoản "Thiên vận Quý Mùi sơ xuân cát đán". Đây là dấu tích còn sót lại của chùa Ấn Tôn được khai sơn vào trước năm 1693. Ba chữ Ấn Tôn Tự đã nói lên được yếu chỉ của thiền phái Lâm Tế mà Tổ sư Minh Hoàng Từ Dung truyền cho Thiền sư Liễu Quán, nghĩa là dùng tâm giác ngộ của người thấy để ấn chứng cho tâm của người học trò làm tông chỉ.

Trong khuôn viên Từ Đàm Tự còn rất nhiều công trình



Chùa Từ Đàm

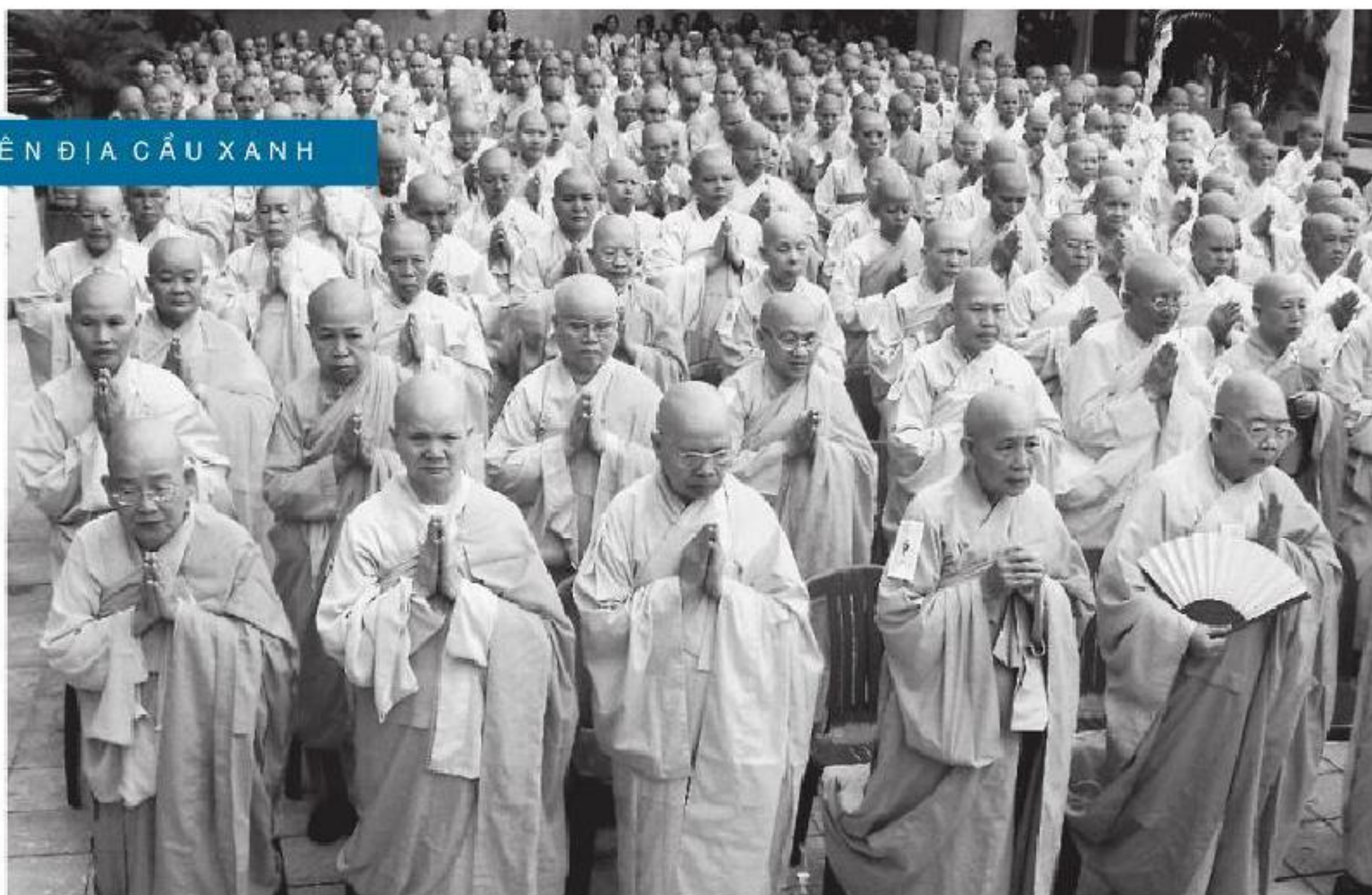


Cây bồ đề

khác: Nhà tổ, nhà thiền, nhà tăng, giảng đường... mà mỗi công trình đều ẩn chứa những giá trị văn hóa và lịch sử Phật giáo của miền sông Hương núi Ngự. Hiện nay, đền chùa Từ Đàm, Phật tử thấy những công trình đó đều được xây cất lại thật khang trang rộng rãi, kể cả một tòa bảo tháp phía trước mặt chùa đang được hoàn tất. Trong tương lai không xa chúng ta sẽ được chiêm ngưỡng một Từ Đàm mới thật đẹp đẽ, bề thế, xứng đáng là trung tâm của Giáo hội Phật giáo miền Trung luôn rộng mở cánh cửa từ bi chào đón chúng sinh mọi miền bước về đất Phật.

... Hôm nay, xứ Huế mơ màng, lất phất mưa rơi và hơi se lạnh. Tôi bước chân về cõi Phật, qua cổng tam quan, vẫn còn đó cội bồ đề rợp lá do Đại đức Narada người Tích Lan trồng tặng là minh chứng cho sức sống trường tồn của Từ Đàm, nơi phát tích và chấn hưng nguồn đạo vàng dân tộc. Cho dù ngôi tổ đình này ngày nay không còn kiến thiết như cũ song những gì được lưu giữ trong ký ức, kỷ niệm của mỗi người Phật tử, của những người yêu đạo Phật, mến đạo Phật thì Từ Đàm vẫn là niềm kiêu hãnh, niềm tự hào không bao giờ phai nhạt. ■

Ảnh tác giả cung cấp.



Khi nước trăm sông hòa về biển cả

LAM KHÊ

Đầu năm 2009, Phân ban Đặc trách Ni giới Trung ương được thành lập. Cuối năm, Hội nghị Sakyadhita lần đầu tiên được Phân ban Đặc trách Ni giới Trung ương đàm nhận tổ chức tại Việt Nam. Thời gian giữa hai sự kiện quan trọng ấy, các phân ban đặc trách Ni giới thuộc Ban Trị sự Phật giáo các tỉnh thành trên khắp cả nước cũng đã kịp thời ra mắt.

Phải chăng, có thể nói được rằng, chưa bao giờ Ni giới Việt Nam được trao phó một vai trò quan trọng đến như vậy, khi chúng ta biết rằng Hội nghị Nữ giới Phật giáo Thế giới là một cuộc họp mặt của Nữ giới Phật tử toàn cầu với mục đích tạo ra mối thân hữu bền vững dựa trên tình thân yêu thương, tử bi và bình đẳng, đã trở thành truyền thống bắt đầu từ năm 1987?

Nói rằng “chưa bao giờ” thì chỉ là nhận thức và cảm nghĩ của một thế hệ Ni trẻ mới lớn lên, được thấm nhuần giáo lý Phật pháp khi nước nhà đã hoàn toàn thống nhất.

Đất nước hòa bình, Giáo hội Phật giáo Việt Nam ra đời, thống nhất các hệ phái và tổ chức Phật giáo trên toàn quốc vào dưới một mái nhà chung đồng thời mở ra nhiều chân trời phát triển mới. Trong buổi giao thời ấy, thế hệ Ni trẻ chúng tôi chẳng mong cầu gì hơn là được yên tu, sớm chiếu công phu công quả tri niệm. Mái chùa đậm bạc mà

thanh thân yên vui. Tuổi trẻ hồn nhiên nhưng tâm nguyện cầu học luôn thôi thúc bên lòng. Dù chưa có trường lớp, chúng tôi cũng được bốn sư gởi đến Ni trường, theo học các lớp gia giáo dưới sự dẫn dắt của quý Ni trường, Ni sư. Hành trang vào đạo của chúng tôi là ân nghĩa đạo tình của thầy tổ của pháp lữ bên cạnh hạnh nguyện chuyên tu, nghiên tâm giáo điển Phật Đà...

Đất nước bước vào thời kỳ hội nhập mở cửa, sự nghiệp giáo dục đào tạo thế hệ Tăng Ni trẻ luôn là vấn đề được chú trọng quan tâm. Những ngôi trường Phật học ra đời trên khắp các tỉnh thành càng nêu rõ quyết tâm của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong thời đại mới. Nói làm sao hết niềm hân hoan xúc động của chúng tôi trong ngày đầu tiên bước chân vào ngôi trường Phật học. Một ngôi trường tôn nghiêm, chưa quy mô nhưng tầm vóc ý tưởng lớn mạnh theo hoài bão của một tầng lớp Tăng Ni sinh trẻ đang khát khao học tập. Giáo điển Phật học lưu truyền từ ngàn năm được chú trọng đem cả tâm huyết ra truyền trao giảng dạy. Nguồn suối tuệ giác vừa được khai thông, cây cỏ muôn hoa đã vươn mầm đua nở.

Bước vào thiên niên kỷ thứ ba, Ni giới Việt Nam có nhiều cơ hội tiếp cận nền văn minh công nghệ để hỗ trợ cho việc tìm hiểu sâu hơn giáo nghĩa của Đức Phật, giúp mở rộng và đào sâu khả năng tu học, tạo điều kiện

cho người tu có tầm nhìn xuyên suốt với những cố gắng vượt bậc. Trong những năm tháng trau dồi nội điển dưới mái trường Phật học, chúng tôi cũng nỗ lực bổ túc nâng cao thêm các chuyên ngành ngoại điển... Dòng sông tri thức mệnh mông, sở học thì vô tận nên ước nguyện cũng không ngừng rộng mở. Và thời gian cứ như thế trôi qua, các lớp Ni đầu tiên cũng lần lượt ra trường. Người giỏi ngoại ngữ, có khả năng tiếp bước con đường xuất dương du học. Người có kiến thức, giàu bản lĩnh thì không ngại dẫn thân trên nhiều lãnh vực từ văn hóa giáo dục cho đến các công tác từ thiện xã hội. Nhiều ngôi chùa Ni mới xây dựng quy mô, là nơi tập trung đông đảo chúng Ni các nơi về tu học. Những cơ sở nuôi dạy trẻ mồ côi, khuyết tật, trại dưỡng lão, lớp học tình thương... được hình thành trong nhiều tự viện Ni. Có những sư cô thích tìm đến các vùng sâu vùng xa lập chùa hoằng pháp độ sanh... Có vị thì lập chí chuyên tu trong các thiền viện, đem sự chứng ngộ tự thân để khuyến hóa nhân sinh. Ni giới ngày nay cũng góp mặt trên các giảng đường Phật học với tư cách là giảng viên chuyên nghiệp. Bức tranh Ni giới nổi bật lên với nhiều sắc độ. Bức tranh ấy tất nhiên không thể chỉ có những khoảnh màu tươi sáng, nhưng nhìn chung, đó là bức tranh toàn vẹn và ý nghĩa nhất về sự phát triển đồng bộ của Ni giới Việt Nam thời đương đại.

Đứng trước sự phát triển về nhân lực và tài lực, Ni giới Việt Nam mong muốn có một tổ chức lãnh đạo chúng Ni để góp tiếng nói với chị em Ni giới khắp mọi châu lục. Ý tưởng bắt nguồn thì sự hình thành chỉ còn là vấn đề thời gian. Và thời gian đã ủng hộ quý Ni trưởng, Ni sư khi Phân ban Đặc trách Ni giới Trung ương vừa kịp thời ra mắt. Ni giới cùng các nữ Phật tử khắp nơi cũng ráo riết chuẩn bị cho ngày Hội nghị Nữ giới Phật tử toàn cầu lần thứ 11 và là lần đầu tiên được tổ chức tại Việt Nam. Như lời một vị tôn túc đã nói "Đây là một bước ngoặt mới làm rạng danh bậc Ni lưu Thích tử". Bước ngoặt mới sẽ tạo ra nhiều cơ hội mới cũng mang theo không ít thử thách để Ni giới có dịp trải nghiệm năng lực và trí tuệ trên mỗi chặng đường hoằng pháp lợi sanh.

Phân ban Đặc trách Ni giới ra đời, ghi đậm một nét son lịch sử cho sự nghiệp phát triển Ni giới Việt Nam. Để có được những giây phút làm nên lịch sử này, quý chư Ni đã trải qua một thời gian dài bàn bạc hội thảo. Khi được chư tôn đức góp ý cho phép, chư Ni bắt tay lo toan chuẩn bị trong niềm hân hoan, tin tưởng. Hơn ai hết, quý Ni trưởng hiểu rõ tình hình tu học của chư Ni do các ngài hướng dẫn. Chính điều đó đã thôi thúc quý vị quyết tâm đứng ra lãnh đạo một bộ phận phụ trách chư Ni trong điều kiện cho phép, nhằm giúp chư tôn đức lãnh đạo Giáo hội ổn định và phát triển đoàn thể Ni chúng đi đúng tinh thần hòa hợp cộng trụ của người xuất gia.

Thể hiện truyền thống hòa hợp bình đẳng của Phật giáo, ngày ra mắt Phân ban Đặc trách Ni giới cũng là ngày hội tụ chư Ni các hệ phái trong nhiều sắc áo. Sự hoan hỷ nhận lãnh trách nhiệm của quý Ni trưởng cùng niềm lạc quan tin tưởng của Ni chúng đã tạo nên một thể mạnh

cho Ni giới trong công tác phụng sự Đạo pháp và Dân tộc. Công việc giáo dục Ni trẻ luôn là vấn đề quý chư Ni đặt trọng tâm trong các cuộc hội thảo bàn bạc. Quý vị đã vạch ra nhiều phương hướng hoạt động giúp chư Ni trẻ phát huy tiềm năng thực lực, dựa trên nền tảng căn bản giới luật của người xuất gia, tạo điều kiện cho chúng Ni tu học, nâng cao phẩm hạnh đạo đức, hành hóa lợi tha phù hợp với xu hướng phát triển trong thời đại mới.

Trong ngôi nhà Phật pháp, Ni giới Việt Nam chỉ là những hạt giống bé nhỏ. Gặp thuận duyên, những hạt giống bé nhỏ ấy sẽ phát triển thành những chồi non, cây xanh quả ngọt cho đời. Trong khu vườn hoa đạo, mỗi người con Phật là một hạt giống bổ để đủ sức nuôi dưỡng đạo tâm, vun bồi đạo nghiệp cho muôn thế hệ người tiếp bước. Lịch sử Phật giáo Việt Nam còn ghi lại nhiều công trạng hạnh nghiệp của các bậc danh ni lỗi lạc, có tài năng đức độ, có sức học uyên thâm, lâu thông kinh luật. Hành trạng dẫn thân của chư vị không ngoài mục đích phục vụ xã hội nhân sinh, nhưng cũng là vì tiền đồ của Ni giới ngày mai. Công hạnh của quý vị không chỉ làm rạng danh con nhà Thích tử mà còn để lại cho đàn hậu tấn chúng ta một tấm gương sáng ngời về sự nghiệp tu tập, hạnh giải tương ưng.

Nhìn lại thành quả tu học của Ni giới trong thời đại mới, chúng ta hẳn không thể nào quên ân đức của quý chư Ni tiến bối. Ngay từ thời Phật còn tại thế, sự có mặt của Giáo đoàn Ni đã là một gánh nặng thử thách cho cả Tăng đoàn và nữ giới. Nhận thức được điều đó, quý chư Ni trong quá trình tu tập đã không ngừng nỗ lực khắc phục chướng duyên, vượt qua mọi trở ngại để Ni giới có chỗ đứng trong hàng ngũ xuất gia tu tập. Con thuyền ra khơi dù gặp không ít những khó khăn ngay từ bước khởi đầu, nhưng chư vị luôn vững tin vào chính mình, tin vào con đường chứng ngộ đạo quả vô thượng mà hàng Ni giới sẽ đạt được. Công hạnh tu tập chứng đắc và sự dẫn thân của chư Ni tiến bối là niềm tự hào thôi thúc Ni giới chúng ta học tập noi theo.

Hội nghị Những người con gái Đức Như Lai được tổ chức long trọng trên một đất nước có số lượng Ni đông đảo sẽ để lại nhiều dấu ấn tâm linh tốt đẹp cho bạn bè quốc tế. Hội nghị cũng đánh dấu một giai đoạn tiến bộ của Ni giới Việt Nam trên con đường hội nhập cùng Ni giới toàn cầu. Hình ảnh Ni giới Việt Nam ngày nay đã trở nên gần gũi gắn bó với quần chúng. Đạo hạnh thâm nghiêm, tri thức vững vàng, Ni giới đang từng bước khẳng định vai trò và trọng trách của một bộ phận tu học đứng trong hàng ngũ Tứ chúng; vì thế, sự tu học và dẫn thân của chư Ni cũng sẽ nhận được sự ủng hộ của xã hội và các đoàn thể Phật giáo.

Như con sông từ nguồn ra biển, sự hội tụ của từng nhánh sông nhỏ trên cùng một dòng sông lớn sẽ tạo nên sức hút mạnh mẽ trước khi đổ về đại dương mệnh mông. Hội nghị Nữ giới Phật giáo Thế giới lần thứ XI, sự kết nối thâm tình của những tâm hồn cùng chung chí hướng trong ước nguyện truyền bá cho đời một bức thông điệp về lòng từ bi, sự chung sống hòa bình trong chánh niệm, an vui lành mạnh chắc chắn sẽ thành công tốt đẹp. ■



Chùa Kek Lok Si, Malaysia

Hương Đạo

Cúng ta tiêu quá nhiều tiền trong việc xây dựng chùa chiền mà quên xây dựng con người. Tôi muốn nói đến mẩu tin về việc khánh thành điện thờ Đức Phật bà Quan Âm tại ngôi chùa Kek Lok Si trong thành phố Penang, Mã Lai. Gần đây nhất, lần tôi viếng chùa Kek Lok Si ở thành phố Penang cũng đã cách vài năm. Bấy giờ, tôi đã có cảm tưởng ngôi chùa cũng chỉ như những điểm thu hút khách du lịch khác chứ chẳng phải là một trung tâm tu học. Đã từng viếng thăm rất nhiều ngôi chùa ở Trung Quốc, tôi nhận thấy hầu hết các ngôi chùa ấy đều được thiết kế tinh tế một cách đáng ngạc nhiên với những sự trang trí đầy màu sắc. Trong thâm tâm, tôi có cảm giác rằng chúng ta phung phí quá nhiều cố gắng trong việc xây dựng chùa chiền mà dành quá ít công sức cho việc xây dựng con người, chẳng hạn việc giảng dạy về giáo pháp và truyền bá các hoạt động. Xét cho cùng, điều đó chỉ để thu hút khách du lịch. Nhưng đó không phải là điều mà các tín đồ thuần

thành mong muốn. Phải hiểu rằng nhiệm vụ trọng tâm của chùa chiền và tự viện là trao truyền và thực hành giáo lý, là tổ chức các hoạt động có giá trị đích thực, chứ không phải là quảng bá du lịch. Hãy tưởng tượng xem, chúng ta đã tiêu tới 40 triệu ringgit (tương đương 12 triệu Mỹ kim) để làm mới điện thờ, nhưng chúng ta chẳng biết bao nhiêu về việc các nhà chùa đã có những cố gắng nào trong việc hoằng pháp. Cuối cùng thì các thế hệ trẻ cũng sẽ từ bỏ tôn giáo và các ngôi chùa cũng chẳng đáp ứng các chức năng có giá trị nào cho việc phục vụ cộng đồng Phật giáo. Có quá nhiều người chẳng hề có một chút hiểu biết căn bản nào về Phật giáo. Ngay cả khi có hàng ngàn ngôi chùa và tự viện đi nữa, điều đó cũng chẳng giúp gì cho việc chống đỡ trước những luận cứ phủ nhận tôn giáo. Đây chính là ước muốn chân thành của tôi, vấn đề mà các bậc tôn túc trong Tăng già cần phải có những suy nghĩ sâu sắc hơn. Phát biểu của Alvin Wong từ Singapore, tải trên *Buddhist Channel* ngày 15-12-2009.

Ghi chú: VHPG số 95 trong mục Tin 15 ngày cũng đã đưa tin về lễ khánh thành điện thờ để tôn trí tượng Phật Quán Thế Âm tại chùa Kek Lok Si, thành phố Penang, Mã Lai. Theo thông tin mà VHPG có được, Chính phủ Mã Lai đã ủng hộ đường cho ngôi chùa này 1 triệu ringgit ngay trong buổi lễ khánh thành điện thờ trên. Sự kiện Alvin Wong nêu người ta đã tiêu tốn tới 40 triệu ringgit cho việc tôn tạo điện thờ, VHPG không có điều kiện để tìm thấy bất kỳ thông tin độc lập nào khác.

Việc quản lý tâm thức nổi loạn. Đây là một mẩu chuyện đạo về việc tự giải phóng mình ra khỏi sự áp chế của tư tưởng, vạch đường cho một tâm thức an tịnh. Một mẩu chuyện đạo ngắn nói về việc đưa con người từ trạng thái có chủ tâm đến trạng thái vô tâm. Một hôm, Đức Phật dạy một đệ tử của Ngài đến khát thực tại một ngôi nhà rồi trở về báo cáo sự việc cho Ngài vào buổi chiều. Khi trở về, vị sa môn này thưa với bậc Đạo sư rằng ông ta sẽ không bao giờ quay lại ngôi nhà đó để khát thực một lần nữa. Khi bị vặn hỏi, vị sa môn trả lời, “Khi con đang nếm thức ăn ngon được cúng dường thì con cảm thấy muốn ăn thêm một thức ăn ngọt. Vị nữ gia chủ lập tức cúng dường thêm cho con một món ngọt. Bấy giờ con lại cảm thấy buồn ngủ thì vị nữ gia chủ liền mời con nghỉ một lát. Con rất ngạc nhiên trước khả năng của vị nữ gia chủ ấy, có thể đọc được tâm ý của con. Con đã hỏi vì sao vị nữ gia chủ ấy có thể đoán được ý con. Vị nữ gia chủ đã trả lời, ‘Trong lúc quán sát tư tưởng của mình, tâm trí con trở nên thanh tịnh và khi đó con có thể nhận biết được ý tưởng của người khác’. Vị sa môn nói tiếp, “Nhìn thấy bà ta, con còn có cả khát vọng tình dục và bây giờ con rất sợ phải quay lại nhà bà ta để khát thực vì hẳn rằng bà ta sẽ đọc được khát vọng tình dục của con. Vì thế, con không muốn quay lại đó khát thực nữa”.

Đức Phật yêu cầu người đệ tử ấy trở lại khát thực tại đúng ngôi nhà đó. Ngài khuyên, “Lần này, ông sẽ đến đây với tính cách một con người khác. Hãy chỉ nhận biết những suy nghĩ của ông, nhận biết từng búng cơm ông ăn, từng bước chân ông đi tới. Ông sẽ phải chỉ quán sát từng suy nghĩ đang khởi lên mà đừng để bị những suy nghĩ ấy cuốn hút. Hãy tách rời khỏi những suy tưởng và đừng phân tích chúng. Tư tưởng có phải là của ông đâu, chúng đến từ bên ngoài”.

Vị sa môn thực hành đúng như lời Đức Phật dạy. Ông ta chỉ còn là một nhân chứng cho những tư tưởng của mình và không hề có sự cộng tác với những tư tưởng ấy về phía ông ta. Đã có một sự chuyển hóa từ bên trong của vị sa môn, một sự bình an nội tại, mặc dù cuộc đời vẫn như vậy.

Chỉ có một sự rắc rối duy nhất là tâm của con người. Khi một người biết rõ về cái bản ngã thật của mình, tâm ngừng vận hành. *Trình bày bởi Priya Devi R. trích từ One India, ngày 14-12-2009.*

Phạm Thế Toàn tổng hợp





Còn bao nhiêu con đường phải qua...?

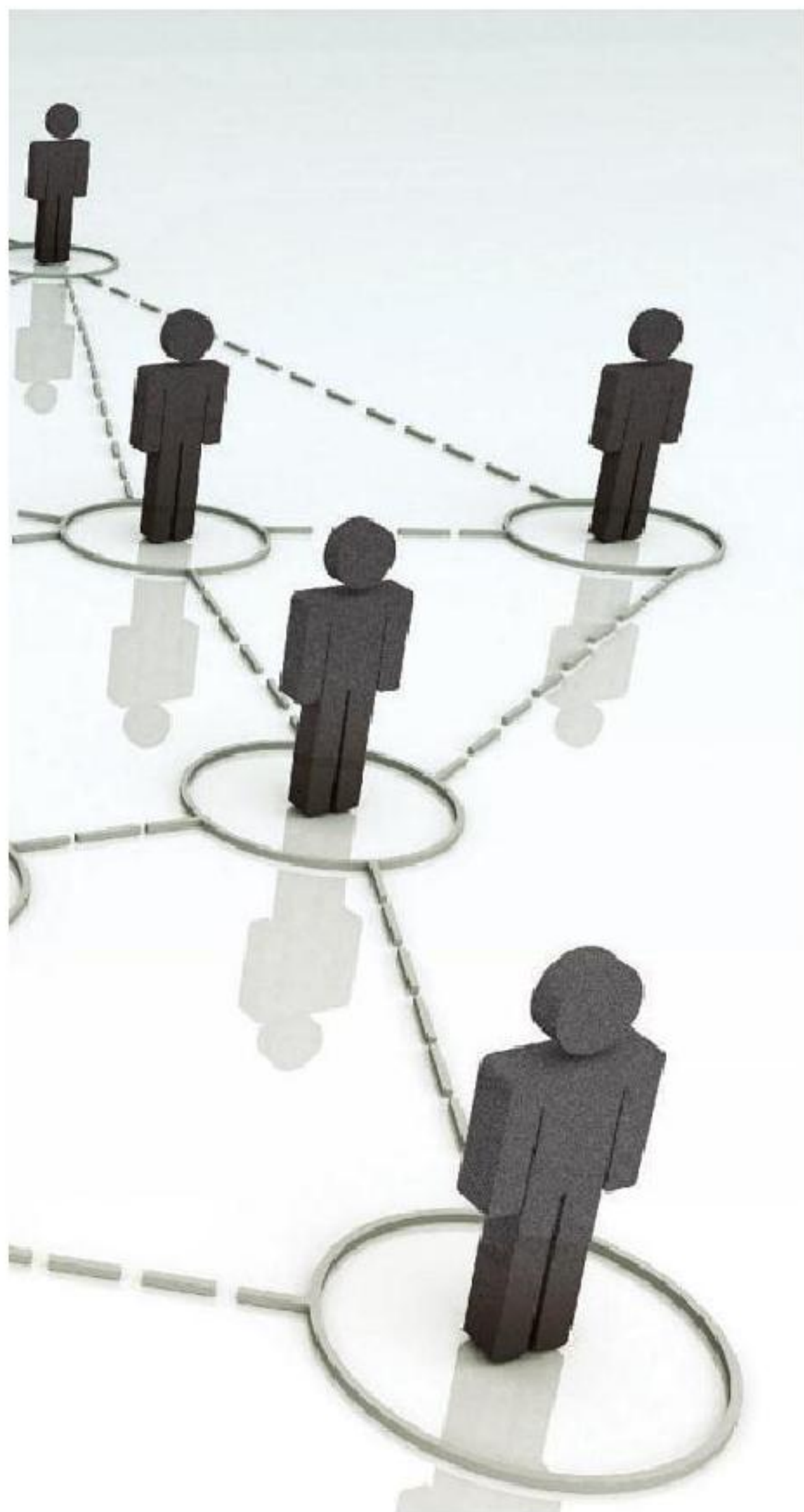
Từ văn hóa chịu trách nhiệm...

Chúng ta thường khó quy trách nhiệm cụ thể cho ai khi sự phân công mang tính tập thể dựa vào danh xưng ủy ban, phân ban, hội đồng... Cho nên trước một thất bại hay thiếu sót, chúng ta hay nghe nói rằng *Hội đồng...* (hay có thể cao hơn như *Bộ...*... chẳng hạn) nhận là có những quyết định chưa đúng, chưa kịp thời... Cụ thể như vụ phát giải thưởng "Sản phẩm vì cộng đồng" cho Vedan vừa qua, hay như chuyện giấy phép cho Đại học "Ba không" Phan Thiết, ồn ào lao xao là thế nhưng cuối cùng cũng như bọt sóng, dư luận trào lên rồi cũng lặng im, chẳng ai bị kỷ luật. Có chăng chỉ là tạm ngưng chức một ông Cục phó chờ... xem xét. Chúng ta nhớ trong truyện *Tây du ký*, bọn yêu tinh quấy phá nặng nề xui trần gian mà mỗi lần chúng gần thua thì luôn có một vị thần thánh nào đó trên trời xuống bảo

lãnh về... dạy dỗ. Chỉ tội cái anh Tôn Ngộ Không liêu minh lên trời xuống biển bao phen kiếp nạn, may mà thần anh ta bằng đá (!), chứ nếu không, thì...

Còn trách nhiệm quản lý của mấy ông to bà lớn trên cao buông lỏng quản lý để con em tác quái thì không thấy bị gì?

Suy cho cùng chỉ có những "cái mũ" là có tội. Cái mũ ấy có khi là "chúng tôi", là cơ chế, tình hình, hoàn cảnh, trình độ... nhưng tuyệt nhiên không có chuyện... tư lợi. Thế nên mới có những doanh nghiệp "sân sau", mà nếu muốn phiên dịch một cách thanh nhã gọi là "outsourcing". Kết quả là có nhiều công trình... "dân xây" mà sau bao nhiêu năm tháng vẫn cứ phơi mình cùng tuế nguyệt, chẳng ai nhận trách nhiệm. Nghĩa là các ông đầu thầu, thiết kế, phê duyệt, giám sát đều vô tội, chỉ có anh thi công, mà cụ



PHAM VĂN NGÀ

thể là mấy ông đội trưởng, đội phó chịu sự phán xét cuối cùng của quần chúng và cấp trên(!).

Chúng ta đang xây dựng một nền văn hóa cộng đồng nhưng không thể thiếu trách nhiệm cá nhân. Làm người, chúng ta phải chịu trách nhiệm về những hành vi hay quyết định của mình. Được như thế, chúng ta mới LÀ người.

Đến văn hóa chấp nhận thất bại

Đêm 17/12, khi đội tuyển bóng đá U-23 Việt Nam thất trận trước Malaysia, hàng triệu con tim đã se thắt lại vì thất vọng, vì đau khổ, vì niềm mơ ước đã trôi xa. Báo *Tuổi Trẻ* chạy hàng tít lớn: "Tan nát cõi lòng". Đúng như thế thật, 50 năm chúng ta chưa thể chạm tay vào chiếc huy chương vàng sau lần đầu tiên với đội tuyển miền Nam Việt Nam. Nhưng chúng ta nghĩ gì khi chỉ còn rất ít cổ động viên

(khoảng 100) trong số hàng vạn khán giả ở lại khán đài chia sẻ những giọt nước mắt thất trận của tuyển thủ quốc gia. HLV Calisto có lần tâm sự: "Với chúng tôi, bạn bè thực sự không phải là những người có mặt khi chúng tôi thành công hay chiến thắng, mà họ luôn xuất hiện ngay cả trong hoàn cảnh khó khăn nhất, cần sự động viên chia sẻ nhất". Chưa kể đến việc chúng ta để lại sân vận động quốc gia Lào một bãi rác... với tất cả những vật dụng, mà các cổ động viên tự làm hay mang theo từ Việt Nam: mũ nón, banderol, khẩu hiệu, cán cờ, kèn... Chắc chúng ta không ngạc nhiên vì cảnh tượng này khá quen thuộc ở sân Hàng Đẫy hay sân Mỹ Đình, hay bất cứ một sân bóng nào của chúng ta trong các trận cầu "nóng". Nhưng ở đây là trên nước bạn, mà chúng ta vẫn thường được nghe nói: "Mỗi người dân là một vị đại sứ khi ra nước ngoài". Đối với người Lào, chúng ta đến từ một nước lớn hơn, phát triển hơn, giàu hơn, thế nhưng hình ảnh ấy e rằng sẽ... thay đổi nhiều khi hôm nay họ phải chứng kiến cảnh sau khi các cổ động viên Việt Nam rời sân vận động của họ thì sân vận động ấy như một bãi rác.

Chúng ta nghĩ sao khi các tuyển thủ Thái Lan sau trận thua, cũng trước Malaysia, đã chấp tay lạy khán giả đất nước mình như một lời xin lỗi? Chúng ta nghĩ sao khi cầu thủ Lào dù thua, cũng trước Malaysia, vẫn được hàng vạn người vỗ tay cổ vũ sau trận đấu? Các cầu thủ chúng ta đã khóc rất nhiều (có báo gọi là... như những đứa trẻ). Không trách họ được vì họ còn trẻ. Chúng ta chỉ trách những người lớn đã không biết cách chấp nhận thất bại, trước khi đổ lỗi cho huấn luyện viên, cho cầu thủ, kể cả cho trọng tài... để rồi bộc lộ sự thất vọng bằng những xúc cảm tiêu cực xuất phát từ sự thèm khát chiến thắng quá độ dẫn đến thái độ chửi bới hằn học, thiếu kiềm chế... "Thèm khát và căm thù sẽ làm xuất hiện những ưu phiền khác và vì thế chúng sẽ tạo nên mọi rắc rối trên thế gian này" (Đạt-lai Lạt-ma).

Nhìn từ khía cạnh ứng xử, quả là còn nhiều điều chúng ta phải học, không ở đâu xa, ngay ở những người bạn Lào hiền hòa, dễ mến thấm đậm tinh thần văn hóa Phật giáo. Khi được hỏi sao không xuống đường đi "bão" mừng được vào vòng bán kết, họ hồn nhiên trả lời: "Trận đá bóng đã diễn ra trên sân, còn bây giờ là về nhà đi ngủ".

Chúng ta tự hào có một nếp sống năng động hơn, mạnh mẽ hơn, nhưng có nhiều điều cần xem lại trong hành vi ứng xử của mình.

Nói như Bob Dylan trong bài hát *Blowin' in the wind*:

"Phải qua biết bao con đường, anh mới được gọi là người đàn ông..."

Phải nhìn lên cao biết bao nhiêu lần, anh mới thấy bầu trời trên kia..."

Vâng, chúng ta còn phải đi qua con đường còn dài phía trước tiến về một đời sống văn minh hơn. Nghĩa là dù có phải trải qua cả vinh quang và nhất là cay đắng, chúng ta sẽ học để luôn biết ứng xử như một người chân chính. Điều quan trọng là con người ấy dám nhận trách nhiệm và biết mỉm cười, luôn đứng mực ngay cả khi thất bại. ■



Đối mặt với sợ hãi

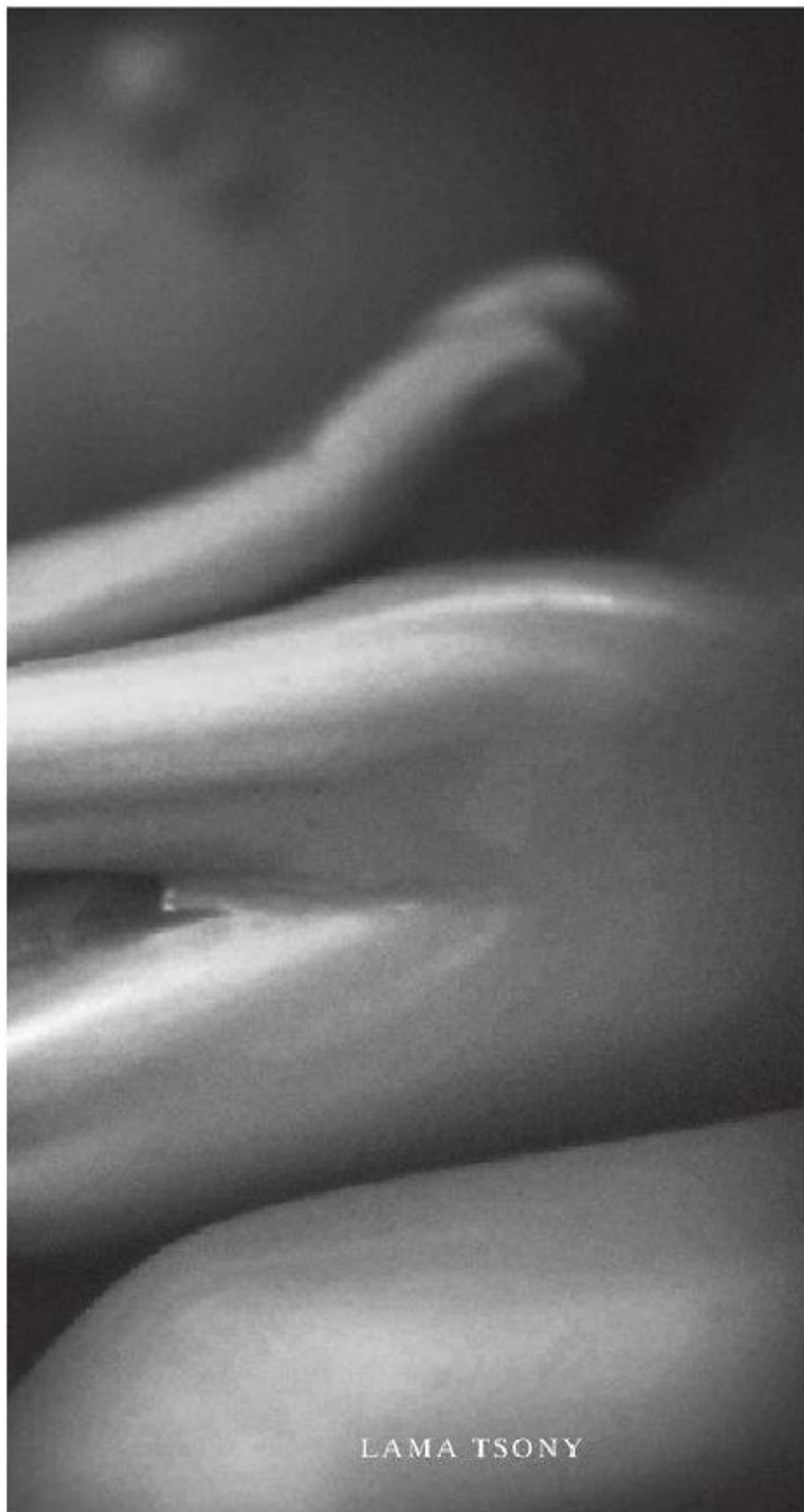
Làm thế nào có thể thiền định khi chúng ta quá sợ hãi không dám tọa thiền? Lama Tsony cho chúng ta lời khuyên để đối trị sợ hãi.

Dạo gần đây tôi có những lúc rất sợ hãi trong khi hành thiền. Nỗi sợ có vẻ như đến bất chợt và nó gắn liền với một đối tượng cụ thể rõ rệt hoặc biểu hiện như một cảm thức mơ hồ về một sự việc gì đó. Làm sao tôi có thể đối phó với tình trạng này?

Sợ hãi xuất hiện khi thực tế va chạm với thế giới tưởng tượng của riêng mỗi cá nhân chúng ta. Việc tu tập của chúng ta dựa trên những dự tưởng – những dự tưởng về bản chất con người chúng ta là ai, tại sao chúng ta tu tập và cách hành thiền của chúng ta phải như thế nào. Khi hy vọng của chúng ta tan rã, nó có thể

thay thế bằng sự sợ hãi. Những nét đặc trưng, nhân cách, mọi kế hoạch và ý tưởng tốt đẹp của chúng ta đều giống như những bông tuyết sắp sửa rơi xuống tảng đá nóng – của sự thực hành thiền định.

Có thể rằng bạn đã bắt đầu thoát ra khỏi sự buồn chán và đã có cảm nghiệm đầu tiên về không gian rộng lớn. Trước khi cảm nghiệm của bạn trở nên vững vàng ổn định, bạn vẫn còn sợ những giấc mơ, cuộc đời và nền tảng của bạn có thể tan rã. Càng quán niệm khoảng không, bạn càng ý thức rõ về sự tan rã của mọi thứ mà bạn đã tưởng là chúng hiện hữu thật sự, trường tồn và đáng tin cậy – kể cả động cơ thúc đẩy và việc tu tập của



mình. Bây giờ thì bạn cảm thấy tất cả đều phù du tạm bợ và không đáng tin cậy. Con khủng hoảng này bắt nguồn từ sự tan rã và mang tên là sự sợ hãi. Đây là thời điểm chủ chốt trong khi chúng ta hành thiền. Mỗi khi sợ hãi biểu hiện, mỗi khi nhận biết nó, chúng ta có một sự chọn lựa: chúng ta có thể chấp nhận vấn đề và tìm cách đối phó hoặc chúng ta trốn chạy và tìm chỗ ẩn náu ở một nơi khác, chẳng hạn như trong các trò giải trí, được phẩm, những buổi họp mặt cuối tuần phù hợp sở thích, hoặc bất cứ hoạt động nào. Chúng ta có quyền tự do từ chối tình trạng thất vọng và sự tan rã. Không buộc chúng ta phải đặt mình trở lại trong tình huống cảm thấy nền tảng của con người chúng ta bị lung lay bởi trải nghiệm về sự vô thường và trống rỗng.

Nhưng nếu chúng ta quyết định tiếp tục, nếu chúng ta vững tin vào tính chất lành mạnh của Tứ Thánh đế và quyết định nương tựa giáo pháp của Đức Phật dạy bảo, chúng ta cần có can đảm. Chúng ta có thể chọn cách

nương tựa vào khả năng cứu độ xuất sắc của sự giác ngộ là Phật; tin tưởng vào quá trình thành đạo là Pháp; tin cậy kinh nghiệm của những vị hướng dẫn chúng ta trên đường tu tập là Tăng. Chúng ta có thể chọn cách thăm dò tâm thức của chúng ta, tìm hiểu những vùng có vấn đề và những vùng có kho báu chìm khuất, có điều việc làm này không đem lại sự thoải mái. Trong giai đoạn tu tập này, sự hướng dẫn của một vị thầy hay của một bậc thiện tri thức là tối cần thiết.

Đồng thời, chúng ta có thể tỏ ra khoan dung đối với bản thân, chấp nhận con người chúng ta đúng như hiện thực và xả bỏ những gì chúng ta mong muốn trở thành. Con khủng hoảng của chúng ta là một diễn biến bình thường. Mọi chúng ta đều là những con người chấp ngã khi bước vào con đường tâm linh và như thế nên chúng ta có những niềm hy vọng và sợ hãi do ngã tưởng. Việc tu tập không hẳn giống như là ta dự tưởng. Chúng ta cảm thấy mình đã không đạt kết quả và nghĩ rằng “Càng tham thiền, tôi càng trở nên tồi tệ hơn”. Đáp lại câu nói đó, sư phụ của tôi, ngài Gendun Rinpoche luôn luôn phát biểu: “Khi bạn nhìn thấy những thiếu sót của chính mình, đó là lúc bắt đầu phát sinh những phẩm chất tốt đẹp. Nếu chỉ thấy những phẩm chất tốt đẹp của bạn thì có vấn đề đấy”.

Quả thật rằng nếu chúng ta cố tạo lập cõi Niết-bàn riêng cho bản thân mình bằng con đường tu tập thì chúng ta sẽ càng đau khổ nhiều hơn. Nếu chúng ta sử dụng những công cụ tu tập để phát triển trí thông minh và tuệ nhãn với một động cơ ích kỷ, mê đắm, chắc chắn thực tế sẽ va chạm với thế giới tưởng tượng của chúng ta. Điều này chính là mồi chài mà sự tu tập nhằm đưa chúng ta tới. Điều này là chứng cứ cho thấy giáo pháp có tác dụng. Đó là sự chấm dứt của thế giới giả tưởng, mê đắm và sự bừng sáng của chân lý.

Khi sợ hãi khởi lên trong lúc chúng ta thiền định, chúng ta dùng một phương thuốc đối trị. Khi nhận ra sự kiện đang xảy ra từng giây phút là do tâm sinh, chúng ta an trú trong hiện tại. Mẫu thức của sự kiện xảy ra không nhất thiết phải giống nhau. Nhờ an trú trong hiện tại, chúng ta có thể buông xả quá khứ và tương lai – trung tâm phát sinh các nỗi sợ hãi của chúng ta. Chúng ta nhận diện rồi buông xả và trở về với điều mà tâm đang tập trung vào trong lúc hành thiền – thể ngồi, hơi thở, hình ảnh quán tưởng – hoặc trở về với không gian vô niệm. Với nhiệt tình hừng khởi, thành tâm, tin tưởng, bạn có thể tập quen với các nỗi sợ hãi của mình và vượt qua chúng bằng một cách mà trước đây bạn không nghĩ là có thể thực hiện được.

Châu Văn Thuận dịch (theo Tricycle)

Lama Tsony là thủ tọa của cộng đồng Tăng già tại lâm cư Dhagpo Kundreul Ling ở Auvergne, Pháp. Ngài du hóa khắp Hoa Kỳ và Âu châu, giảng dạy và hướng dẫn các khóa tu tập thiền định.



Phật giáo trợ giúp cho Y khoa

SOPHIE COIGNARD

Các nhà tâm thần học và các bác sĩ ngày càng phải cầu cứu đến kỹ thuật thiền định nòng cốt trong việc tu tập Phật giáo để giúp các bệnh nhân vượt qua tình trạng lo âu, chịu đựng đau đớn dễ dàng hơn và ngăn ngừa bệnh tái phát.

“Đau đớn tràn ngập khắp nơi, và đau đớn là một điều không ai mong muốn”, đây là một câu tóm lược vô cùng ngắn gọn kết quả của một sự kết hợp giữa các ngành khoa học nhận thức và Phật giáo. Dù ở bất cứ nơi nào, từ Boston, Toronto, Genève, Maastricht hay Chateauroux, người ta đã mang các phương pháp thiền định ra để ứng dụng vào việc điều trị trong ngành phân tâm học, và đồng thời cũng giúp cho các bác sĩ chăm sóc các người bệnh nặng đang bị đau đớn hành hạ quá sức từ thể xác đến tinh thần. Sự kết hợp được đem ra thực hiện thành công tại nhiều quốc gia và được công nhận như một phương pháp trị liệu chính thức. Trong khi đó thì nước Pháp vẫn còn bị bỏ lại phía sau. Có phải nước Pháp, quê hương của Descartes¹ vẫn còn cố cưỡng lại cao trào tâm linh mang nguồn gốc Á châu?

Không hoàn toàn đúng như thế, vì ông Christophe André, một bác sĩ tâm thần học của Bệnh viện Saint-Anne² Paris là người đã từng sử dụng thiền định để giúp các bệnh nhân rối loạn thần kinh ngăn ngừa bệnh tái phát. Ông giải thích như sau: *“Đó là cách tập cho bệnh nhân giữ tâm thức an trú tại vị trí này và ngay trong thời điểm này. Lúc đầu thì quả thật là khó, bởi vì ý nghĩ con người thường ngã ra phía trước để rơi vào những viễn tượng tương lai, hoặc bám vào sự suy xét để đánh giá bên ngoài hoặc quay nhìn vào trong để quán tưởng nội tâm. Thật ra thì phải tập thể nào để đừng bị lôi cuốn*

vào vòng lẩn quẩn của tư duy. Tuy khá rắc rối nhưng đây lại là một kỹ thuật thật hữu hiệu, không những giúp loại bỏ được các ý nghĩ tiêu cực mà lại còn giúp nhìn thấy chúng để ngăn chặn chúng”. Ông Claude Pernet là một bác sĩ tâm thần ở Chateauroux³ đã tu tập thiền học để tự tìm lấy kinh nghiệm riêng cho mình trước khi mang ra áp dụng cho bệnh nhân: *“Tôi không muốn trình bày nhiều về khía cạnh Phật giáo trong thiền định. Lý do chính là vì các bệnh nhân của tôi chỉ đòi hỏi một điều duy nhất là giúp cho họ một phương pháp tập luyện để chế ngự các tư duy tiêu cực mà thôi”*.

Dù sao đi nữa, đây cũng không phải một phương pháp có thể học hỏi ở nhà trường, và cũng không phải là những chuyện tùy hứng do vài người hướng dẫn dư luận nêu lên. Những người tiên phong khởi xướng phương pháp trị liệu bằng thiền định đã bắt đầu từ gần ba mươi năm nay ở Hoa Kỳ. Tuy nhiên ngày nay, nhờ vào các tiến bộ của kỹ thuật nhiếp ảnh tân tiến trong y khoa thì người ta mới chứng minh được một cách rõ ràng là thiền định có thể thay đổi được sự vận hành của não bộ. Còn hơn thế nữa là khi quan sát tỉ mỉ não bộ của các nhà sư Tây Tạng, các khoa học gia nhận thấy các nhà sư có một khả năng thật đặc biệt. Khu não bộ liên quan đến các xúc cảm, chẳng hạn như lòng từ bi, hoạt động hết sức mạnh, hơn hẳn những người bình thường. Chính nhờ sự vận động tích cực của bác sĩ tâm thần Richard Davidson mà Viện Đại học Madison của tiểu bang Wisconsin đã thực hiện được rất nhiều kết quả khoa học về vấn đề này.

Ông Matthieu Ricard trong một quyển sách xuất bản gần đây, ngày 6 tháng 9 năm 2009 (với tựa đề *Nghệ thuật Thiền định*) cho biết là “các công cuộc nghiên cứu khoa học

ngày càng gia tăng đã chứng minh cho thấy việc thiền định thực hiện trong một thời gian ngắn cũng có thể làm giảm xuống một cách đáng kể triệu chứng của các bệnh xáo trộn tâm thần gọi là “stress” (hậu quả tai hại của bệnh này đối với sức khỏe đã được chứng minh rõ rệt), và các bệnh lo âu, các bệnh thần kinh căng thẳng dễ nổi giận (chứng bệnh này dễ đưa đến cái chết sau khi mổ tim) và sau hết còn để ngăn ngừa các chứng bệnh suy nhược thần kinh tái phát đối với những người đã từng bị bệnh trầm trọng ít nhất hai lần. Chỉ cần thiền định mỗi ngày ba mươi phút trong tám tuần lễ liền là có thể làm gia tăng thêm một cách đáng kể sức đề kháng của cơ thể [...] và đồng thời làm giảm áp huyết cho những bệnh nhân có áp huyết cao và làm mau khỏi chứng bệnh vẩy nến (psoriasis)⁴. Các công cuộc nghiên cứu về các thể dạng tâm thần ảnh hưởng đến sức khỏe trước đây vẫn thường được xem là chuyện hoang tưởng, nhưng nay thì ngày càng được xem như có tầm quan trọng hàng đầu trong lãnh vực nghiên cứu khoa học. Các kết quả do thiền định mang lại đã được đăng tải trên các tạp chí khoa học quan trọng có tầm cỡ quốc tế, chẳng hạn như các tờ *Journal of the National Cancer Institute* và *Journal of Behavioral Medicine*.

Tất cả các nhà tiên phong trong ngành này đều là người Mỹ, trong số đó có ông Jon Kabat-Zinn là người đáng nể nhất nhờ vào các công trình nghiên cứu và khả năng phi thường của ông. Ông là giáo sư danh dự về y khoa của Đại học Massachusetts và đã tu tập thiền học từ khi còn là sinh viên của Viện Đại học Công nghệ MIT dưới sự hướng dẫn của giáo sư đoạt giải Nobel là ông Salvador Luria. Như trường hợp của ông Matthieu Ricard, Jon Kabat-Zinn cũng là một chuyên gia về sinh học tế bào, và hiện nay đang tiếp tục nghiên cứu về sự vận hành của tâm thức. Năm 1979, sau mười ba năm tu tập thiền định, ông quyết định đưa thiền học Phật giáo vào việc trị liệu giúp làm giảm đau đớn cho những người bệnh nặng. Dần dần sau đó ông đã phát minh ra một phương pháp gọi là MBSR (*Mindfulness-Based Stress Reduction – Giảm rối loạn thần kinh bằng cách luyện tập tỉnh thức*), một phương pháp luyện tập thiền định tỉnh thức kéo dài trong tám tuần. Dự án của ông được bệnh viện tán thành ngay và sau này ông đã thuật chuyện lại như sau: “Chính là số bằng cấp của tôi đã dự phần để thuyết phục những người mà tôi tiếp xúc. Ban đầu tôi chỉ được cấp một chỗ làm việc nhỏ xíu và chính tôi phải lo cả công việc thư ký. Các khu bệnh lý khác gọi đến cho tôi đủ mọi bệnh nhân, những người bị bệnh ung thư, các bệnh về tim mạch hoặc bị đau đớn quá mức sau khi mổ. Tôi thiết kế một chương trình trị liệu kéo dài tám tuần và đã đạt thành công thật bất ngờ. Vì thế tôi lại phải gánh thêm một trọng trách nữa là phải đào tạo thêm các huấn luyện viên. Phần lớn các huấn luyện viên này không phải là bác sĩ. Sự lựa chọn căn cứ vào điều kiện tiên quyết là họ phải thật sự chịu khó tu tập theo phương pháp thiền định của Phật giáo và điều kiện kế tiếp là khả năng truyền đạt những phẩm tính thiết yếu cho những người chưa hề biết đến Phật giáo là gì, nhưng đang phải chịu thật nhiều đau đớn”. Cho đến nay đã có 18.000 người được trị liệu theo phương pháp tám tuần trong gần 200 bệnh viện.

Phương pháp thiền định của Phật giáo đã giúp giảm 50% các trường hợp tái phát của bệnh rối loạn thần kinh đối với những người đã từng lâm bệnh này ít nhất hai lần trong tình trạng nguy kịch.

Tại Đại học Genève, vị bác sĩ tâm thần Lucio Bizzini phụ trách về bệnh rối loạn thần kinh đã sử dụng phương pháp MBSR và một vài kỹ thuật khác như là MBCT (*Mindfulness Based Cognitive Therapy – Khoa nhận thức trị liệu bằng tu tập tỉnh thức*) do bác sĩ Zindel Segal của Bệnh viện Toronto đưa ra. Bác sĩ Lucio Bizzini giải thích rằng: “Phương pháp này được đặc biệt áp dụng cho các người bị bệnh thần kinh thuộc loại “tự giày vò mình”. Đây là phương pháp rất gay go, đòi hỏi ngay lúc khởi đầu phải thiền định một giờ mỗi ngày, vì thế cần phải có một sự cố gắng cá nhân quan trọng. Tuy nhiên sự cố gắng ấy cũng xứng đáng vì kết quả cho thấy là người bệnh đạt được một thể dạng giống như đứng ra “phía sau của thác nước”. Đây là cách mượn lối diễn đạt của bác sĩ Jon Kabat-Zinn, “đứng ra phía sau thác nước” có nghĩa là đứng vào một vị trí mà người bệnh có thể quan sát được tư duy của chính mình mà không bị chúng tràn ngập. Chỉ có một điểm yếu mà mọi người đều nhận thấy, nhất là bác sĩ Jon Kabat-Zinn, là chỉ có những bệnh nhân tích cực tham gia vào việc thiền định MBSR thì mới đạt được kết quả tốt và bệnh không bị tái phát.

Tuy nhiên tất cả các bác sĩ tự thiền định hằng ngày với một niềm tin vững chắc không nhất thiết là những tín đồ Phật giáo. Thật ra thì điều đó cũng không quan hệ gì cả. Bác sĩ tâm thần có tiếng của Pháp là Christophe André đã từng phát biểu như sau: “Đức Đạt-lai Lạt-ma, một nhà lãnh đạo tôn giáo khá cởi mở đã từng khẳng định rằng nếu khoa học chứng minh được là một khía cạnh nào đó của Phật giáo tỏ ra đáng nghi ngờ, thì phải chấp nhận điều đó”. Là một người vô cùng say mê khoa học, Ngài đã từng nói: “Khoa học và các lời giáo huấn của Đức Phật đều cùng nói với chúng ta bằng một ngôn ngữ duy nhất để xác định bản chất nhất thể của mọi hiện tượng”.

Hoang Phong lược dịch

Ghi chú:

1. Descartes (1596-1650): là một triết gia, toán học gia, vật lý học gia, được xem như một trong những người đã thiết lập ra nền triết học hiện đại của Tây phương.
2. Saint-Anne : là bệnh viện tâm thần lớn nhất và danh tiếng nhất của thành phố Paris, từng quy tụ các bác sĩ tâm thần nổi tiếng. Bệnh viện được thành lập từ năm 1651 nhưng sau đó thì trở nên hoang phế, một bệnh viện cạnh đó là Bicêtre đưa các bệnh nhân tâm thần đến đây làm vườn và trồng trọt. Đến năm 1788 thì được trùng tu trở lại. Năm 1863 Nã-phá-luân đệ tam ra nghị định biến Saint-Anne thành một bệnh viện chuyên về bệnh tâm thần.
3. Chateauroux: là một thành phố thuộc miền Trung nước Pháp.
4. Bệnh vẩy nến: là một thứ bệnh ngoài da. Da nổi lên những mảng đỏ và tróc ra thành những vảy màu trắng.

Bản về hạnh phúc

TRINH ĐỨC VINH

Đã là con người, dù thể hiện bằng hình thức này hay hình thức khác, ai ai cũng mong cầu hạnh phúc và cũng cố gắng để cho mình được hạnh phúc, tránh được đau khổ. Tuy nhiên, cuộc đời này, như Đức Phật đã chỉ rõ, luôn chứa đầy những đau khổ. Sự thực hiển nhiên đó chứng tỏ rằng quan điểm về hạnh phúc và cách đi tìm hạnh phúc của loài người có quá nhiều sai lầm và vướng mắc. Tuy nhiên, phân tích hết những sai lầm đó rồi chỉ ra đâu là hạnh phúc chân thực và vạch một con đường để đạt tới hạnh phúc là một việc quá khó khăn. Ngoài ra, còn một thử thách nữa là phải trình bày vấn đề như thế nào cho dễ hiểu và có sức thuyết phục để có thể đem lại lợi ích cho người đọc.



Matthieu Ricard

Mặc dù rất khâm phục Lạt-ma Matthieu Ricard với kiến thức khoa học và kinh nghiệm tâm linh của ông, thể hiện qua tác phẩm *"Cái vô hạn trong lòng bàn tay"* mà ông viết chung với Trịnh Xuân Thuận, tôi vẫn hơi nghi ngờ khi lần đầu cầm trên tay cuốn *"Bản về hạnh phúc"* của ông. Quan điểm về đau khổ và hạnh phúc của đạo Phật cổ nhiên là rất thâm thúy và đầy đủ, nhưng nó gắn liền với triết lý uyên thâm cùng kho tàng kinh sách đồ sộ của đạo Phật và nó cũng chỉ được kinh nghiệm một cách đầy đủ bởi các bậc đại sư đã trải qua hàng chục năm trời tu luyện. Hầu như mọi cuốn sách viết ra cũng chỉ dành cho những người có niềm tin và đã bắt đầu khởi hành trên con đường tìm đến chân lý. Mặt khác, nói chung các cuốn sách cũng

ít quan tâm đến các bằng chứng khoa học hay các quan điểm về hạnh phúc của hệ tư tưởng khác, một điều hiếm hoi trong sách vở đạo học phương Đông. Việc nêu ra các kinh nghiệm hạnh phúc và đau khổ của cá nhân cũng là một thử thách lớn, giống như vua Trần Nhân Tông miêu tả là tặng bạn một nhành mai mà mình nhìn thấy trong giấc mơ vậy. (*Lạc tới chiêm bao mai một nhánh, Muốn đem tặng bạn khó vô ngần*). Làm sao có thể trình bày vấn đề hạnh phúc, một đề tài quan trọng nhưng đầy trừu tượng, mang tính cảm xúc cá nhân, một cách vừa khoa học, vừa thuyết phục, lại đi sâu được vào những gì thâm sâu và tinh túy nhất của đạo Phật?

Điều đáng ngạc nhiên là Matthieu Ricard đã làm được việc khó khăn đó. Là con của triết gia Pháp nổi tiếng Jean-François Revel, có học vị tiến sĩ sinh học và sau đó được tu học dưới sự hướng dẫn của Kanguyr Rinpoche và Dilgo Khyentse Rinpoche, Mathieu Ricard có đủ những nền tảng cơ bản cần thiết để bàn về hạnh phúc. Với kiến thức, kinh nghiệm tâm linh và lập luận sắc sảo của mình, ông đã tổng hợp nhiều quan điểm, kinh nghiệm sống từ nhiều nguồn khác nhau để nêu rõ hạnh phúc là gì, các sai lầm trong nhận thức về hạnh phúc, các chướng ngại trên con đường đi tới hạnh phúc và các phương pháp để đạt tới đó. Bạn có thể thấy trong cuốn sách không chỉ các quan điểm của các đại sư Phật giáo như Tịch Thiên, Đạt-lai Lạt-ma, Dilgo Khyentse Rinpoche... mà còn của cả các triết gia và nhà tư tưởng lớn như Aristote, Tagore, Kant, Marx, Thánh Augustin..., các nhà tâm lý học, xã hội học, các bác sĩ và những kinh nghiệm của những con người thuộc nhiều tầng lớp khác nhau trong xã hội.

Mỗi chương trong cuốn sách đề cập tới một khía cạnh

của vấn đề hạnh phúc nhưng theo tôi thì cuốn sách có thể tạm chia làm 5 phần chính. Phần đầu tiên là vấn đề nhận thức: sửa đổi những sai lầm trong việc hiểu thế nào là hạnh phúc đích thực, đưa ra khái niệm về nó, khẳng định nó chính là mục đích của cuộc sống này, chỉ ra nơi chốn của hạnh phúc, những ảo tưởng sai lầm về hạnh phúc, cách chuyển hóa khổ đau và lời xác quyết rằng mỗi chúng ta đều có thể đạt được hạnh phúc bằng nỗ lực của chính mình. Đây quả là phương thuốc cho con người hiện đại, những người đang có những nhận thức sai lầm về hạnh phúc, hoặc tạm yên tâm với những niềm vui mong manh mà mình có được, hay đang hào hứng theo đuổi những hình bóng của hạnh phúc, hoặc quá bận rộn với những bốn phận, công việc và thú vui thường nhật mà không bao giờ nghĩ xem mình có hạnh phúc hay không và làm thế nào để thay đổi được hoàn cảnh đau khổ của bản thân mình. Đây là phần hấp dẫn tôi nhất vì mặc dù đã từng đọc một số sách viết về hạnh phúc theo quan điểm đạo Phật, đây là lần đầu tiên tôi thấy vấn đề được trình bày súc tích và thuyết phục đến như vậy.

"Theo Henri Bergson: *'Người ta định nghĩa hạnh phúc là một cái gì đó phức tạp và rối rắm, một trong những quan niệm mà nhân loại đã cố tình thả nổi để mỗi người tự xác định theo cách của mình'*. Thực ra, cứ để mọi người hiểu lơ mơ về hạnh phúc cũng chẳng có gì là quá trầm trọng, nếu đó chỉ là thứ tình cảm thoáng qua và không để lại hậu quả: song đây lại là điều hoàn toàn khác, bởi vì nó là một phương cách sống quyết định phẩm chất từng khoảnh khắc của cuộc đời chúng ta. Vậy hạnh phúc là gì?"

"An lạc là trạng thái viên mãn kéo dài, được thể hiện khi con người thoát khỏi sự mù quáng của tâm thức và những cảm xúc xung đột. Đó cũng là trí tuệ, giúp ta nhìn thế giới đúng như bản chất của nó, không bị ngăn che hoặc bóp méo. Cuối cùng đó cũng là niềm hân hoan đi tới tự do nội tâm và lòng thương yêu tỏa sáng vì tha nhân."

"Hạnh phúc thực sự bắt nguồn từ lòng nhân từ cốt lõi, mong muốn chân thành cho ai cũng tìm được ý nghĩa của cuộc đời mình. Đó là một tình yêu thương luôn sẵn có đó, không phô trương, không tính toán. Là sự giản dị trước sau như một của một tấm lòng nhân hậu."

Phần 2 nói về sai lầm lớn nhất của con người: chấp có một cái tôi (bản ngã); về cách vượt qua các trạng thái cảm xúc xấu do sự chấp ngã đó đem lại như tham dục, hận thù và ghen tức; và về trạng thái hạnh phúc nhờ có được những đức tính khi buông bỏ cái tôi xuống: tâm vị tha, sự buông xả và tính khiêm nhường. "Còn bị chi phối bởi tầm quan trọng của ý thức về bản ngã, ta sẽ không bao giờ biết tới trạng thái bình yên lâu dài. Và như vậy, nguyên nhân gây khổ vẫn ẩn náu nguyên vẹn ở nơi sâu thẳm nhất trong ta và lấy đi của ta cái tự do căn bản nhất trong các trạng thái tự do".

Phần 3 đề cập tới một số quan niệm về hạnh phúc gắn với tinh thần lạc quan; tới trạng thái hạnh phúc và sự thanh thản khi đối diện với những đau khổ trong cuộc đời; và tới cách sử dụng thời gian. "Cuộc đời thì ngắn ngủi.

Nếu cứ liên tục trì hoãn điều thiết yếu để bị sa vào cái bẫy của những câu thúc rời rạc của xã hội thì chúng ta sẽ luôn là người thua cuộc. Những năm tháng ngày giờ còn lại của chúng ta giống như một chất liệu quý giá dễ dàng bị phân rã và không cưỡng lại được sự hoang phí. Mặc dù có giá trị lớn lao như thế, song thời gian không biết cách tự bảo vệ mình, hết như một đứa trẻ mà bất kỳ người xa lạ nào cũng có thể dặt tay đưa đi".

Phần 4 nói về hạnh phúc trong xã hội học (hạnh phúc có gắn liền với mức sống hay điều kiện sống không), các thí nghiệm về hạnh phúc (hạnh phúc có mang yếu tố di truyền không và các thí nghiệm được các nhà tâm lý học nổi danh tiến hành với Lạt-ma Oser) và hạnh phúc với các quan niệm của đạo đức học phương Tây.

"Còn đạo đức học Phật giáo thì khước từ những khuôn mẫu đồng cứng để lèo lái con thuyền của mình trên dòng sông hiện tượng liên tục tuôn chảy và biến hóa muôn màu muôn vẻ mà chúng ta bắt buộc phải nắm vững. Chỉ có liên tục tinh tấn phát triển trí tuệ và từ bi thì chúng ta mới thực sự trở thành những người có trách nhiệm và được hưởng hạnh phúc".

Phần cuối là ý nghĩa của cái chết trong việc khích lệ con người nỗ lực sống hạnh phúc hơn; về Đạo (con đường tâm linh) để tiến tới Hạnh phúc hay cũng chính là Giác ngộ (vì "chân hạnh phúc duy nhất là hạnh phúc đi liền với việc xóa bỏ tận gốc vô minh, tức khổ đau"); và lời kết của tác giả, người được giới truyền thông coi là "người hạnh phúc nhất thế giới".

"Tôi có thể khẳng định một cách không phô trương rằng tôi là một người hạnh phúc, bởi vì đơn giản đó là một sự thật, cũng thật như tôi nói tôi biết đọc hay khỏe mạnh vậy. Tuyên bố này sẽ chẳng có gì hay ho nếu khi còn nhỏ, tôi đã có một số phận may mắn. Nhưng không phải vậy... Hạnh phúc mà tôi cảm nhận trong từng khoảnh khắc của cuộc đời, nói đúng hơn là trong bất kể tình huống nào, đã được xây dựng theo năm tháng, trong những điều kiện thuận lợi để hiểu biết về nguyên nhân của hạnh phúc và khổ đau".

Với nội dung trình bày phong phú và đầy đủ như trên, chắc chắn khi đọc kỹ tác phẩm này bạn sẽ nhận thấy những vướng mắc của mình và những người thân trên con đường đạt tới hạnh phúc, hiểu cách vượt qua những vướng mắc ấy và luôn vững niềm tin rằng nếu thực sự tiến bước trên con đường tâm linh thế nào rồi bạn cũng sẽ có hạnh phúc.

"Khi đọc những cuốn sách nói rằng hạnh phúc và trí tuệ là những gì không thể đạt được, tôi chỉ thấy đáng tiếc vì khi nói như thế, người ta đã tự tước đi của mình và lấy mất của người khác những phẩm chất đã được cuộc sống nhiều lần kiểm chứng và trải nghiệm".

Xin cảm ơn tác giả Matthieu Ricard vì tác phẩm tuyệt diệu này. Cảm ơn cô Lê Việt Liên đã phiên dịch, và Thái Hà Books đã xuất bản bản dịch này để những tư tưởng về hạnh phúc của Lạt-ma Matthieu Ricard đến được với độc giả Việt Nam. Chúc mọi người cùng đạt được hạnh phúc. ■

Con đường ánh sáng

NGUYỄN CẦN

Từ niềm tin...

Ngay năm đầu tiên sau giải phóng, chúng tôi được học triết học Mác-Lênin suốt 8 tháng. Tôi vẫn nhớ cuộc tranh luận hồi ấy giữa sinh viên trong lớp và vị giáo sư quanh câu nói: "Tôn giáo là thuốc phiện của nhân loại". Tôn giáo, theo vị giáo sư ấy, tất nhiên gồm cả Phật giáo. Ngày ấy, các giáo sư triết thường khuyến khích sinh viên nêu quan điểm và sinh viên bấy giờ cũng không quá thụ động, quá thờ ơ với triết học như bây giờ (!). Dù kiến thức Phật học của chúng

tôi lúc đó khá nông cạn nhưng sau cuộc tranh luận kéo dài hơn 4 buổi học, thầy quyết định tạm ngưng với lời hứa: "Sẽ nghiên cứu Phật giáo trong hai năm rồi mới quay trở lại tranh luận tiếp". Ngày tháng qua đi, chẳng biết thầy có nghiên cứu không vì ông đã trở ra Hà Nội sau năm ấy, còn chúng tôi cứ mãi suy ngẫm luận cứ để phản bác lý luận của thầy, rằng Phật giáo mang quan điểm tiêu cực và bị quan với khẩu hiệu "Đời là bể khổ"; ngoài ra, Phật giáo còn "ru ngủ" quần chúng phải chấp nhận "số phận" đã an bài, từ đó triệt tiêu ý chí đấu tranh chống áp bức bất công (?).

Hơn 30 năm đã trôi qua, tôi tin chắc thầy đã phải thay đổi tư tưởng, vì hẳn là thầy cũng đã nhận ra rằng ngay trong "thế giới phẳng" này, "Nước mắt chúng sinh vẫn nhiều hơn cả nước biển đại dương gộp lại" (Lời Phật dạy). Hơn nữa, lẽ sinh thành hoại diệt là định luật tất yếu của muôn loài. Huống chi con người không chỉ khổ vì không thấy lẽ vô thường mà còn do vô minh, do vọng tưởng, do tham sân si tạo nên. "Si mê là nguồn của tất cả tội ác, trí tuệ là gốc của hết thầy pháp lành" (Kinh Pháp Cú). Chính vì ngu si đứng đầu và bao phủ toàn diện hết thầy nguyên nhân gây ra khổ não mà năng lực diệt ngu si thì chỉ có trí tuệ mới làm được, cho nên hễ có trí tuệ là có thể diệt được mọi đau khổ. Phật đã chỉ dạy ba phương tiện: Văn (nghe học chánh pháp), tư (suy nghiệm chánh pháp) và tu (áp dụng chánh pháp) "Tham sân si đang còn thì khổ não vẫn còn mãi, đeo nặng kiếp người..." (Thích Trí Quang – Tâm Ảnh Lục). Phật giáo là đạo diệt khổ vì khi 'con người đã có năng lực gây ra đau khổ toàn diện đời mình thì toàn diện đời mình cũng sẽ thay đổi được do chính năng lực ấy. Nên đời chúng ta đã biết khổ vì nguyên nhân nào thì bước thứ hai trong phương hướng mình phải đi là mạnh mẽ quay về chánh pháp, chuyển đời sống vô giá trị thành đời sống có giá trị" (TTQ-Sđđ). Phật pháp như thế không hề bị quan hay tiêu cực mà còn góp phần kiến tạo hòa bình vì "Chiến tranh làm gì xảy ra khi người ta giữ giới không sát sanh; Xâm lược làm gì xảy ra khi người ta giữ giới không trộm cướp? Cản chi hòa ước hay hội nghị khi mà mọi người đều biết giữ giới không nói dối?" Nhưng phước cho con người là thế gian này có bóng tối thì cũng có ánh sáng, đêm tối bao nhiêu thì ngày sáng bấy nhiêu, nên trong cõi đời hắc ám còn có mặt



trời chánh pháp. Đây là đời sống tràn đầy ánh sáng" (TTQ-sdd). Hay nói cách khác, đạo Phật là đạo chánh giác, đạo của thực chứng và trí tuệ.

Đến trí huệ

Nói rõ hơn nữa, đạo Phật bay trên đôi cánh của trí tuệ và lòng tin. Lòng tin phải đặt cơ sở trên trí tuệ. Chính vì điều này mà chúng tôi tin rằng nếu Marx đã từng nghiên cứu đạo Phật, ông ta đã không lớn tiếng bài bác "tôn giáo là thuốc phiện" vì Phật pháp, dù được hiểu với tư cách một tôn giáo hay một triết thuyết, luôn khiến con người tỉnh giác trong từng ý niệm, trong từng sát na của cuộc đời. Có thế, chúng ta mới xây dựng niềm tin nơi chánh pháp và quan trọng hơn là tin ở bản thể đồng nhất nơi mọi người và mọi vật. Bản thể đó là Phật tính. Nhìn nhận được như thế mới có thể cảm thấy không phân biệt trong đối xử và bình đẳng đối với mọi người. Lúc đó lòng ta không còn gợn lên những hàng rào dân tộc, tôn giáo, chính kiến, địa phương, giai cấp. Chúng ta sẽ nhìn mọi người như anh em mẹ cha trong hiện tại hay tiền kiếp. ...

Niềm tin thứ hai là ở nghiệp mà có người ví như cái bóng của chính mình. Phật đã dạy "*Người nào không tin vào nhân quả hay kiếp sau thì chẳng có điều ác nào không dám làm*". Chúng ta cảm nhận thấm thía hơn bao giờ hết trong tình trạng xã hội trống vắng đạo đức như hiện nay, bao nhiêu tội ác diễn ra ngoài đường phố, trong trường học chỉ vì sự mê muội cuồng vọng không có trí tuệ dẫn dắt hay đúng hơn thiếu sức mạnh tâm linh để nương tựa. Những đứa trẻ lớn lên thấy những kẻ dối bại, dối trá trong xã hội cứ nhờn như thụ hưởng mà không thấy hậu quả ngày sau. Từ đó, chúng mặc định xã hội theo kiểu "mạnh được yếu thua" và lãng quên lời cổ đức "*Thiện nhân thiện quả, ác nhân ác quả*"... Làm ác có thể thỏa mãn được ngã chấp, ngã dục hay không thì chưa biết nhưng hậu quả của nó thì chắc chắn sẽ là cái khổ vĩnh viễn.

Học Phật, ta cần phải chiêm nghiệm thuyết nhân duyên vì thì hết thấy sự vật trong thế giới đều do nhân duyên mà ra. Nhân duyên bao hàm mối quan hệ giữa mình và người thì thế giới này là nơi cộng đồng trách nhiệm, do đó nếu chỉ thỏa mãn tự kỷ tàn hại người khác thì cũng gián tiếp tàn hại chính mình, Phật dạy "*Bảo hộ mình tức là bảo hộ người, bảo hộ người cũng tức bảo hộ mình*" (Tương Ưng bộ). Trong kinh *Tăng Nhất A-hàm*, Phật đã nhắn nhủ "*Các cư sĩ của Phật nên nghĩ thế này: ta muốn sống, muốn không chết, muốn được sung sướng, muốn tránh khổ đau, nếu có người nào cướp đi sự muốn sống, không muốn chết, muốn tránh khổ đau và sinh mệnh của ta thì ta có vui sướng không?*" Thế nên Phật dạy "*Tự thông pháp*". Nghĩ như thế rồi thì tự mình không được giết hại, khuyến dụ người khác giữ giới bất sát và luôn tán thán những người không sát sinh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, ác khẩu, ý ngữ, lưỡng thiệt...". Tại các công ty lớn trên thế giới hay trong những xã hội văn minh, người ta đề cao "Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp" (CSR) hay những tiêu chuẩn sống văn minh không ngoài mục đích xây dựng trách nhiệm và ý thức cộng đồng. Nếu



chỉ vì nguồn lợi doanh nghiệp mình mà bất chấp môi sinh thì chính chúng ta và gia đình ta sẽ phải gánh chịu hậu quả ấy sau này. Hãy nhìn lại những hành động hủy hoại môi trường và khai thác tài nguyên cạn kiệt. Hơn lúc nào, ta cần phải đưa Phật pháp vào đời sống cộng đồng vì chúng ta sống trong mối quan hệ tương tác của con người và thiên nhiên.

Làm sao sống mạnh và sống rộng

Đọc bao nhiêu kinh đi nữa mà không tu tập cũng chẳng khác gì người ngồi mài gạch để soi gương. Nhất là người cư sĩ, nếu sống theo những vọng tưởng, trong cuộc mưu sinh không kém phần khốc liệt đã có lúc cảm thấy như nhạc sĩ họ Trịnh: "*Biển sóng biển sóng đừng xô tôi / đừng xô tôi ngã dưới chân người...*". "Muốn không có sóng ở trong tâm – sóng dục vọng, sóng ham muốn, sóng tham sân si thì phải thực hành thanh tịnh giới định tuệ đi với nhau mật thiết, ngưng ngay tám cơn gió chướng. Khi tịnh hóa tâm hồn thì dù ngồi giữa chợ, ta vẫn thấy an nhiên. Bằng không chúng ta sẽ mãi là những gã cùng tử lang thang tìm một chốn về. Nói như Bùi Giáng:

Thưa rằng mới bước chân ra

Chết từ sơ ngộ màu hoa trên ngàn

Bởi vì ta không hiểu ta là ai, khi quán chiếu lòng mình và cuộc đời chỉ thấy thao thức:

Trang ơi, im lặng suốt đời

Mà sao ta vẫn đứng ngồi không yên. (Phạm Duy)

Thế nên phải biết sống trong chánh niệm. Nói như Hòa thượng Kimura Taiken: "... Trên thực tế, người tại gia cũng không kém gì bậc La-hán về phương diện pháp duyệt (vui với giáo pháp) và an tâm, bởi thế rất nhiều người tỏ ra có sức điều dụng, nhất là khi đau ốm dựa vào pháp lực mà trị liệu, khi sắp chết lòng thanh thản, ung dung không sợ hãi (Nguyên thủy Phật giáo tư tưởng luận). Các vị cao tăng đều khuyên ta nên, ngoài chánh tín, hay niềm tin sâu xa mãnh liệt vào Phật pháp, phải **sống mạnh** - nghĩa là hướng thẳng tới con đường giác ngộ và phần chí chiến thắng các thói xấu, luyện tập các đức tính từ bi trí huệ và vô úy, đồng thời **sống rộng** là sống giản dị và thanh bần, bỏ tánh ích kỷ, tập sống vị tha, theo tâm từ bi vô lượng. Được như thế, người cư sĩ sẽ sống một đời ý nghĩa lắm thay! ■



QUÁCH GIAO

Chim hát trong lồng

Từ lâu, khu vườn trước Bưu điện Khánh Hòa đã trở thành nơi tụ họp vào mỗi buổi sáng Chủ nhật của những người dân xứ Trầm hương ưa thích tiếng hát thánh thót trầm bổng của những chú chim chóp mào ở nơi thành phố biển này. Nhìn thẳng ra mặt biển, cách bờ nước không tới hai chục mét, khu vườn trước Bưu điện Khánh Hòa quả thật là một nơi lý tưởng để quy tụ những tay chơi chim khắp nơi đổ về mỗi buổi sáng Chủ nhật.

Vào lúc mặt trời vừa lên cao, các lồng chim được đem đan và được đặt thành vòng tròn nơi sân cỏ, vòng trong là các lồng chim còn vòng ngoài là các chủ chim ngồi bao quanh. Tất cả các lồng chim đều được che kín bằng một tấm màn vải màu xanh rồi sau đó, từ từ, chủ nhân của từng chiếc lồng một mới mở tấm màn che ra để các chú chim có thể trông thấy mặt nhau. Chim được mang đến để khoe giọng gồm thuần một giống chóp mào có bộ lông mượt, mập tròn và rộn ràng bay nhảy trong lồng.

Nắng đã ngập tràn khu vườn trống vắng. Người tập thể dục, tắm biển và đi dạo trên bãi biển đã thưa dần. Các tấm màn che lồng chim bằng vải xanh bắt đầu được nhẹ nhàng kéo lên và lấy ra. Lồng chim tràn ngập nắng vàng. Những con chim chóp mào nhảy nhót

khắp mọi hướng trong chiếc lồng nhỏ bé. Con người đi và chạy trên bờ biển rộng rãi, còn chim thì bay nhảy trong chiếc lồng chật hẹp. Nhưng có lẽ cả hai đều thấy vui. Con người tươi tắn hơn hờ, còn con chim mặt dáo dác, mắt láo liêng nhảy từ nơi này đến nơi khác. Các lồng chim đặt cách nhau một khoảng khá xa. Không một con chim nào chú ý đến bạn nó đang nhảy nhót trong chiếc lồng bên kia. Sự hồ hững tự nhiên như ánh sáng. Bỗng nhiên một tiếng chim cất lên thánh thót. Giọng chim vang cao. Một giây yên lặng trôi qua, rồi rộn ràng những giọng chim đồng loạt cất lên lạnh lốt. Ánh nắng tung bừng nhấp nháy trên cành lá như âm thanh nhảy nhót trên lá cành. Một phút giây hạnh phúc bỗng ngập tràn. Lâu nay tiếng dương cầm nghe vang trong mấy phát âm làm tai chúng ta không phân biệt được sự trầm bổng của âm thanh. Hôm nay tiếng chim ngân vang theo âm thanh ba chiều làm lòng ta để mê chìm vào không gian tự nhiên trong bầu trời ban mai nắng lộng. Có ngồi dưới nắng mai để nghe tiếng chim hát, lồng mới cảm thấy ngọt ngào nhớ lại những buổi sáng nghe chim se se riu riu trên cành mạn, tiếng cu cườm gáy trên khóm tre giữa vòm trời trưa mùa hạ. Từng giọt âm thanh nhỏ xuống cõi lòng. Tôi không còn thấy những chiếc lồng tre màu vàng óng ả, những con chim đang bay nhảy trong lồng mà

chỉ còn thấy trong nắng vàng rực rỡ, tiếng chim chóp mào như gieo nhạc trong nắng. Bây giờ tôi mới thấm thía nhận ra được tại sao lại có những ngôi nhà trên gác hẹp, treo nhòng nhảnh những lồng chim một cách lác lõng bơ vơ, chen lẫn với áo quần phơi chật chội. Chủ nhân sẽ hạnh phúc trong những giây phút khi bình minh đến với tiếng chim hát ở trong lồng. Tiếng chim đem về kỷ niệm, tiếng chim đưa con người đi vào quê hương xa cách nghìn trùng mà có lẽ còn lâu mới tìm lại được.

Trong khu vườn này, tiếng chim hát không còn ở trong lồng mà như trên cành bàng, trên cành muồng, cành liễu. Giọng chim trong trẻo, điệu chim ngân nga như chim chưa hề bị nhốt trong lồng mà vẫn sống một cuộc đời tự do bay nhảy. Trong một thoáng, tâm trí tôi bỗng xuất hiện một ý nghĩ vị kỷ: Tôi thấm cảm ơn người chủ chim đã nuôi nấng chăm sóc cho chim để hôm nay tôi được nghe tiếng hát ngọt ngào tưởng như do thiên nhiên ban tặng. Quả thật, nếu những con chim kia được tự do thì có lẽ không khi nào tôi được nghe tiếng chim hát trong một thành phố đầy nhộn nhịp ồn ào này. Bờ biển buổi sáng tuy xinh đẹp song lại đầy người chen chúc nhau tập thể dục, đi đi, chạy chạy như cố hít thở thật nhiều không khí trong lành vào phổi, cố vận động thật nhiều như để được

manh khỏe hơn người khác. Riêng những người chơi chim, họ không giữ lại cho riêng mình tiếng chim hót thanh tao ngọt ngào mà như chia cho nhau những âm thanh khiến hồn người lâng lâng và làm sống lại những khoảnh khắc hòa đồng cùng bằng hữu.

Mỗi khi nhìn thấy những chiếc xe máy có người cầm chiếc lồng chim được bao trùm bằng tấm vải che màu xanh, lòng tôi những muốn chạy theo để được đến chung vui hội tụ với những con người có một niềm vui thú không chỉ riêng cho mình mà còn cho cả những người biết thưởng thức thú nghe chim hót. Nghe và phân biệt được tiếng con chim nào hót hay hơn con chim khác cũng là một kinh nghiệm và đòi hỏi khiếu thẩm âm. Ngồi trầm ngâm trong nắng mai, mắt lơ đãng nhìn hoa muống vàng tươi trong nhánh lá xanh nhưng hồn vẫn theo dõi tiếng chim hót trong lồng, người sành điệu vẫn nhận ra tiếng con chim của bạn mình hôm nay hót ngọt ngào ra sao và nhất là giọng ngân càng ngày càng lạnh lạnh rộn ràng hơn những con chim khác. Tuy nhiên, không một lời phê phán, không một câu khen chê, so sánh. Chính cái không khí yên lặng này khiến cho lòng người nghe say mê thưởng thức. Tiếng xe cộ như lắng lại, bầu không khí như loãng ra và sắc nắng ban mai như vàng tươi thêm chút nữa. Trong thời khắc này thành phố biến như trong vắt, biển vẫn chao sóng vỗ bờ song tiếng sóng như mơ hồ như thắm thì với bờ cát.

Người chơi chim là một nghệ nhân. Từ cách lựa chim, chọn lồng và cho ăn cho uống hằng ngày, họ đều có bài bản và nghệ thuật. Mỗi lần cho ăn là mỗi lần đứng ngắm chim, nhận ra được sự thay đổi trong màu lông chim lẫn với cái chớp mắt. Khi chim bắt đầu có tiếng hót thì ngày nào chủ nhân cũng ra đứng bên lồng se se huýt gió để luyện giọng cho chim. Rồi đem chim đến trường chim để tập cho chim nghe được tiếng thánh thót của đồng loại. Bỗng nhiên một buổi sáng, khi người chủ vừa vén màn

bước ra hiên thì chợt nghe tiếng hót lạnh lạnh của chú chim trưởng thành. Ôi niềm vui nào hơn được niềm vui này. Thế là sáng hôm sau chim và lồng được đem tới vườn chim ra mắt chính thức cùng bạn bè.

Bên trời Âu, vẫn có những nhóm nghệ sĩ chơi âm nhạc thường hội nhau lại nơi một vườn hoa công cộng, được chính quyền cho phép, cùng nhau hòa tấu vào các buổi sáng Chủ nhật. Thính giả thường đứng nghe chăm chú, thích thú hoặc vì tò mò hoặc vì chiêm ngưỡng. Nơi sân chim này có rất ít người đứng nghe chim hót nhưng tò mò đứng lại xem chim có đá với nhau hay không? Họ hoàn toàn mới có người đứng thưởng thức giọng hót của đàn chim.

Không phải ai ai cũng có sở thích chơi chim hót. Có người thích nuôi chim đá, thích nuôi chim mới để đi bầy chim chẳng hạn. Có nơi chim chớp mắt không chỉ được nuôi để được nghe tiếng hót mà còn để cho chim đá lẫn nhau. Đem hai lồng chim để gần nhau cho hai con chim đối mặt và khi chim bắt đầu có thái độ "găng" với nhau thì các chủ nhân mới khẽ kéo tấm cửa hai bên để một trong hai con nhẩy qua lồng bên. Cuộc chiến đấu của đôi chim với những cú mổ bằng mỏ, đá bằng chân, đập bằng cánh bắt đầu. Có lúc cuộc chiến kéo dài rất lâu nhưng cũng có lúc trận đá chim diễn ra chớp nhoáng. Con chim thua trận bay nhẩy trốn tránh và người chủ vội thò tay vào lồng bắt chim ra. Thường thì các trận đấu này có cá độ ăn tiền. Song chuyện đá chim như thế chỉ xảy ra ở những nơi khác. Nơi sân chim này chỉ có tiếng hót của chim mà không có tiếng lao xao của con người.

Tôi vẫn thỉnh thoảng từ bỏ việc ngồi nhìn biển buổi sớm để đến góp mặt phía sau lưng các nghệ nhân chơi chim, lắng nghe tiếng chim hót trong lồng với tâm hồn phơi phơi để nhớ về những buổi sáng nơi quê ngoại, nơi tôi đã từng ngồi nghe tiếng chim chớp mắt hót trên cành hoa đào cuối sân. Tôi yêu tiếng hót của chim chớp mắt từ thuở còn thơ cùng với những

dòng thơ của nhà thơ Quách Tấn viết cho trẻ em:

*Chim chớp mắt
Đậu trên cây đào
Trông xinh làm sao.
Con chớp mắt
Kêu trên cây đào
Nghe hay làm sao
Em nở nào?
Đi tìm cây sào
Đánh con chớp mắt
Em nở nào?
Tay cầm cây sào
Đánh con chớp mắt
Hờ em?
Em hờ em
Để cho chim
Đi tìm
Con sâu con bọ
Đem về nuôi
Bầy con nhỏ
Bên cửa tổ
Nằm há mỏ
Chờ mong mẹ về
Bầy con nhỏ
Nằm há mỏ
Chờ mong mẹ về.
(Vui Với Trẻ Em - Quách Tấn)*

Lời thơ trong sáng, ý thơ chơn chất và nhất là tấm lòng của thi nhân đối với sinh vật thật là thiết tha nhân ái. Hình ảnh:

*Bầy con nhỏ
Nằm há mỏ
Chờ mong mẹ về*

là hình ảnh cuộc sống của chính chúng ta.

Tiếng chim hót trong lồng nghe cũng lạnh lót và rộn ràng, nhưng nếu tôi được nghe lại tiếng chim từ vườn xưa của con chớp mắt tự do bay nhẩy trên cây đào thì hạnh phúc và thân thương biết là ngần nào!

Con chim trong lồng vàng, được chăm chút với giường bông, với nệm hoa, được kiêu đường bằng gạo trắng, bằng kê khô, bằng mật ngọt... cũng biết cất lên những tiếng hót lạnh lót rộn ràng, nhưng làm sao bằng được con chim bay bổng ngoài trời có những tiếng hót thanh thoát tươi vui? Con người cũng thế, chỉ khi được tự do cất tiếng mới có thể có những lời khôn ngoan sâu sắc.■



Vườn chùa xứ Huế

DUONG HAI VAN

Ngôi chùa, trong đời sống tinh thần của đa số người dân Huế, có vai trò rất đặc biệt. Đó là hình ảnh vừa thiêng liêng mà lại rất gần gũi trong đời sống thường nhật của con người. Người Huế đến với chùa vì rất nhiều lý do khác nhau. Có người đến để dâng hương, cúng Phật... Lại có người đến chùa để học hỏi giáo lý, triết lý nhà Phật. Cũng không ít người chỉ muốn được hưởng chút thư thái, thả hồn mình giữa khu vườn chùa tĩnh lặng. Từ cổng tam quan, đi vào chùa, người ta đã thấy sự hiện diện của cây cối trong vườn. Ở đâu cũng bắt gặp màu xanh của lá, vẻ mảnh mai của hoa, và những thân cây vươn mình trong gió. Khu vườn bao quanh chùa như chiếc cầu nối đầu tiên đưa chúng sinh đến với "cửa Phật".

Thế giới quan phương Đông đặt con người trong mối giao hòa với thiên nhiên, đất trời theo quy luật tự nhiên: "Nhân pháp Địa, Địa pháp Thiên, Thiên pháp Đạo, Đạo pháp Tự nhiên". Ở đó, con người sống trong môi trường tự tạo, nằm giữa môi trường tự nhiên, tạo thành một thống nhất theo quan niệm triết học truyền thống "Thiên Nhân hợp nhất". Nó thể hiện một quan niệm xuất phát từ một triết lý sâu xa của phương Đông, rằng *con người vốn là kẻ cư ngụ trong căn nhà lớn của vũ trụ. Từ đó, trong cố gắng vươn tới nền hạnh phúc về tinh thần, con người luôn luôn biểu hiện nỗi khát khao tìm về nơi ẩn chốn ở nguyên thủy của nó, nơi thực sự nó đã sinh ra.*

Kiến trúc vườn có thể coi là một biểu hiện sinh động cho quan niệm này. Con người bước ra từ thế giới tự nhiên, vốn sống hòa mình với thiên nhiên cây cỏ. Nhưng khi con người ngày một phát triển, nhu cầu vật chất ngày một

cao, cuộc sống đô thị dần hình thành và lan tỏa mạnh mẽ thì thế giới tự nhiên cũng dần co hẹp lại. Có thể nói, cuộc sống con người càng phát triển thì môi trường tự nhiên càng lùi xa. Khát khao được sống giữa tự nhiên chỉ có thể được đáp ứng bằng cách con người tự tạo ra trong khu vực sống của mình những cảnh quan như thế giới thiên nhiên vốn có. Khu vườn ra đời từ đó.

Các ngôi chùa phần nhiều nằm ở những ngọn đồi, núi, nơi rừng xanh xa xôi, cách xa chốn bụi trần. Con đường dẫn vào chùa có thể là lối nhỏ chạy quanh cơ giữa rừng thông xanh (chùa Từ Hiếu) hay là những hàng tre nối tiếp nhau (chùa Trúc Lâm) hoặc chỉ là các bậc thang từ đường chính đi vào (chùa Thiên Mụ, chùa Từ Đàm). Trên những con đường ấy, các bước chân của các tín đồ Phật tử lên chùa luôn bình thản nhẹ nhàng chứ không vội vã tất bật. Những lối đi ấy như con đường dẫn dắt mọi người đến với đạo pháp – trong chùa và trong chính tâm lòng mỗi người.

Qua lối vào chùa là đến cổng chùa. Tùy vào chùa lớn hay nhỏ mà hệ thống cổng được xây dựng cho phù hợp, được trang trí hoa văn hay chỉ xây trơ. Có chùa cổng vào cũng chính là cổng tam quan. So với các kiến trúc trong chùa, các cổng tam quan thường vươn cao trong không trung, bằng hay thậm chí vượt cả mái chùa. Điều này không có gì mâu thuẫn với triết lý sống hòa hợp với tự nhiên, bình lặng, tự tại của triết lý Phật giáo. Hệ thống cổng tam quan tự nó đã mang ý nghĩa là đường phân cách khuôn viên chùa với cuộc đời náo nhiệt xung quanh. Nó báo hiệu trước cho mỗi người đến chùa sự chuyển nhịp từ nhịp sống nhộn nhịp sang tâm thái thư thái, tĩnh lặng, yên ả. Bước qua cổng, tiếng cười tiếng nói đều với

hắn, nhường chỗ cho bầu không gian trầm tư. Nhưng nó không bao giờ chia cắt hẳn mà luôn là sự chuyển tiếp, là đường nối mảnh mai giữa hai không gian: chùa và đời. Hệ thống cổng tam quan, có khi là những chiếc cột trụ cao mở ra lối vào thoáng đàng với khoảng không gian rộng mở phía sau (như chùa Tây Thiên). Cũng có khi đó là chiếc cổng với vòm cửa rộng, che bước chân người đến chùa trong những ngày mưa gió (chùa Báo Quốc). Đó là tính nhân văn sâu sắc ẩn chứa tinh tế trong nét văn hóa Huế, thể hiện qua kiến trúc Huế nói chung và khu vườn chùa xứ Huế nói riêng.

Qua cổng tam quan là khuôn viên vườn chùa. Ngay giữa là trục chính đạo dẫn vào tiền đường và chính điện, ngang qua sân ngoài của chùa. Kiến trúc của chùa gồm ngôi chính điện và các nhà phụ luôn được xây dựng sao cho nằm trọn trong không gian thiên nhiên. Màu lá xanh luôn che chở cho mái chùa, tạo bóng mát, thanh trong để mỗi người tu hành, di dưỡng tâm hồn đạt đến chân tu.

Vườn chùa Huế không bao giờ hỗn độn mà phân minh từng vùng, từng khoảnh, từng vòng cây riêng. Hệ thống cây xanh trong vườn là sự tổng hợp từ thế giới tự nhiên nhưng nó cũng là tác phẩm nhân tạo được tạo dựng từ sự am tường khá kỹ càng của con người. Chúng phản ánh sự phong phú của hệ sinh thái và thảm thực vật trong sinh cảnh vùng bán sơn địa phía Tây Thừa Thiên Huế. Dĩ nhiên bên cạnh công dụng riêng, nhiều cây còn thể hiện tư tưởng triết lý Phật giáo và cả biểu tượng của tính cách, quan niệm nhân sinh quan và tâm hồn của những người đã kiến thiết nên khu vườn. Việc chăm sóc cây cối từ lúc còn mầm non cho đến lúc cây lớn, ra hoa, sai quả không chỉ là niềm yêu thích mà còn là quá trình rèn luyện, tu tập lâu dài đối với các Tăng Ni. Chăm sóc cây cối trong vòng đời luân hồi của cây giúp mỗi người thấu hiểu sự lâu dài, quý giá như chính kiếp người vậy.

Hơn thế, khu vườn còn tạo mối liên hệ tri âm giữa con người và cỏ cây, gợi nhắc sợi dây vô hình nối giữa tâm linh và thiên nhiên, thể hiện giữa hòa điệu tâm hồn con người và thế giới tự nhiên. *Đây là môi trường tốt để nảy sinh tình yêu thiên nhiên, sự đồng cảm với thế giới cỏ cây và các sinh vật khác, ở đó con người dễ dàng tìm thấy niềm vui của sự sáng tạo và môi trường di dưỡng tinh thần một cách tự nhiên nhất.*

Sự xuất hiện tháp mộ trong vườn là một đặc điểm khá đặc trưng của vườn chùa Huế. Đây là các tháp mộ của nhiều vị tổ sư, các hòa thượng trú trì của chùa đã viên tịch. Tất cả được gọi là tháp Tăng, để phân biệt với tháp để thờ Phật (tháp Phật). Tháp mộ có nhiều tầng, chồng lên nhau theo tỷ lệ cân đối, nhìn xa trông như tam giác cân. Tường được xây vòng có cạnh theo hình tháp, phía trước tháp có thể có bia tháp hoặc bia ký được khắc đề. Tháp mộ và các tấm bia là những di tích, tư liệu góp phần quan trọng giúp chúng ta hiểu hơn lịch sử ngôi chùa và các vị cao tăng, hòa thượng.

Vườn chùa mang triết lý Phật giáo đậm nét. Trong

Nikàya, Đức Phật tuyên bố: *Khi tôi thanh tịnh, tôi thấy thế giới thanh tịnh*. Lời tuyên bố ấy tiềm ẩn một ý nghĩa thật sâu sắc, mà nhìn qua lăng kính mỹ học ta có thể gọi đó là lý thuyết cổ điển về mỹ học Phật giáo. Tư tưởng Phật giáo về mỹ học hướng đến cái đẹp bình thường, dung dị vốn có trong cuộc sống của con người chứ không phải là điều gì quá cao xa. Hơn thế nữa, cái đẹp không đơn thuần là một khái niệm mà nó còn gắn với một đặc tính vô cùng quan trọng là góp phần xây dựng nên cuộc sống an lạc, hạnh phúc thiết thực cho con người. Sự hài hòa, sáng tạo và có đặc trưng sâu xa về tính thiện là điều mà ta cảm nhận được khi đến với vườn chùa. Mỗi lần bước chân qua cánh cửa tam quan, ta như cảm thấy một chút ưu tư trong lòng vơi bớt. Khi lang thang trong khoảng không gian tĩnh lặng, để hòa mình vào màu xanh của lá, hương thơm của hoa, để nghe tiếng chim ríu rít và tận hưởng làn gió mát lành, ta sẽ thấy tâm hồn mình thật sáng khoái. Tâm thanh tịnh sẽ mang sức sống hạnh phúc thật sự cho con người. Khu vườn chùa, được tạo dựng bởi tình yêu thương, sự chăm chút, lòng kiên trì, sự khéo léo của Tăng chúng, đã đem sự thanh tịnh thật sự cho bất kỳ một tâm hồn nào đến với chùa.

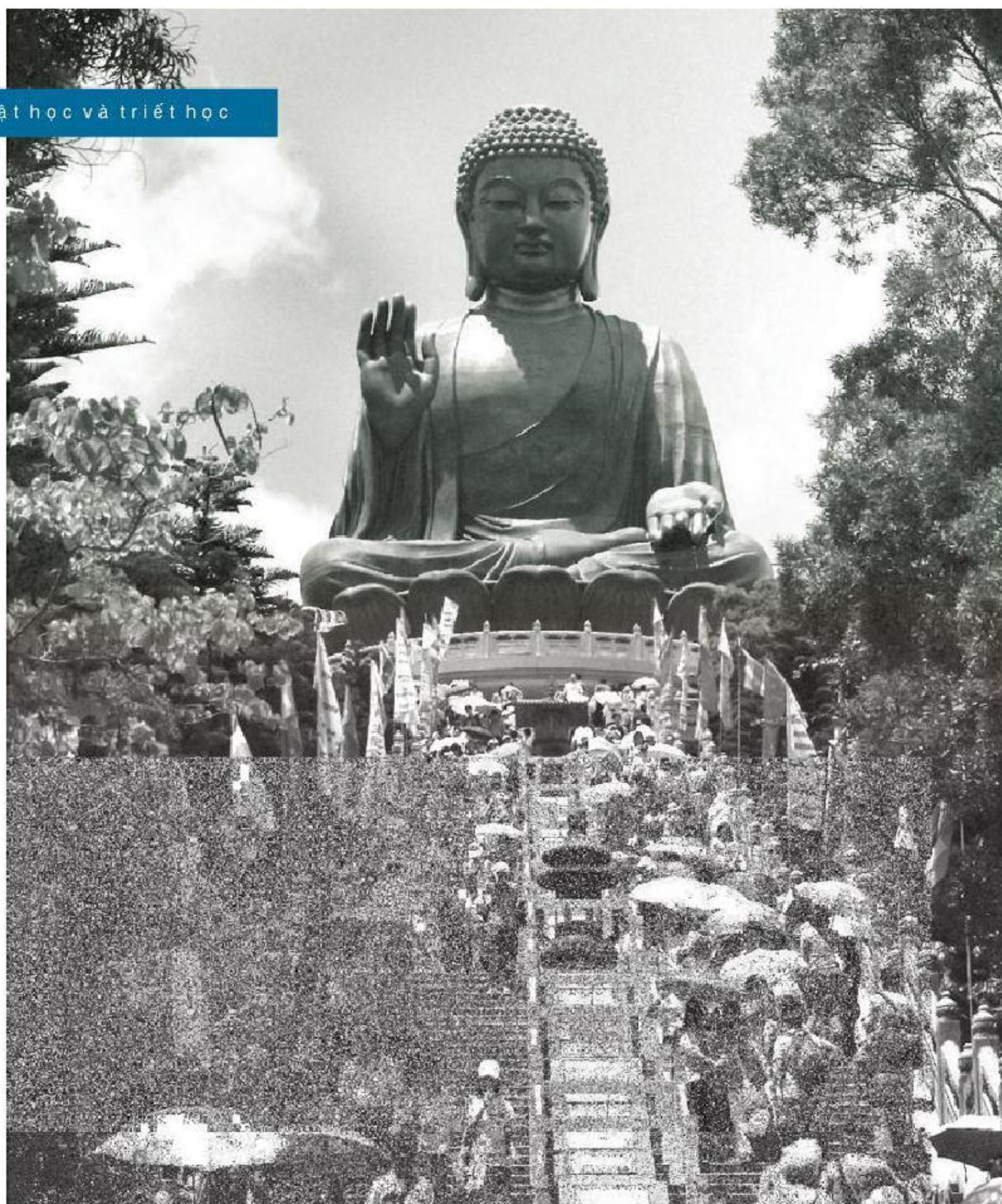
Vườn chùa cũng là nơi chào đón những bước chân văn cảnh chùa, những tâm hồn hướng thiện trong môi trường thiên. Ở đó có những con người suốt một đời người vất vả ngược xuôi, giờ đến chùa như về với những gì tinh khôi, mới mẻ thuở ban đầu của cuộc sống.

Không chỉ có ý nghĩa về mặt Phật giáo, tâm linh, vườn chùa còn ý nghĩa lớn đối với mối quan hệ vườn chùa Huế - văn hóa Huế. Những khu vườn chùa thoáng nhìn như không có bố cục, cấu trúc, nhưng đằng sau vẻ đẹp tự nhiên, đơn sơ ấy là bàn tay tài hoa và nghệ thuật làm vườn tuyệt vời của con người xứ Huế. Đó cũng là giá trị góp phần làm phong phú thêm cho văn hóa vùng Huế.

Tài sản quý giá nhất mà những ngôi vườn chùa tạo nên là một phần tinh thần, tâm hồn con người Huế, "*bản sắc văn hóa Huế*" trong chiều sâu văn hóa đa dạng của Việt Nam. ■

Tài liệu tham khảo:

1. Thích Hải Ấn và Hà Xuân Liêm, *Lịch sử Phật giáo xứ Huế*, Nxb TP HCM
2. Hà Xuân Liêm, *Những ngôi chùa Huế*, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2000.
3. Phân viện Nghiên cứu Văn hóa nghệ thuật tại thành phố Huế - Sở Văn hóa Thông tin Thừa Thiên Huế - Văn phòng Festival Huế 2002, *Di sản văn hóa Nhà vườn xứ Huế và vấn đề bảo tồn*, Huế, tháng 5.2002
4. Lý Thái Sơn, *Huế với phong thủy*, trong *Với Huế*, số 4, Hà Nội, 2003, từ trang 24 – 30.
5. Bhikkhu Thích Tâm Thiện, *Tư tưởng mỹ học Phật giáo*, Thành hội Phật giáo TP. Hồ Chí Minh ấn hành, PL 2540 – 1996.
6. Hoàng Phủ Ngọc Tường, *Huế-di tích và con người*, Nxb Thuận Hóa, 1995.
7. Trần Đại Vinh - Nguyễn Hữu Thông – Lê Văn Sách, *Danh lam xứ Huế*, Nxb Hội Nhà Văn, TP Hồ Chí Minh, 1993.



Văn hóa giáo dục Phật giáo

LÝ KIM HOA

1. Xác định nội dung các hạng từ

Các hạng từ trong đề tài: Văn hóa–Giáo dục–Phật giáo
Xác định nội dung không phải đi tìm một định nghĩa. Ba hạng từ này đã có quá nhiều định nghĩa tùy theo quan điểm và góc độ người nghiên cứu như văn hóa nhân loại học, dân tộc học, xã hội học, khảo cổ học v.v. Hơn nữa với chúng ta, là Phật tử xuất gia tại gia thì sinh hoạt văn hóa giáo dục là một trong sinh hoạt thường nhật. Có điều cần xác định nội dung để có thể sinh hoạt đúng hướng và ít thiếu sót.

Với hạng từ văn hóa, tôi quan niệm có nội dung như sau: “Văn hóa là một thành tựu được tích lũy có chọn lọc, giữ gìn và phát triển, qua quá trình lịch sử của một cộng đồng người trong một địa bàn nhất định. Tức như văn hóa phi vật thể xưa quen gọi là văn minh tinh thần và văn hóa vật thể xưa quen gọi là văn minh vật chất”. Một tổ chức quốc tế, UNESCO của Liên Hiệp Quốc từ năm 2002 đến nay đã công bố như một định nghĩa chung được chấp nhận như sau: “Văn hóa được xem như một tập hợp các đặc trưng về tinh thần và vật chất, tri thức và tình cảm của một xã hội hay một nhóm người trong xã hội. Văn hóa không chỉ gồm có văn học nghệ thuật mà còn cả cách sống, các quyền căn bản về con người, hệ thống giá trị, các truyền thống và tín ngưỡng...” (*Culture comprises the whole complex of distinctive spiritual, material, intellectual and emotional features that characterise a society or a social group. It includes not only the arts and letters but also modes of life, the fundamental rights of the human being, value systems, traditions and beliefs*).

Có người bảo từ văn hóa là do dịch từ tiếng Culture của phương Tây, nhưng khái niệm về văn hóa đã được tìm thấy trong tư tưởng phương Đông từ rất xa xưa. Kinh Dịch có câu: “Quan thiên văn dĩ sát thời biến, quan nhân văn dĩ hóa thành thiên hạ”. Nghĩa là quan sát hiện tượng thiên nhiên để thấy sự biến dịch của thời tiết, quan sát hiện tượng xã hội để giáo hóa con người. Đây nói lên cái sinh hoạt con người trong thiên nhiên và cộng đồng xã hội qua thời gian và không gian.

Với hạng từ Giáo dục, buổi đầu, phương Đông cũng như phương Tây đều lấy con người làm đối tượng, nhằm phát triển 3 phương diện trí tuệ, tình cảm và thể chất. Từ Education xuất hiện ở Pháp từ đầu thế kỷ 16, đến giữa thế kỷ 17, Viện Hàn lâm Pháp mới đưa ra định nghĩa đầu tiên như sau: “Giáo dục là sự dạy dỗ trẻ em hoặc về phương diện trí tuệ hoặc về phương diện thể chất”. (*L'éducation c'est le soin qu'on prend de l'instruction des enfants, soit en ce qui regarde les exercices de l'esprit, soit en ce qui regarde les exercices du corps*).

Cũng có người bảo từ giáo dục được dịch từ tiếng Latin là Educare. Thế nhưng quan niệm về giáo dục cũng không phải phương Đông chậm chân hơn phương Tây. Sách Mạnh Tử, Thiên Tận thượng có nói: “Đắc thiên hạ anh tài nhi giáo dục chi”. Nghĩa là giáo dục để được bậc anh tài trong thiên hạ. Giáo dục buổi đầu ở phương Tây và phương Đông có vẻ đi theo hai chiều ngược nhau. Nghĩa là trong ba phương

diện của giáo dục trước tiên chú trọng vào giáo dục trí tuệ. Khi nền giáo dục phương Tây vào Việt Nam, trong Sách Tập Đọc, Quốc văn giáo khoa thư, Lớp Đồng Ấu đã thấy xuất hiện trong bài tập đọc các câu như: “Tôi đi học để làm gì? Tôi đi học để biết đọc biết viết biết tính toán và biết nhiều khoa học khác nữa...”. Đó là giáo dục 3R của phương Tây. Trong khi phương Đông trước tiên dạy cho đứa trẻ “ứng đối, tiến thoái, sai tảo” hay “tiên học lễ, hậu học văn” đặt nặng giáo dục đạo đức tình cảm lên trước.

2. Tương quan giữa văn hóa và giáo dục

Cuộc sống con người càng phong phú đa dạng thì văn hóa càng được triển khai ra nhiều chi tiết nhiều lĩnh vực. Như ngày nay ta thường nghe mà không còn lạ tai nữa như văn hóa giao tiếp ứng xử, văn hóa phục trang, văn hóa ẩm thực, văn hóa cống chiêng, cho đến văn hóa tham gia giao thông, văn hóa xếp hàng, văn hóa sử dụng điện thoại di động, rồi nào là khu phố văn hóa, cung văn hóa, nhà văn hóa, gia đình văn hóa v.v. Tất cả những cái được gọi là văn hóa đó dù cụ thể hay trừu tượng, dù vật thể hay phi vật thể, đều không phải từ hư không rơi xuống mà do nỗ lực của con người tiếp thu, tích lũy, chọn lọc, hoàn thiện và phát triển để trang nghiêm cuộc sống. Như vậy những công đoạn tích lũy, gạn lọc, bảo tồn và phát triển là gì nếu không phải là quá trình giáo dục? Không được giáo dục tự nhiên làm sao có văn hóa? Một người không học không hành, người ta bảo là người không có văn hóa, học hành chẳng tới đâu người ta cho là thiếu trình độ văn hóa.

Vậy giáo dục dù nghĩa rộng hay nghĩa hẹp, dù quan niệm theo phương Đông hay phương Tây, dù truyền thống hay hiện đại đều có nghĩa là xây dựng văn hóa, đưa văn hóa lên tầm cao. Văn hóa cao trở lại tạo động lực cho giáo dục tiến nhanh tiến mạnh, đạt được nhiều thành quả tốt hơn nữa.

Cho nên người làm công tác văn hóa đồng thời cũng là người làm công tác giáo dục. Người làm công tác giáo dục đồng thời cũng là người xây dựng văn hóa.

3. Xác định nội dung hạng từ Phật giáo

Phật giáo có phải là một thành tựu văn hóa hay một hệ thống giáo dục? Dĩ nhiên xưa nay Phật giáo được coi như một trong các tôn giáo lớn trên thế giới. Nhưng Phật giáo dứt khoát không như một tôn giáo theo khái niệm thông thường, cũng không phải chỉ là một hệ thống triết lý hay giáo dục. Không như một tôn giáo theo quan niệm thông thường vì người Phật tử bác bỏ thuyết sáng tạo, không chấp nhận thần quyền. Người Phật tử không thấy có một thiên đàng nào ngoài thế giới này. Thiên đàng hay địa ngục là do con người tạo ra. Người Phật tử không trông mong chết đi được sinh về làm con dân một nước thiên đàng, mà nỗ lực hoàn thiện nhân cách, đoạn diệt phiền não chướng sở tri chướng để tự giải thoát, thể nhập bản thể thanh tịnh của pháp thân. Phật giáo là giáo pháp của Đức Phật dạy. Vậy cũng có thể nói Phật giáo là một hệ

thống giáo dục. Vì một trong 10 hiệu của Phật là Thiên Nhân Sư.

Thật vậy, về mặt thể tục đế, nhìn từ góc độ văn hóa người ta có thể thấy Phật giáo là một thành tựu văn hóa, nhìn từ khía cạnh giáo dục sẽ thấy Phật giáo là một hệ thống giáo dục, nhìn từ khía cạnh lễ nghi tín ngưỡng thì thấy một hình thức tôn giáo.

Với nhãn quan một nhà nghiên cứu văn hóa xã hội chắc phải nhìn nhận Thích-ca Mâu-ni là nhân vật lịch sử đã làm một cuộc cách mạng văn hóa vĩ đại, đổ nhào hệ tư tưởng và thang giá trị đã ngự trị bán đảo Ấn Độ tự ngàn xưa. Thử làm một vài so sánh sẽ thấy bao nhiêu điều thú vị.

Đạo Bà-la-môn	Phật giáo
- Thần sáng tạo	- Không thần sáng tạo
- Phân chia giai cấp	- Không giai cấp
- Sát tế đẫm máu	- Không sát sinh
- Thấy Bà-la-môn ở tại gia	- Tu sĩ Phật giáo xuất gia
- Thấy Bà-la-môn phải có vợ con	- Tu sĩ Phật giáo không
- Thấy Bà-la-môn phải có kinh tế	- Tu sĩ Phật giáo không
- Thấy Bà-la-môn để tóc dài	- Tu sĩ Phật giáo cạo đầu
- Thấy Bà-la-môn mặc toàn trắng	- Tu sĩ Phật giáo mặc áo thâm
- Đạo Bà-la-môn không có nữ tu	- Có
- Phụ nữ là tài sản của nam	- Bình đẳng nam nữ

Cho nên nếu nói tôn giáo là một hiện tượng văn hóa thì Phật giáo cũng là một hiện tượng văn hóa.

Cũng thế, nếu xem Phật giáo là một hệ thống giáo dục thì nói như vậy cũng không sai. Bởi Phật giáo là giáo pháp của Đức Phật dạy. Nhưng oái ăm thay, cho đến thế kỷ 20, Phật giáo chưa hề được giới giáo dục đề cập đến như một hệ thống giáo dục. Phật giáo có hay không có một nền giáo dục là điều các nhà giáo dục trên thế giới ít biết đến. Không Tử để cao lễ nhạc, giảng dạy tam cương ngũ thường, san định *Kinh Thi*, để lại cho đời một quyển *Luận ngữ* đã được hậu thế tôn xưng là "vạn thế sư biểu", là tiêu biểu một bậc thầy của muôn đời. Jesus Christ còn lại một *Thánh kinh*, thế nhưng Nhà xuất bản Prentice-Hall trong *THE EDUCATOR'S ENCYCLOPEDIA* đã liệt ra 4 điểm gọi là những đóng góp của Thiên Chúa giáo cho nền giáo dục thế giới. Rena Foy trong quyển *THE WORLD OF EDUCATION*, Mac Millan, London ấn hành 1967, chỉ nói đến giáo dục cổ Hy Lạp, giáo dục của La Mã, giáo dục Khổng giáo, giáo dục Thiên Chúa giáo. Quyển *THE DEVELOPMENT OF EDUCATION IN THE 20th CENTURY* của Meyer, Prentice-Hall tái bản nhiều lần cũng không hề đề cập đến giáo dục Phật giáo. Giáo dục Phật giáo là một lãnh vực còn bị bỏ hoang, là đề tài chưa được khai thác. Tiến sĩ Kanazawa Tomitarô trong lời đề tựa quyển *NGHIÊN CỨU TƯ TƯỞNG GIÁO DỤC PHẬT GIÁO*, 1955, đã than rằng: "Nhìn lại quá trình nghiên cứu lịch sử giáo dục Phật giáo Nhật Bản từ trước đến nay, ta thấy vai trò của Phật giáo đã hết sức bị xem nhẹ." Đây chính

là điểm người làm công tác văn hóa giáo dục Phật giáo phải đánh lên tiếng chuông cho mọi người nghe, đừng để ba tạng kinh điển nằm im trong tủ kính một cách tôn nghiêm mà không ai biết có gì trong đó, phải rút tía các đặc chất của giáo dục Phật giáo, nghiên cứu, giới thiệu rộng rãi, giới thiệu thường xuyên, không phải chỉ để biết mà để áp dụng điều Phật dạy trong cuộc sống.

4. Nội dung giáo dục Phật giáo

Sau đây là một số nét tiêu biểu xin được thiệu ước mong sẽ được liên tục triển khai nghiên cứu và phổ biến, và như đã nói là không phải chỉ để biết mà để áp dụng trong cuộc sống.

4.1. Tư tưởng giáo dục Phật giáo

4.1.1. Tư tưởng nhất thừa

Đây là đứng về chân đế mà nói. Chân đế thì không phải với bất cứ ai, bất cứ đối tượng trình độ nào cũng nói được. Lý nhất thừa được diễn tả bằng bài kệ trong phẩm Phương tiện, *Kinh Pháp Hoa*:

*Chư Phật lưỡng túc tôn,
Tri pháp thường vô tính.
Phật chủng tùy duyên khởi,
Thị cố thuyết nhất thừa.
Thị pháp trụ pháp vị,
Thế gian tướng thường trú.*

Nghĩa là:

*Chư Phật lưỡng túc tôn,
Biết pháp thường không tính.
Giống Phật tùy duyên khởi,
Cho nên nói nhất thừa
Là pháp trụ pháp vị,
Tướng thế gian thường trú.*

(Nguyễn Hồng, *Kinh Pháp Hoa*,
Nxb Tôn Giáo, Hà Nội, 2003)

Về hình thức ngữ pháp, ta lưu ý chữ "*thị cố*" là một liên từ, chữ "*thị*" là một động từ. Về nội dung lưu ý chữ "*tính*" ở câu đầu và chữ "*tướng*" ở câu cuối. Không tính là không có tự tính. Tất cả các pháp đều theo luật duyên khởi. Nhất thừa là "*pháp trụ pháp vị*" nhất thừa là "*tướng thế gian thường trú*". Tướng thường trú là thật tướng bình đẳng, thường hằng trong tất cả các pháp, không phân biệt thế gian hay xuất thế gian. Trong *kinh Niết-bàn*, Phật nói "*Nhất thiết chúng sinh tất hữu Phật tính*", nghĩa là tất cả chúng sinh đều có Phật tính tất hữu. Cái Phật tính tất hữu đó tồn tại trong tất cả chúng sinh, như ngọc trong đá, như hạt gạo trắng nằm trong vỏ trấu, như kho tàng chôn giấu trong nhà người nghèo, như tượng vàng gói trong vải rách, như người con gái nghèo xấu mang thai một Chuyển luân thánh vương. Cho nên tất cả chúng sinh đều có khả năng thành Phật.

Vậy liệu tư tưởng này có đóng góp được gì cho giáo dục? Ta không nói đến lĩnh vực tâm linh, siêu hình. Chỉ nói từ thế kỷ 20 phương pháp trắc nghiệm tâm lý được áp dụng trong giáo dục. Trắc nghiệm IQ là trắc nghiệm chỉ số thông

minh của một đứa trẻ. Theo bảng phân hạng thì chỉ số trên 100 đến 120 trở lên là thiên tài, dưới 70 là không thể giáo dục được (uneducable). Với tư tưởng nhất thừa trong giáo dục Phật giáo thì tệ hại như Nhất-xiển-đề còn thành Phật được hưởng gì là giáo dục thế gian. Cho nên phải nói hiện chưa tìm được phương pháp nào để giáo dục cho có kết quả chứ không thể nói không giáo dục được.

Về tư tưởng nhất thừa, có thể tham khảo thêm trong các kinh như *Kinh Duy-ma*, *Kinh Pháp Bảo Đàn*, cùng với *Kinh Pháp Hoa*, *Kinh Niết-bàn* là các kinh phản ánh sâu sắc lý tưởng này.

4.1.2. Tư tưởng xã hội

Xã hội quan trong Phật giáo được thể hiện bằng tổ chức Tăng-già với nguyên tắc sống Lục hòa. Tinh thần hòa hợp được mở rộng trong các tổ chức đoàn thể thế gian bằng 4 pháp nhiếp hóa.

Trong khi khuyến khích đời sống xuất gia như phương pháp để đạt mục đích giải thoát (Xem *Phật Thuyết Xuất Gia Công Đức Kinh*, *Đại Tạng Kinh* Q.16, tr.815 thượng, và các kinh khác), một mặt Đức Phật cũng quan tâm và tôn trọng sinh hoạt thế tục (Xem *Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh* 80, Q.24, Phẩm 25 : Thập hồi hướng, và các kinh khác). Trong 45 năm hoạt động giáo hóa, từ những việc lớn liên quan chính trị quốc gia đến những việc nhỏ như kinh tế tiêu phí trong Tăng đoàn và chi tiêu trong gia

đình của tín đồ tại gia, từ vấn đề lớn như chủng tính, đến nhỏ như quyền lợi và nghĩa vụ của vợ chồng, nhiều vấn đề hiện thực đa dạng thuộc phạm vi thế tục đều được Phật dạy đến. (Xem *Chư Đức Phúc Điền Kinh*, *Đại Tạng Kinh* Q.16, tr.777 trung, và các kinh khác). Xin nêu một số vấn đề tiêu biểu:

- Trung A-hàm Q.2 *Kinh Du hành*, Q.35 *Kinh Vũ Thế Phật* nói có 7 pháp làm cho quốc gia không bị suy vong:

1. Thường hội họp lo việc quốc phòng.
2. Trên dưới hòa hợp chung lo việc nước.
3. Tôn trọng các chế độ, tập quán, truyền thống.
4. Không dùng quyền lực xâm phạm vợ con người khác.
5. Tôn trọng ý kiến xây dựng của những bậc có đức vọng.
6. Kính trọng và không phá hoại tín ngưỡng.
7. Kính trọng và bảo vệ các thánh giả hiền đức.

- Các *Kinh Tứ Thập Hoa Nghiêm* Q.11, ĐTK 10, tr.712, *Kinh Đại Pháp Cốc*, ĐTK 9, tr.292, Phật dạy về nghĩa vụ và chính sách chống ngoại xâm, bảo vệ đất nước.

- *Kinh Lễ Bái Sáu Phương*, *Kinh Dạy Người Thi-ca-la-việt*, Nam truyền *Đại Tạng Kinh* Q.8, tr.257, Phật dạy nghĩa vụ con người trong quan hệ gia đình và xã hội. Sáu phương đó là tượng trưng cha mẹ, phương Nam tượng trưng thầy dạy, phương Tây tượng trưng vợ con trong gia đình, phương Bắc tượng trưng bạn bè, phương trên tượng trưng các bậc hiền đức, phương dưới tượng trưng người giúp việc.



- *Kinh Đại Bảo Tích* Phật nói về việc phòng chống đói, ổn định vật giá sinh hoạt.

- *Kinh Tạp A-hàm* 36, *Kinh Chư Đức Phúc Điền*, ĐTK 16, tr.777, Phật ca ngợi khuyến khích các việc làm công ích như săn sóc người bệnh, tạo phương tiện giúp người qua đường như thuyền bè, cầu bến, nhà nghỉ, mở đường tránh hiểm, đào giếng nước, nhà cấp nước uống, trồng cây xanh, làm nhà xí giúp cho việc vệ sinh công cộng được tiện lợi.

- *Kinh Tạp A-hàm* và *Tăng Nhất A-hàm*, Phật dạy người tại gia phải sở đắc bằng chức nghiệp chính đáng của mình. Những chức nghiệp chính đáng được Phật nêu ra như sau: nông nghiệp, chăn nuôi, thương nghiệp, thủ công nghiệp, kinh doanh cho thuê nhà, làm công chức, thầy giáo, thư ký, giúp việc nhà là những nghề nghiệp hiện chính thức được công nhận. Còn các hoạt động như buôn bán chế tạo vũ khí, thuốc độc, nấu rượu, kinh doanh quán rượu, hành thương qua sa mạc, buôn bán nô lệ, hành nghề sát sinh, bán hàng thịt, mai dâm, kinh doanh du hí, làm nghề bói toán, là những nghề nghiệp theo giới luật nhà Phật là không thích đáng.

4.2. Phương pháp giáo dục Phật giáo

Các nhà giáo dục xưa nay khi đề cập phương pháp giáo dục thường quan tâm 3 lãnh vực:

- Phương pháp soạn thảo chương trình (Method of curriculum planning)

- Phương pháp học tập và giảng dạy (Method of Teaching and Learning)

- Phương pháp tổ chức học đường và các tiện ích (Method of School organization and Educational Facilities)

Tuy nhiên, các phương pháp nói trên là khoanh vùng trong lãnh vực giáo dục học đường, có tính hàn lâm, có thi cử và có bằng cấp học vị. Giáo dục Phật giáo không phải không đạt được hiệu quả đó, nhưng mục đích nhằm đến không phải chỉ có thế. Giáo dục Phật giáo nhằm vào mọi sinh hoạt của con người trong cuộc sống cá nhân cũng như trong cộng đồng xã hội ngày nay và mai sau. Phương pháp này không đòi hỏi tiện ích mà đòi hỏi ở người thầy một tấm lòng và có kỹ năng chẩn đoán đối tượng như một vị thầy thuốc. Phật nói: "Ta như lương y vì bệnh cho thuốc". Một số phương pháp giáo dục Phật giáo có thể được tóm tắt như sau:

- Phương pháp kinh nghiệm từ thực tế: Bản thân Đức Phật đã thể nghiệm khổ tu trước khi quyết tâm thiết định dưới cây bồ-đề. Đầu tiên dạy pháp Tứ đế cho đệ tử.

- Phương pháp thực tiễn: Chuyện câu hỏi của Mālunkya-putta người bị xuống mũi tên độc. Chuyện dạy hai người tu quán bất tịnh và quán sở tức. Chuyện bà Kisagotami ôm con đến xin Phật cứu sống. Chuyện Phật giấu đứa con của Hariti.

- Ngôn giáo và thân giáo đều có giá trị. Hình ảnh ông thầy có giá trị quyết định trong giáo dục Phật giáo. Y kinh giải nghĩa tam thể Phật oan, Ly kinh nhất tự tức đồng ma

thuyết. Trong thiền học không cần thiết lúc nào cũng sử dụng ngôn ngữ văn tự như một tất yếu mà một cú đánh hay một tiếng hét có thể khai ngộ đệ tử.

- Phân ngành giáo dục: Giới định tuệ 3 môn học vô lậu. Tính học có thể nói là bản thể học Phật giáo (Buddhist Ontology). Tướng học có thể nói là hiện tượng học Phật giáo (Buddhist Phenomenology). Đó là một số lĩnh vực, trong các lãnh vực còn nhiều phân ngành như Duy thức học. Nhân minh học. v.v.

- Các phương tiện giáo dục: Để thực hiện tốt việc giáo hóa, Phật dạy phải học Ngũ minh, tu Tứ nhiếp pháp, thực hành Lục Ba-la-mật. Cho đến việc ứng phú đạo tràng cũng cần thiết cho phương diện của một ông thầy. Có điều là chờ bao giờ lấy phương tiện làm cứu cánh.

4.3. Gợi ý về các vấn đề văn hóa Phật giáo trước mắt và dài lâu

Đến đây có thể nói ta đã khái quát được Phật giáo là hay không phải là, hay cũng là một hiện tượng văn hóa, một hệ thống giáo dục, một tôn giáo. Vậy trước mắt và dài lâu những gì đang chờ đợi, đang đòi hỏi chúng ta nhiệt thành khẩn thiết cho một lý tưởng ta suốt đời thờ phụng? Xin đề nghị một số gợi ý như sau:

- Thống kê lưu trữ các mô típ kiến trúc chùa tháp, hoa văn mỹ thuật, quy cách hóa pháp khí, pháp phục, hình thức thờ tự.

- Sư tập các thể điệu âm nhạc Phật giáo như ứng phú đạo tràng các miền.

- Biên soạn nghi thức khóa lễ tiếng Việt trong chùa cũng như trong nhà dân. Trong chùa như: Hai thời khóa tụng, sám hối, bố-tát, chúc tán, chẩn tế trai tăng, thuyết pháp, Tết Nguyên đán, vía Phật Bồ-tát, truyền giới, quy y, thụ Bát quan trai, thiền môn chánh độ, kỵ tổ v.v. Trong dân gian như: Cầu an có lễ động thổ, khánh thành, khai trương, tân gia, an vị Phật, thành hôn, cầu lành bệnh. Cầu siêu như: Tiếp dẫn, nhập liệm, thành phục, an táng, tán sa, mở cửa mả, thất tuần, kỵ giỗ, trai đàn bạt độ.

- Việt hóa tất cả văn thỉnh, xướng, bạch, nói pháp ngữ, khấn, nguyện, sớ, điệp, tán, tụng.

- Xây dựng Viện Hàn lâm phiên dịch kinh tạng: Hán, Sanskrit, Pali. Kế hoạch và phương án triển khai.

- Nghiên cứu, hội thảo các chủ đề nhằm đáp ứng các nhu cầu có tính thời sự cấp thiết như: chuyển đổi giới tính, ly hôn tái hôn, vấn đề tự sát, vấn đề nhân bản con người, vấn đề tránh thai, vấn đề thụ thai trong ống nghiệm, vấn đề ngân hàng nội tạng, vấn đề chết thực sự, vấn đề môi trường, vấn đề đối phó với chủ nghĩa khủng bố, vấn đề chiến tranh và hòa bình v.v.

Trên đây dĩ nhiên không phải tất cả nhưng cầu mong mỗi người có một tâm nguyện, làm được việc gì thì làm, hợp tác và lắng nghe, không có điều kiện hợp tác thì âm thầm đem tâm nguyện làm để cúng dường Tam bảo. May mắn thay, chúng ta không cô độc, vì chung quanh ta có người đã làm và đang làm. Đó là chỉ mong đặt nền móng cho ngày nay và ngày mai. ■

Kỷ niệm ngày Phật hoàng Trần Nhân Tông nhập Niết bàn

Sáng 16-12-2009 (1 tháng 11 Kỷ Sửu), nhiều địa phương trên cả nước đã tổ chức trọng thể lễ kỷ niệm 701 năm ngày Phật hoàng Trần Nhân Tông nhập Niết bàn. Tại TP.HCM, buổi lễ được Trung ương GHPGVN tổ chức tại trụ sở Văn phòng II TUGH (Thiền viện Quảng Đức, 294 NKKN, quận 3) với sự có mặt của hàng trăm



Tăng Ni, Phật tử, các vị tôn túc trong Hội đồng Chứng Minh và Hội đồng Trị sự TUGH cùng các vị khách mời. Tại Quảng Ninh,

buổi lễ cũng được TUGH tổ chức tại Chùa Hoa Yên, Khu di tích Yên Tử, thị xã Uông Bí. Trong buổi lễ, dự án dựng tượng Phật Hoàng Trần Nhân Tông tại An

Kỳ Sinh cũng chính thức được lệnh khởi công. Các tỉnh Quảng Trị, Quảng Nam, Bình Định, Bình Thuận, Đồng Nai, Tiền Giang, Vĩnh Long... đều tổ chức lễ kỷ niệm tại các trụ sở tỉnh Giáo hội. Riêng Phật giáo tỉnh Thừa

Thiên-Huế tổ chức lễ tại đền thờ vua Trần Nhân Tông đặt trên núi Ngũ Phong, phường An Tây, thành phố Huế. (PV)

Hàn Quốc sẽ tổ chức mừng 1.000 năm Đại tạng kinh Hàn Quốc

Tờ nhật báo *The Korea Times* cho biết, một lễ hội văn hóa Phật giáo sẽ được tổ chức trong suốt 45 ngày từ 23-9 đến 6-11-2011 quanh hai địa điểm là ngôi chùa Haein-sa và Trung tâm Hội nghị Changwon ở hạt Hapcheon thuộc tỉnh Nam Gyeongsang, Hàn Quốc. Ủy ban tổ chức lễ hội, đứng đầu là Thống đốc tỉnh, cũng đã ra mắt tại Viện Phát triển Changwon. Chùa Haein-sa là nơi đang lưu trữ bộ Đại tạng kinh bằng tiếng Trung Hoa được coi là cổ nhất và đầy đủ nhất thế giới; bộ Đại tạng kinh này được khắc trên 81.258 bản khắc gỗ. Trong thời gian diễn ra lễ hội, các nhà tổ chức cũng dự trù thực hiện một hội nghị học thuật và các cuộc triển lãm với chủ đề "Một ngàn năm

văn minh và Nền minh triết cho tương lai (*One Thousand Years of Civilisation and Wisdom for the Future*)". Hạt Hapcheon hy vọng lễ hội sẽ là cơ hội để ngôi chùa Haein-sa trở thành điểm thu hút khách du lịch quan trọng của vùng Đông Á. Được biết, Cơ quan UNESCO đã liệt kê ngôi chùa và nơi tàng trữ bộ Đại tạng kinh nói trên là Di sản Văn hóa Thế giới vào năm 1995. Các bản khắc gỗ bộ Đại tạng kinh Hàn Quốc đã được Chính phủ Hàn Quốc công nhận là bảo vật quốc gia từ năm 1962. (PV)



Hội nghị Nữ giới Phật giáo thế giới lần thứ 11 được tổ chức tại chùa Phổ Quang, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

Dự định khai mạc ngày 28-12-2009, Hội nghị Nữ giới Phật giáo thế giới Sakyadhita lần thứ 11 sẽ kéo dài đến hết 3-01-2010. Ngoài số đại biểu trong nước, hội nghị có sự tham dự của đại biểu quốc tế đến từ hơn 40 quốc gia và vùng lãnh thổ. Tổ chức Sakyadhita (có nghĩa là Người con gái của Đức Phật) được thành lập năm 1987. Sau đó, Hội nghị Sakyadhita diễn ra mỗi 2 năm một lần để xây dựng mối quan hệ bền vững, nâng cao giá trị đời sống phạm hạnh, vì sự tiến bộ và bình đẳng cho nữ giới Phật giáo trên toàn thế giới. Đây là lần đầu tiên Phật giáo Việt Nam đăng cai tổ chức hội nghị này, chịu trách nhiệm là Phân ban đặc trách Ni giới thuộc Ban Tăng sự TUGHPGVN. Chủ đề chính của hội nghị lần này là *Những vị Nữ Phật tử lỗi lạc (Eminent Buddhist Women)*. Sẽ có tất cả 81 tham luận được trình bày trong suốt thời gian



Ảnh: Thích Thiện Ngộ

hội nghị, chú ý đến những giá trị tu tập trong đời sống của chư Ni và các nữ Phật tử trong lịch sử cũng như trong hiện tại. Ngoài ra, hội nghị cũng thảo luận về những chủ đề khác như nạn bạo hành trong gia đình, vấn đề bình đẳng giới, việc xây dựng một môi trường sống tôn trọng tự do và sự tiến bộ của nữ giới. Bên cạnh hội nghị, ban tổ chức sẽ triển lãm, trưng bày các hình ảnh và tư liệu Phật giáo với chủ đề *Nữ giới Phật giáo Việt Nam, hình thành và phát triển*. (PV)

Những giai điệu của mùa xuân

VINH HIỀN

Trong nhà vắng ra tiếng vĩ cầm réo rắt. Âm thanh lướt thướt chạy qua khu vườn yên tĩnh, qua những tàng cây gió khua động lá xào xạc, qua những tảng đá cao màu xám đen xù xì, qua mặt cỏ còn ẩm sương đêm đang càng lúc càng lộ rõ màu xanh lục mơn mơn trước buổi bình minh tiến đến gần bên họ. Buổi sáng đầu xuân thật êm dịu và lặng lẽ. Người đàn bà bỗng thở dài. "Mười năm," nàng nói khẽ. "Sao?" người đàn ông hỏi. "Đã mười năm rồi

em mới nghe lại bài Serenade của Schubert," người đàn bà ngồi thu mình lại, trên tay nàng có một cọng cỏ. "Vậy à?" người đàn ông nói. Y bật lửa châm một điếu Winston. Khói thuốc bay phơ phất trước mặt người đàn bà và tan nhanh trước cơn gió ban mai. "Mỗi ngày anh đều nghe bài Serenade của Schubert nhưng ở các đĩa khác nhau của những người trình tấu khác nhau". Y chậm rãi nói, "Có lẽ đã từ hơn ba năm nay kể từ khi anh quay về lại ngôi nhà này. Như một thói quen, không phải, như một nỗi



nhớ đã thành con ghiền, thành một tập quán gần như bắt buộc trong đời sống thường ngày". Y nhìn người đàn bà. Khuôn mặt nàng không biểu lộ điều gì. Không hào hứng cũng không thờ ơ. Một bản nhạc khác đang trôi lên từ bên trong ngôi nhà. Những âm thanh đa diết, xô đẩy nhau tựa như tiếng reo gọi thấm thía của mùa xuân đang trải ra trên cánh đồng quê mệnh mông. Bản Minute của Mozart. Người đàn bà cầm ly cà phê đen sánh lên hộp một hộp. "Vì sao em trở về?" người đàn ông bỗng hỏi. Người đàn bà đặt ly xuống, thẳng người dậy trên cái ghế dựa màu nâu nhạt. "Không vì sao cả," nàng nói. Người đàn ông cười khô. "Chuyện gì trên đời cũng có một lý do nào đó chứ," y cũng ngồi thẳng người lên, "tất nhiên em về nước không phải vì anh rồi. Em nghĩ anh đã chết theo lời Tính kể lại". Người đàn bà mỉm cười, "Không. Em chỉ nghĩ, lúc đó em chỉ nghĩ anh mất tích. Đã có nhiều người mất tích trên đại dương rồi sau một số năm bỗng xuất hiện trở lại, hoặc ở nước ngoài, hoặc ở ngay trong nước. Anh là một trong những người may mắn đó thôi mà". Người đàn bà lại mỉm cười, "Anh đừng quan trọng hóa chuyện anh còn sống". "Ừ, tất nhiên," người đàn ông nhún vai, "Anh xin lỗi. Tất nhiên chuyện anh còn sống chẳng quan trọng gì với em vì em bao giờ cũng coi anh như một người tình lỡ". "Sao?" người đàn bà cười ra tiếng, "Người tình lỡ? Anh nói ví von hơi lạ đấy. Không đâu. Em không coi anh như một người tình lỡ mà như một người tình chưa trọn vẹn của đời em". Người đàn ông thụt người lại đằng sau ghế dựa. "Vậy em về vì lý do gì?" y hỏi. "Như bao nhiêu người Việt khác," người đàn bà thở ra nói, "em về vì nhớ quê hương, sau bao nhiêu năm sống phiêu bạt và hờ hững với tất cả mọi thứ, em muốn quay về nơi chôn nhau cắt rốn của mình để sống cho trọn vẹn quãng đời còn lại. Tất cả là thế chứ không còn vì lý do mục đích nguyên nhân nào khác. Anh đã hiểu chưa?" "Từ lúc biết em đến giờ, anh chưa bao giờ hiểu được em cả," người đàn ông nói, "bỏ tất cả rồi làm lại tất cả, rồi lại bỏ một lần nữa và làm lại lần nữa." "Em như con vượn quay ấy mà," người đàn bà bật cười khanh khách, "quay lỏng lẻo từ đông sang tây rồi lại từ tây sang đông. Từ đứa con gái hồn nhiên trong sáng sang người đàn bà phong sương dẫu dãi, rồi đến người sương phụ tóc đã muối tiêu, hơi trầm lặng và bí ẩn như bây giờ đây. Nhưng ai mà biết được ngày sau sẽ ra sao hử anh Hội? Que sera sera? What will be will be?" Nàng cầm ly cà phê lên, hộp cho cạn, nhạc đang chuyển qua bản Serenade của Haydn. Có sự trầm lắng bình bồng trong giai điệu, nghe tựa như tiếng thở dài buồn buồn của mùa xuân trên mặt hồ im sóng một buổi sáng sớm không người. "Ừm," người đàn bà nói sau một lúc im lặng, "Có những bản nhạc khi nghe thấy bỗng như đánh trúng vào tâm cảnh mình lúc đó, anh có thấy thế không?" Người đàn ông không trả lời. Y đang rót trà ra hai cái tách sứ. Người đàn bà đưa tay đón lấy tách trà người đàn ông trao cho và nói, "Bên đó sống tất bật với công việc quá, hầu như em ít có thì giờ để ngồi mở nhạc ra

nghe một mình, cũng ít có dịp đi dự một buổi hòa nhạc thính phòng. Ờ, chỉ có hai lần; một lần ở San Francisco đi với Nhung, và lần khác ở Paris đi với chồng em lúc anh ấy còn sống". Người đàn ông hỏi, "Dương chết vì bệnh à?" Người đàn bà nhũn mày, "Không, anh ấy tự tử". "Ồ!" người đàn ông thốt lên. "Không phải vì em mà vì áp lực công việc," người đàn bà nói, "Anh ấy quá thất vọng bởi những công trình khoa học luôn luôn bị thất bại hay đang dở nửa chừng của mình". Im lặng trong một lúc. Nhạc đang trôi lên bản Saint Swan. Âm thanh những giọng ca nữ hát bè, đồng vọng và rải đều trên hợp âm lướt thật nhẹ và chậm chạp của những cây đàn violon. "Cách đây hai năm khi về thăm quê hương, quả là Dương có ý tìm anh nhưng không ai bảo cho Dương biết anh còn sống hay đã chết. Vâng, Dương có ra Hà Nội gặp Tuyết, chị anh." Người đàn bà nói, "Chị Tuyết bảo với anh Dương là anh đã chết mất xác rồi, nguyên văn lời chị ấy nói đấy nhé". Người đàn ông cười khẽ, "Ừ, bà Tuyết vốn mồm miệng độc địa mà". "Vậy anh mai danh ẩn tích đã hơn ba năm nay. Vì sao?" người đàn bà hỏi. "Không vì sao cả," người đàn ông lặp lại câu nói ban nãy của người đàn bà. "Thôi được," người đàn bà chép miệng nói, "Mỗi người đều có một mảnh bí mật nào đó để giữ cho riêng mình. Em thì không có bí mật gì để giữ với anh đâu. Em về để sống tại quê hương mình, như bao người khác, để được chết tại quê nhà. Nói câu đó nghe ra rất... sao nhỉ... rất cảm động. Con chim khi chết còn quay đầu về phía tổ của nó mà anh Hội. Em đã sống dù chưa trọn vẹn cho đời mình lắm, nhưng đã sống như con người thật của em phải sống như thế. Yêu mãnh liệt và tình yêu tàn tạ khốc liệt. Bao nhiêu người đàn ông đã đi qua đời em, bao nhiêu cuộc tình chưa trọn vẹn, hay tình lỡ như anh nói, thì mỗi người đều lưu lại một dấu ấn sâu đậm và khoắc khoải trong trí nhớ và hồi ức của em như những vết cắt nhẹ nhàng mà đau nhói mỗi khi ngồi một mình mà hồi tưởng về quá khứ. Nhưng thôi," người đàn bà coi đồng hồ đeo tay. "Sáu giờ rồi. Em phải về đưa nhỏ Hương đến thăm chị Thanh và bé Hoa. Em mới về thành phố này ngày hôm qua nên chưa đi thăm ai ngoài anh, người tình chưa trọn vẹn". Người đàn bà cười tươi tắn và đứng dậy. "Anh thấy có lạ không? Anh Khôi chết đi để lại một bé Hoa dễ thương và có năng khiếu về violon, trong khi Hương con gái em cũng rất dễ thương và có năng khiếu về piano. Hoa và Hương. Khôi và Ngô. Cũng lạ và cũng hay!" "Có phải Khôi là người đàn ông mà em thực sự yêu thương nhất trên đời này không, Ngô?" người đàn ông đột ngột hỏi khi đứng dậy tiễn người đàn bà ra khỏi khu vườn. Người đàn bà đứng khựng lại giây lát trên lối đi rải sỏi, dăm chiêu ngó lên bầu trời rạng sáng mùa xuân. "Ừ, có lẽ thế," sau cùng nàng nói.

Những nốt nhạc dịu dịu của bản Salut d'amour đuổi theo hai người khi họ đi ra khỏi khu vườn, bước chậm chậm trên lối đi lát đá, giữa hai hàng cây thông rì rào tiếng gió mùa xuân đang thổi về những giai điệu lạ lùng, mới mẻ, tưởng như bất tận... ■

Mùa xuân trắng

NGUYỄN MẠNH QUÝ

Ba bỗng con bên cửa sổ
Đăm đăm nhìn mùa xuân qua
Mùa xuân bay lạc lối
Trong từng ngấn mắt trẻ thơ
Lạc một tiếng hát ầu ơ
Xóa đi mùa xuân trắng...

Ba dắt con đi chập chững
Suốt mùa hè rừng rực lửa
Cánh đồng trắng một màu đất hứa
Trâu hạt mùa chằm bắm mồ hôi
Những hạt tình thương
Rớt rơi vào cánh đồng cháy nắng
Mọc suốt bốn mùa hoa lá
Che mát bàn chân con.

Ba vẽ những nhệt đường đi
Ống khói xe mịt mù che lối
Con đường tử sinh
Ngập ngựa thời hám lợi
Niệm một lời chuông
Truyền đi trong điệu vơi
Gọi những đứa con đi hoang
Theo nhịp sóng tìm về...

Ba đếm những bước chân
Gửi niềm vui trôi vào vãn dăm
Có bước chân nào
Về lại quán trọ xưa
Đừng nghe tiếng bữa cơm rau muối
Giọng ầu ơ rớt lại
Xao vọng bước người tình.

Ba của con,
Ba của em
Ba của mùa xuân trong kinh Phật
Hằng đêm những bước chân hồi lương
Lầm lũi đi trên nẻo đường ảo tưởng
Để lại giọt nước mắt đã khô
Mùa xuân vẫn bên bầu của
Nhìn mây trắng bập bềnh trôi.

Gửi theo một cánh chim

PHẠM TẤN HẦU

Tôi gỡ thêm cánh cửa
để đêm ngày bớt phần u ám
và những chiếc bóng lang thang
còn thấy chút yên bình
trong khuất lấp của tháng ngày đá nhám
trong cơn mưa chiều tuôn đi đổ nát
cánh cửa của tôi
cùng nhịp đập
với cánh chim nào
còn bay ngoài vô định.

Tàn mộng ngày xuân

LỢI THÀNH

Ngoài kia mưa rơi, rơi rất mau,
Mà qua song cửa, nắng ngang đầu.
Nắng trong mưa hay là mưa trong nắng?
Ồ kìa! Mưa nắng ở trong nhau!

Này trông ai kia đang ngẩn ngơ,
Đợi ai? Ai đợi? Sao thần thờ?
Nhớ thương ai hay là ai thương nhớ?
Ồ kìa! Thương nhớ cả trong mơ!

Thời gian qua đi, qua mãi đi...
Còn đâu ngày cũ thuở xuân thì!
Nhớ ai, ai nhớ, không ai nhớ!
Sao chẳng dừng ngay giấc mộng si!

Ảo ảnh dần tan, giấc mộng tan,
Ngoài song thấp thoáng ánh trăng tàn.
Mưa đêm nắng sớm sầu thương nhớ...
Cùng nhạt nhòa theo giọt nắng vàng.

Đường trở về

VƯƠNG MỘNG GIÁC

Đêm điu bước chân ai tìm về cố hương
Đời như một vũng lầy khô dần dưới ánh nắng của thời gian
Tuổi trẻ qua mau chưa kịp nhận ra sự khủng hoảng của thân thể con người
Đã tiếp đến sự giành giật với xã hội vài ba giá trị hư ảo của công danh
Nắng hoàng hôn nhuộm chín bãi dâu cho con tằm chưa kịp nhả hết tơ
Đêm về nghe gió lạnh của thiên thu thổi buốt trên thân phận người
Trong gác trọ nhân sinh, đèn sập nhỏ những giọt lệ tàn với hoài niệm mệnh mang
về tuổi đời ngắn ngủi đã qua
Thương ai bày cuộc vui cho ngày xanh chậm nói lời ly biệt
Trong cõi quan niệm hữu tình hiện lên bóng dáng của thành trì và giai nhân
Dù muốn dù không sự thế cũng đã tạo nên rồi
Buồn vui khóc cười cho hết phận duyên sinh.

Này thời gian! Vì người mà ra nông nổi này!
Nhưng thưa ngài, nếu không có biến dịch thì tôi trú nơi nao?
Nếu một ngày, quan niệm thôi ghé lại tâm tư
Nơi đó không còn phát sinh thành phố giữa sa mạc
Thì tâm thể của ngài sẽ tựa như những con chim thiên nga
vỗ cánh bay lên từ bọt nước của mưa dầm đang cầm chân lũ khách
trên bước đường tìm về chốn quê nhà.

TRUYỆN NGẮN

Như một lời chia tay

CÀU ĐẤT



Từ đầu hôm đến giờ Tèo hết lần qua bên nầy lại lần qua bên kia. Nó cố nhắm mắt lại để ngủ, nhưng mỗi lần nhắm mắt lại là con trâu, bờ ruộng, cây rơm cứ hiện ra rõ mồn một trong tâm trí nó. Nhiều lần nó nhắm mắt mở mắt chơi trò cắt bắt với những hình ảnh ấy để mau chán mà ngủ đi, nhưng vẫn không sao ngủ được. Bên cạnh, trên cái chõng tre ọp ẹp, tía nó chốc chốc trong giấc ngủ lại hươ tay lên đập muỗi hay xua đuổi một bóng ma nào đang tới gần. Người tía nó ốm nhom như một ống tre khô, nhưng khi ngủ, tiếng ngáy của ông át cả tiếng ếch nhái ngoài ruộng. Thỉnh thoảng, tiếng ngáy như sấm của ông bị ngắt bằng một tiếng thở dài nào nuốt. Lúc tối khi hai cha con ngồi nướng mấy củ khoai, ông đã nói đi nói lại mấy lần, sợ nó quên, tối nay phải ngủ lấy sức để ngày mai còn phải đi xa, nhưng từ đầu hôm đến giờ nó không tài nào chợp mắt được, dù chỉ một lát.

Đạo gần đây đồng ruộng vốn muôn thuở im lìm nay lại càng trở nên vắng vẻ hơn. Tía nó hình như cũng đổi tính, ít gặt gồng với nó hơn trước kia. Nó nhớ hôm nào loáng thoáng nghe chú Tư nói chuyện với tía nó ở ngoài đôn: Người ta thu hồi đất, không cho làm ruộng ở đây nữa. Những người cày thuê, gặt mướn như tía nó sẽ không ai cần đến nữa. Ở làng bên, trước đây không lâu, cả cánh đồng lúa chín vàng rực nay bỗng trở thành cánh đồng hoang xơ xác. Đất đó dành để xây cất nhà máy. Nhiều người làm thuê như cha nó đã lần lượt rời bỏ xóm làng, thất thểu rủ nhau lên thành phố. Nay thì đến lượt cha con nó. Nó không hiểu tại sao người thành phố thích nhà máy hơn hạt gạo.

Chẳng bao lâu nữa tiếng gà gáy sẽ cất lên từ bên kia bờ ruộng và bình minh sẽ lộ dạng. Nó sẽ rời khỏi nơi này. Nơi nó sẽ đến nó chưa hề biết. Nơi sắp rời xa, còn nhiều níu kéo. Thật khó mà dứt áo ra đi.

* * *

Trần trọc mãi, sốt ruột quá, nó dậy đi ra chỗ chuồng trâu. Thoáng trông, con nghé nằm im như một xác chết, nhưng khi đến gần bên Tèo mới thấy đôi mắt nó trong tối vẫn mở to như mắt con lân bằng đá trước cổng chùa. Thấy Tèo đến, nghé con liến chồm dậy, lấy đầu cọ vào người nó, nựng nịu.

- Sao đêm nay mày không ngủ? Mày chờ tau ra nói chuyện đấy à?

Thằng Tèo muốn nói với nghé con nhiều điều nhưng không biết phải nói thế nào. Nó chỉ im lặng ôm lấy đầu nghé con vuốt ve, hôn hít. Bao nhiêu ý nghĩ ngổn ngang trong đầu nó.

Đúng rồi, mình cũng nên nói với nhau vài lời trước giờ chia tay.

Ngày mai mày cũng đi mà. Một mình mày ở lại đây với ai? Họ sẽ không để mày sống thêm một ngày đâu. Nơi đây, dù suốt đời dãi nắng dầm mưa, dù bão lụt đã bao lần cuốn

trôi nhà cửa ruộng vườn, cả mẹ và đứa em gái nhỏ bé của tau, tía tau cũng chưa bao giờ cất tiếng oán trách trời đất, hoặc có ý dứt bỏ nơi này ra đi.

Tau hỏi tía:

- Sao tía không tìm nơi khác mua đất làm ruộng?

Tía xua tay chán nản:

- Thôi đừng mơ tưởng nữa! Cả cánh đồng mênh mông họ bồi thường được mấy trăm. Số tiền đó bây giờ chỉ mua được miếng đất bằng cái nông. Làm ăn gì được. Làm được thì người ta lang thang lếch thếch lên thành phố làm gì cho khổ.

Trước giờ tau cứ tưởng quê hương là nơi mình được sống yên thân với cái ít ỏi của mình. Không ngờ có ngày người ta đến đây đuổi mình ra khỏi nơi này. Đành phải đi thôi.

Đi khỏi nơi này là tau mất mày. Mất tất cả.

Rồi đây mày sẽ không còn nghe những tiếng "dì, thá" để biết lúc nào quay phải, quay trái khi bước đi trên ruộng cày, không còn cơ hội kéo những chiếc xe trâu nặng nề chở đầy lúa gạo và niềm vui ngày mùa về dưới từng mái tranh trong xóm nhỏ. Cả những gã trai cày vạm vỡ hiền như đất cũng sẽ tan biến thành chuyện cổ tích, ca dao.

Nơi xa lạ kia, lúc đói lòng chắc gì mày kiếm được một bờ cỏ ngọt mềm như cỏ quê mình.

Chắc gì lúc mệt nhoài mày tìm được cái bóng mát êm ả như bóng mát của lũy tre làng! Ngày hè nóng bức mày tìm đâu ra một khúc sông làng mát rượi mà tắm mình cho sượng!

Giữa chiều thanh vắng tìm đâu ra một bầu trời trong như ngọc mà ngược mặt lên để ngu ngơ ngắm nhìn?

Rồi đây khi xa nhau ai sẽ lấy chiếc nón mê quạt cho mày những trưa hè nắng cháy?

Lấy ai chạy nhảy tung tăng với mày những lúc mày cao hứng vui ngông?

Lấy ai ngồi trên lưng mày thả diều, thổi sáo, tai nghe chim hót trong bụi cây? mắt trông bướm lượn trên đám cỏ?

Mày, tao còn có chân mà chạy cho xa, nhưng những cây rơm, giếng nước, những mái tranh khuất sau bụi chuối già sẽ ra sao khi đất này bị ai kia cày xới?

Còn đâu nữa những câu hò già gạo đêm trăng, tiếng chó sủa đầu hôm, tiếng gà trưa cuối xóm?

Còn đâu nhịp gàu sông tát nước trong đêm lấp lánh ánh sao khuya?

Và ngày mùa sẽ chẳng còn nghe mùi lúa chín thơm ngát cả làng trên xóm dưới.

Cỏ non tau cắt chiều nay còn tươi sao mày không ăn hết đi?

Ngày mai mày sẽ đói. Tau đi rồi lấy ai sáng sớm tình mơ dắt mày ra đồng gặm cỏ?

Rồi đây nơi này cũng sẽ chẳng còn cỏ cho mày ăn, chẳng còn hoa cho bướm lượn, chẳng còn cây cho chim hót. Cả cái cổng làng rồi cũng sẽ biến mất. Chẳng còn lối về!

Nơi thành phố xa xôi dù phải vật vờ như những hồn ma đói, đi lượm ve chai, bán vé số, ngủ trên hè phố hay trong công viên, tau sẽ không bao giờ quên chốn quê mình. Vì

nơi này có mây. Quên sao được khi mũi tau đã quen cái mùi nồng đặc quánh trên da, thịt mây rồi. Mỗi lần nằm trên lưng mây là đủ thứ mùi xông lên làm tao muốn ngộp thở, nhưng đó là những hương vị tau lỡ ghiền rồi: mùi nắng khét, mùi phân chuồng, mùi đất sinh, mùi rạ ẩm...

* * *

Khi những tia nắng hồng bắt đầu ló dạng nơi chân trời, tiếng tia nó thúc giục đã oang oang:

- Mi dắt con Xá ra ngoài độn, thả nó ở đó rồi về ngay cho kịp mà đi. Minh không biết đường sá, phải đi theo người ta. Lạc đường là chết đói đó.

Tèo chần chừ:

- Hay là tia đi một mình đi. Tui ở lại. Còn con Xá, bỏ nó lại sao được?

- Thằng ngọc. Ở lại đây lấy gì mà ăn? Thân mi lo chưa xong, còn ôm đồm... Bỏ nó lại. Đi!

- Nhưng nó cứ nhìn tui như vậy làm sao tui đi?

- Mi quay đầu lại, đừng nhìn nó nữa là xong. Mi có nghe không thì bảo?

Tèo năn nỉ:

- Hay mình dắt nó theo, tia nghe.

Tia nó như bị chọc tức sôi lên:

- Mi điên rồi hay sao chứ? Mang nó theo để làm gì? Xưa giờ có ai dắt trâu bò ra thành phố đâu!

Nói thì nói, nhưng trong lòng ông cũng đau xót lắm. Con nghé đó là công sức của thằng con ông làm thuê cho già Nê. Khi ruộng vườn ngày càng bị thu hẹp, trâu bò bán không ai mua, già Nê phải bán tháo bán đổ đàn trâu gần trăm con. Một số phải vào lò mổ. Ông đổ bệnh vì sạt nghiệp. Con nghé đó ông để lại nuôi làm kỷ niệm. Nhưng rồi trước ngày trở về quê vợ, ông kêu thằng Tèo lại, nói chắc nịch như đặt cái ách lên cổ trâu:

- Mày chăn trâu cho ông hai năm trời. Ông cho mày con Xá. Nó là trâu giống đó. Dắt về mà nuôi. Sau này có trâu mỗi ngày cày thuê vài công ruộng cũng sống được, lại có tí tiền lo cho tia mày khi về già. Khi nào ông gầy dựng lại đàn trâu ông sẽ mượn nó lấy giống.

Thằng Tèo mừng quá suýt bật khóc. Qua lời ông Nê, nó chưa hình dung ra cái tương lai no ấm của nó nhưng trước mắt nó là một chú nghé con hai tuổi, mắt mũi chân cẳng rất đẹp. Đặc biệt là cặp sừng non mới nhô ra dài chưa được gang tay. Chừng đó đủ làm nó đắm chìm trong hạnh phúc tràn đầy. Thời gian đầu, lúc chưa có sẵn chuồng, đêm tới nó ra ngoài cây rơm ngủ với nghé. Dưới ánh trăng mờ mờ hay bầu trời đầy sao lấp lánh, hẳn nằm một bên ngắm nghía nghé con như một thằng anh ngắm nhìn đứa em nhỏ mới chập chững biết đi. Trước kia con nghé là của già Nê, nên nó không chú ý. Nay là của nó nên nó có quyền ngắm thật lâu, thật kỹ. Tia thằng Tèo nhớ rõ chuyện này, nhưng cố tỏ ra cứng rắn, không cho thằng nhỏ biết ông có thể mềm lòng chiều theo ý nó.

- Hay tia để tui dắt nó theo một quãng.

- Thôi! Đừng có dây dưa nữa! Tau bảo sao mi làm vậy. Đi!

Một cơn mưa nhẹ bắt đầu đổ xuống khi nó cúi xuống cầm sợi dây xâu mũi dắt nghé đi. Con nghé lững thững bước theo nó. Trông bình thường như mọi ngày. Nhưng khi ra tới bãi cỏ ngoài độn, thằng nhỏ liền tháo sợi dây ở mũi con vật vút ra xa. Đó là việc không bình thường.

- Ăn đi. Ăn cho thật no rồi chạy cho thật xa nghe, Xá.

Nghé con không cúi xuống gặm cỏ ngay như mọi khi mà đứng yên ngược mắt nhìn Tèo chăm chăm. Hình như nó cảm thấy có điều gì khác thường trên nét mặt thằng nhỏ sáng nay. Tèo cũng ngậy người ra nhìn nó.

Chợt có tiếng tia nó giục:

- Mau lên. Người ta chờ. Đi thôi, Tèo.

Tèo gọi với:

- Xá ơi! Tao đi vài bữa thôi. Tau sẽ về mà. Đừng khóc.

Mày khóc tau không đi được đâu.

Thằng Tèo không còn thấy gì nữa. Chỉ thấy nó bị kéo đi mỗi lúc một xa nghé con. Nó cố trì lại, muốn chôn chân lại nhưng không làm được.

- Tia ơi! Con Xá. Tội nó!

Cánh tay xương xẩu của nó chợt bị kéo giật một cái rất mạnh.

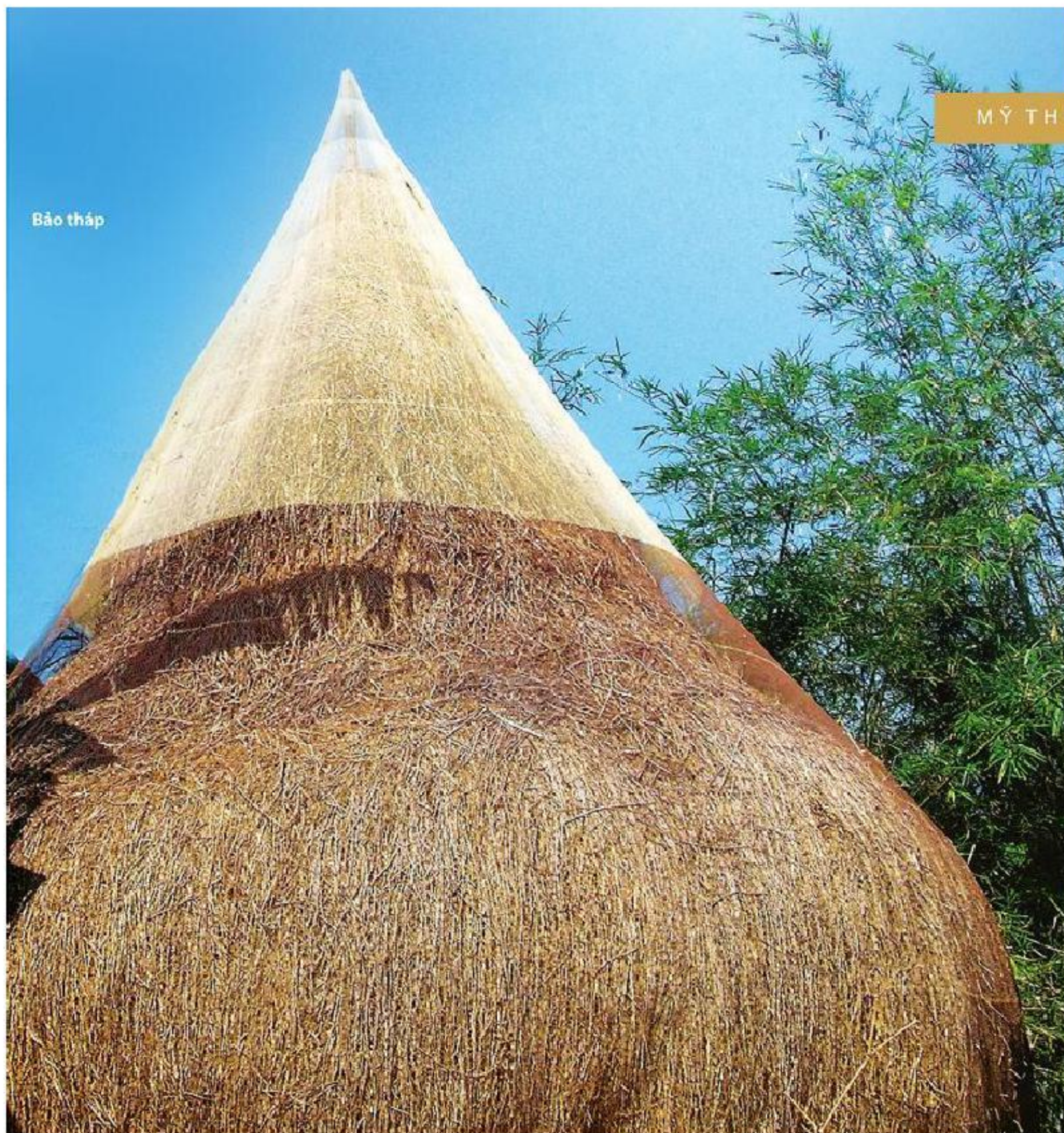
- Đi cho rồi. Kệ nó.

Khoảng cách mỗi lúc một xa dần. Những đôi mắt lưu luyến cố tìm nhau qua tấm màn mỏng của cơn mưa đầu ngày. Nghé con đứng lặng ngơ ngác nhìn theo Tèo. Bỗng nó cất lên một tiếng rống dài, rung chuyển cả đất trời. Tèo cảm thấy ruột gan đau nhói. Rồi hình ảnh con nghé trước mặt nó bắt đầu nhòe đi. Và hình như nghé con cũng thấy hình ảnh thằng Tèo mỗi lúc một mờ ảo. Rồi mất hút. Chỉ còn nghe tiếng gào nghen ngào "Xá ơ... ơ... ơ...!" của thằng bé, càng lúc càng nhỏ dần và tiếng rống thê thiết của nghé con mỗi lúc một xa, rồi lạc mất giữa ruộng đồng bao la. Như một lời chia tay áo não.

Cánh tay nó bị tia nó cầm chặt như bị giữ trong gọng kềm sắt. Nó cảm thấy khắp mình ê ẩm, và đau đớn trong lòng. Đoàn người rào bước về hướng đường cái. Một chiếc xe đồ cũ kỹ vừa dừng lại. Kể trước người sau vội vàng leo lên. Chú Tư đi đầu tia nó theo đó. Thằng Tèo bị đẩy lên xe nhanh như mũi tên. Cánh tay nó đã được buông ra. Nó sờ tay thấy chỗ đó tê cứng. Tia nó ra ngồi ở dây ghế sau, thở phào nhẹ nhõm. Ông già lơ đãng nhìn quê hương lần cuối bên ngoài cửa xe. Trên xe đã có người ngồi. Mặt người nào cũng đăm chiêu. Xe lại chuyển bánh. Khi đến cái cầu gỗ, xe chạy chậm lại. Bỗng một bóng người nhỏ nhún từ trong xe lao nhanh ra ngoài và chạy như bay về hướng cánh đồng mưa giăng mù mịt, còn văng vẳng tiếng rống áo não của nghé con đứng chờ vợ giữa trời. ■



Bảo tháp



Mây cọng rơm vàng...

NHỤY NGUYỄN



Mỗi mùa gặt về, trên khắp nẻo đường thôn ngõ xóm rải dày một lớp rơm vàng. Thứ rơm mới gặt gập nắng trở nên óng ả, thơm phức, là chỗ thức ăn ngon cho trâu bò, cũng là sản phẩm tối cần thiết với nhiều việc trong suốt mùa đông giá. Để dành thứ rơm đó, người nông dân cắm một cái cọc vững rồi tấp từng lớp rơm cho tới khi lút cọc; chõm cọc được trùn ni lông, buộc chặt để nước không thể thấm vào trong ruột.

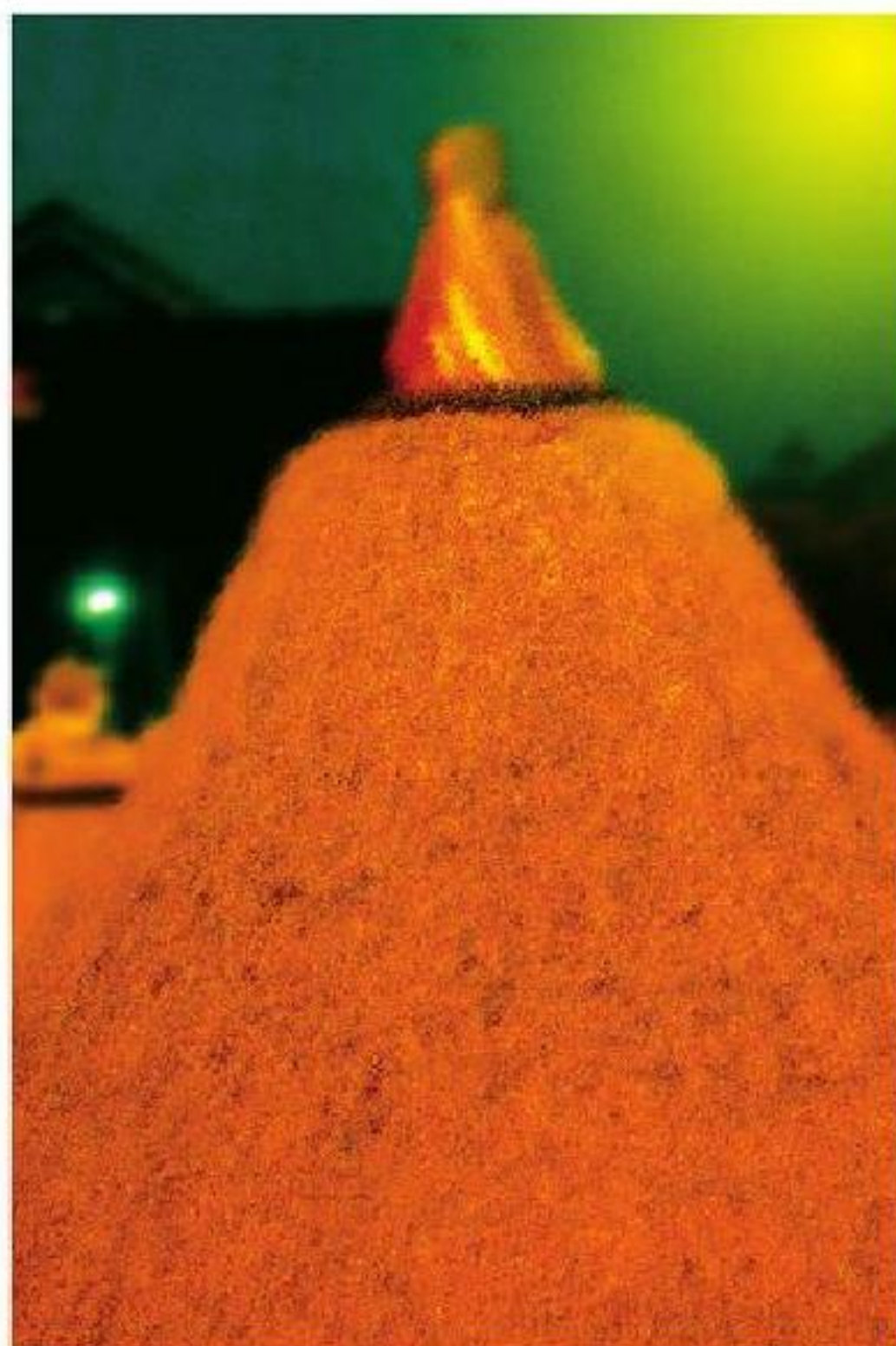
Tọa thiền đài sen



Thiến sư

Cũng có thể những chú trâu chú bò tự tiện tới ngoạm ít miếng nhai cho đỡ... ngứa răng; cũng có thể chủ nhà đã rút từng ít một hàng ngày nhen lửa, cho ai đó là hàng xóm xin về lót ổ hay rải xuống nền ràn nền chuồng cho trâu bò lợn gà được ấm áp, sạch sẽ; cũng có thể mưa gió bão lụt, năm tháng dãi dầu. Đây là nguyên do khiến cho những đồng rơm không còn nguyên vẹn. Nhưng nhờ đó, thật lạ kỳ, tự chúng đã tạo cho mình một vóc dáng, một thể đứng riêng khó lẫn lộn. Có đồng rơm nhìn đến là thân thương, có đồng rơm trở nên góm ghiếc, dữ dằn, lại có đồng rơm mới thoảng nhìn thôi đã bật cười trước cái ngô nghê điệu bộ; và cũng có đồng rơm nó khiến ta phát ngượng khi "bắt chước" tín ngưỡng phồn thực, sùng sùng như một trò đùa đầy chất dân gian song không kém phần kiêu sa linh diệu.

Ghi lại những hình dáng của rơm, cũng để nói lên một điều. Trong thế giới chúng ta đang sống, vạn vật hữu linh; kể cả rơm rạ tự nó cũng là vật thể sống. Chúng ta có thể dờ dẫm nó, xé nó ra thành từng sợi riêng rẽ phục vụ cho cuộc sống của mình nhưng chúng ta không nên coi thường, không nên chà đạp lên chúng với mục đích chỉ để thỏa mãn tính tự kỷ hay cao hơn là cuồng tín của bản thân. ■



Núi Phật



Lời cảm ơn cuộc sống

Cách đây hơn một tháng, sau đợt kiểm tra sức khỏe định kỳ, các bác sĩ phát hiện chồng tôi có những vấn đề về gan mật và chỉ định anh ấy phải tạm thời nghỉ việc để điều trị với tiên liệu là có thể phải giải phẫu. Ngoài năm mươi tuổi và chưa bao giờ phải nằm bệnh viện, những ngày đầu vào điều trị tại Bệnh viện Bình Dương, chồng tôi suy sụp thấy rõ. Vì là người trụ cột trong gia đình có ba đứa con đang trong tuổi học hành, chưa đứa nào đi làm, anh ấy cứ băn khoăn lo lắng về việc sinh hoạt gia đình và không chấp nhận thực tại. Tôi khuyên anh ấy thế nào cũng không được. Anh ấy không có thái độ hợp tác với bác sĩ để chóng lành bệnh.

Một hôm, khi vào thăm bệnh, tôi thấy anh ấy đang nói chuyện với một người lạ có phong thái ung dung. Tôi thấy anh ấy rất chăm chú lắng nghe người khách trình bày điều gì đó bằng một thái độ thật ân cần. Hai người nói chuyện với nhau tới gần ba mươi phút nữa anh ấy mới nhận ra sự có mặt của tôi. Bấy giờ, người khách lạ cũng ngừng nói chuyện, quay lại chào tôi trước khi rời phòng bệnh.

Không đợi tôi hỏi, chồng tôi vui vẻ cho biết người khách ban nãy cũng đi thăm bệnh, tình cờ lạc vào phòng chồng tôi. Thấy chồng tôi băn khoăn về bệnh tình, ông khách nán lại trò chuyện với anh ấy một vài câu. Cách nói chuyện của ông khách thu hút chồng tôi nên hai người kéo dài câu chuyện. Chồng tôi kể lại rằng ông khách đã khuyên anh ấy chấp nhận thực tại, buông bỏ những lo lắng không cần thiết vì những lo lắng như thế không giải quyết được điều gì. Anh ấy bảo rằng chính anh ấy cũng rất ngạc nhiên vì bị thuyết phục bởi phong cách nhu hòa và từ ái trong ngôn ngữ và cử chỉ của người khách lạ.

Sau hôm ấy, tôi thấy chồng tôi đổi hẳn thái độ. Anh ấy vui vẻ hơn. Mỗi khi tôi vào thăm bệnh, anh ấy không nói chuyện về bệnh tật và hỏi thăm về việc nhà nữa mà chỉ nhắc lại với tôi những kỷ niệm khi chúng tôi mới lấy nhau. Hơn một tuần lễ sau, anh ấy rời khỏi bệnh viện mà không cần đến phẫu thuật.

Ghi lại chuyện này, tôi xin cảm ơn người khách lạ đi thăm bệnh lạc đường hôm trước, đã giúp chuyển hóa tâm thế của chồng tôi, từ một người suy sụp vì bệnh trở thành một người lạc quan để sớm lành bệnh. Mong sao xã hội luôn có nhiều người có được lòng từ ái và có hiểu biết chân thực giúp chuyển hóa người khác trong những cơn tuyệt vọng.

Nguyễn Thị Minh Tuyết, Thủ Dầu Một, Bình Dương.

Cho đến năm mười một tuổi, tôi vẫn nghĩ má Năm là mẹ ruột của mình. Má Năm ít nói, nghiêm khắc, nhưng tôi biết má rất thương tôi. Tuy nghèo nhưng má vẫn lo lắng cho tôi đầy đủ. Má không có chồng. Hai mẹ con tôi sống trong một túp lều dựng bên cạnh vựa vật liệu xây dựng trên đường Tân Kỳ Tân Quý, xã Bình Hưng Hòa, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh. Má đi giao vật liệu xây dựng bằng xe ba gác đạp để kiếm tiền nuôi tôi ăn học. Khi rời má, tôi đang học lớp bốn.

Năm ấy mẹ ruột tôi xuất hiện, xin với má Năm cho tôi về với gia đình. Ban đầu tôi đã chống đối quyết liệt không muốn rời má Năm, nhưng rời má Năm khuyên nhủ và mẹ ruột tôi càng tỏ thái độ yêu thương tôi nên cuối cùng tôi đã xuôi theo. Thì ra lúc tôi mới được hơn hai tuổi, bố ruột tôi bỏ rơi mẹ con tôi. Không đủ sức nuôi thân, mẹ tôi buộc phải

giao tôi cho má Năm nuôi giúp để bươn chải mưu sinh. Gặp được người chồng sau nhân hậu, là bố dượng tôi bây giờ, mẹ tôi cho biết bà đã có một đứa con gửi người khác nuôi. Bố dượng tôi khuyên bà nên đón tôi về. Hai người đưa tôi lên sống ở Bảo Lộc, cho tôi đi học ở đó. Tôi vẫn nhớ má Năm nhưng bố mẹ tôi không có điều kiện cho tôi về thành phố thăm má Năm. Hoàn tất học trình phổ thông trung học, tôi thi đậu vào Đại học Kinh tế thành phố HCM. Về Sài Gòn học, tôi cố ý đi tìm lại má Năm nhưng lúc quay về chỗ cũ theo hồi ức thì cảnh xưa đã thay đổi. Tôi đi la khắp vùng nhưng chẳng ai còn nhớ đến má Năm đạp xe ba gác giao vật liệu xây dựng nữa.

Ngày nay tôi đã ra trường và được tuyển vào làm việc cho một công ty nước ngoài với thu nhập hàng tháng cũng khá quan. Tôi đã có dịp báo đáp cho bố dượng và mẹ ruột của mình, nhưng tôi vẫn luôn nghĩ tới má Năm, người đã nuôi tôi suốt chín năm ròng rã bằng công sức lao động của một người phụ nữ yếu ớt luống tuổi.

Con không biết má Năm đang ở đâu, có được an vui không. Nhưng dù má Năm ở đâu, còn sống hay đã qua đời, cũng xin má hiểu cho con. Lúc nào con cũng nghĩ tới má như người mẹ ruột của con. Con vẫn luôn mơ ước được gặp lại má để phụng dưỡng má.

Bố dượng và mẹ ruột của con nuôi con ăn học cũng thật vất vả, tuy vậy hai người còn được an ủi ở chỗ đã được bù đắp phần nào. Nhưng còn má...

An Hồng Sơn, quận 7, TP.HCM

Chả khoai tía

HOÀNG ANH - PHÚ XUÂN

Khoai tía là một loại khoai mỡ có ruột màu tím. Các món ăn chế biến từ khoai tía thường có màu sắc tự nhiên. Không riêng gì món chè hay món bánh khoai tía có màu sắc đặc trưng tím rìm, mà món chả khoai tía cũng có màu sắc rất đẹp mắt...

Nguyên liệu:

- Khoai tía: 1kg
- Xà lách: 100gr
- Rau thơm, húng lủi, tía tô...: mỗi loại 30gr
- Khế chua: 1 quả
- Chuối chát: 1 quả
- Dưa leo: 1 quả
- Ớt tươi: 1 trái
- Thân boarô: 1 khúc
- Tương đậu nành xay nhuyễn: 1 chén
- Mè, đậu phộng rang vàng: mỗi loại 1 muống súp
- Gia vị: muối, tiêu, đường, nước tương, dầu ăn

Cách làm:

- Khoai tía: rửa sạch vỏ. Bóc dọc, dùng muống nạo thịt khoai cho nhuyễn mịn rồi ướp với boarô băm nhỏ, muối, tiêu, xì dầu vừa ăn. Viên lại từng viên tròn đẹp rồi chiên vàng.

- Nước tương kho: Bắc chảo nóng cho vào một muống súp dầu ăn, phi thơm với boarô. Cho tương đậu nành xay nhuyễn vào, nêm chút đường vừa ăn nấu tan. Nhấc xuống cho đậu phộng, mè rang đậm nhỏ vào.

Món chả khoai tía này dùng chung với nước tương kho và rau sống các loại.

Ảnh: Võ Lộc





“Tốc độ, sáng tạo, hiệu quả trong từng hành động”

CÔNG TY CỔ PHẦN VINCOM

Vincom City Towers, 191 Bà Triệu, Hà Nội

Tel: (84-4) 39749999 / Fax: (84-4) 39748888

www.vincom.com.vn



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THÀNH HỘI PHẬT GIÁO TP.HCM

TỔ IN ẤN VÀ PHÁT HÀNH KINH SÁCH

294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Tp.HCM

Tel: (08) 38 46 97 21 - 3 99 77 100 - 0913 808 338

Email: toinanthpg@yahoo.com

THƯ NGỎ

NAM MÔ BỒN SU' THÍCH CA MÂU NI PHẬT!

Kính bạch Chư Tôn Đức Tăng Ni,
Kính thưa Quý Đạo Hữu Phật tử, nhân sĩ trí thức,

Chúng con được sự tin tưởng của Chư Tôn Đức Giáo Phẩm Thành Hội Phật giáo TP. Hồ Chí Minh ủy nhiệm giao cho trọng trách điều hành và phát triển Tổ In Ấn & Phát Hành Kinh Sách.

Với tôn chỉ “**thượng tôn Pháp Bảo**”, và tiếp nối thành quả những người đi trước để phát triển Tổ In Ấn & Phát Hành Kinh Sách của Thành hội Phật giáo TP. Hồ Chí Minh ngày càng có hiệu quả, nêu cao được ý nghĩa “**Văn hóa Phật giáo**” qua các ấn phẩm có giá trị sâu sắc về Phật giáo như kinh điển, luật học, triết học, luận giải, văn học của Phật giáo v.v..., chúng con rất cần sự giúp đỡ trợ duyên, chỉ dạy góp ý của chư tôn đức Tăng Ni và sự hợp tác của các tác giả với những tác phẩm mang tinh thần Phật giáo, đặc biệt là những tác phẩm mới đáp ứng nhu cầu tu học của Tăng Ni Phật tử với công chúng hiện nay.

Nhân đây, chúng con cũng xin trân trọng thông báo đến với Quý khách hàng, các đại lý của Tổ In Ấn & Phát Hành Kinh Sách từ trước tới nay và rất mong tiếp tục cùng hợp tác phát hành với các đại lý, các phòng phát hành kinh sách trong và ngoài nước. Chúng con sẽ giảm giá 5% đối với tất cả các đầu sách cho Tăng Ni.

Trong “**tinh thần phụng sự Đạo pháp và phục vụ giáo hội**” nhằm phổ biến rộng rãi các ấn phẩm Phật giáo trong mọi thời đại, chúng con rất mong nhận được sự quan tâm giúp đỡ và sự hợp tác của Chư Tôn đức Tăng Ni, Quý đạo hữu Phật tử, Quý Nhân sĩ trí thức, các đại lý, phòng phát hành kinh sách trong tinh thần truyền bá chánh pháp đạo Phật đến với mọi người.

Kính chúc vô lượng an lạc! Vô lượng cát tường!

NAM MÔ THƯỜNG HOAN HỖ BỒ TÁT MAHA TÁT

Kính thư

Đại diện **Tổ In Ấn & Phát Hành Kinh Sách**
Phật tử HOA MINH



**QUÀ LƯU NIỆM - TRANG TRÍ
ĐÓ THỜ CÙNG - TƯỢNG PHẬT MẠ VÀNG**

**158 Nguyễn Chí Thanh, Phường 3, Quận 10, TP.HCM
ĐT: 38.355.590 - DD: 0983 675 570**

QUÁN CHAY

pháp uyển

ẨM THỰC - HỘI HỌA - CAFEBOOK - TRÀ CỤ
mở cửa từ 7 giờ đến 21 giờ mỗi ngày

17/4 Nguyễn Huy Tường, Phường 6, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
Email: lienhe@phapuyen.com - Phone: 08 35035 579

◉ **Sách đặc biệt hay của tác giả Nguyễn Nhân**

1. Tu theo pháp môn nào của đạo Phật để giác ngộ

Giá bán: 27.000đ/1 quyển

2. Những câu hỏi về Thiên tông

Giá bán: 23.500đ/1 quyển

3. Hành động phương pháp Phật dạy chắc chắn được giác ngộ giải thoát

Giá bán: 30.000đ/1 quyển

- ◻ Sách chỉ rõ cách ngồi thiền và nhận ra Phật tánh đối với ai thích tìm hiểu.
- ◻ Có 5 pháp môn: Mật tông, Tịnh Độ tông, Thiền Nguyên thủy, Thiền Phát triển và Thiền tông.
- ◻ Được xếp vào hàng sách quý, nếu giữ lâu thành gia bảo.

❖ **Liên hệ:** Cô **Nguyễn Thu Thảo** phòng rằng Nguyễn Công Nhân
362 Lý Thái Tổ, Q. 3, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 08. 38. 324. 846 (đối diện cây xăng ngã 7)

viet-art

**HỌA PHẨM : LOUVRE, LEFRANC, LIQUITEX, CONTÉ À PARIS
GIẤY HỘT HỌA: CANSON, MONTVAL, MI-TEINTES, FIGUERAS**

Địa chỉ: 9/2A Hoàng Hoa Thám, Bình Thạnh, Ho Chi Minh City VIETNAM
Tel: 84-38-5511942 • Fax: 84-38-5108212 • E-mail: vietartsupply@gmail.com

PHÒNG PHÁT HÀNH VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO

Hương Sen

CUNG CẤP SĨ VÀ LỄ

- ◻ Tranh - thiệp thư pháp
- ◻ Tranh tượng Phật bằng đá quý các loại và xi mạ vàng 18k
- ◻ Bông, đĩa, kính và sách Phật giáo
- ◻ Y phục tu sĩ và cư sĩ Phật giáo
- ◻ Chuỗi niệm Phật bằng các loại đá quý và bán quý
- ◻ Các vật dụng thờ cúng Phật

ĐT: 08.38432152 - DD: 0913916036
Email: kimhuongthinhyn@yahoo.com
Địa chỉ: 308 Nguyễn Văn Đậu
P.11, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

CỬA HÀNG VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO
Thủ Công Mỹ Nghệ Cao Cấp

Hoa Nghiêm



82/112 Lý Chính Thắng, Phường 8, Quận 3, TP.HCM.
(cửa hẻm 380 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, đối diện chùa Vĩnh Nghiêm)
ĐT: (84.8) 22.128.757
E-mail: hoanghiem09@yahoo.com.vn

Chuyên cung cấp các sản phẩm nghệ thuật văn hóa Phật giáo sĩ & lễ:

- Tượng điêu khắc nghệ thuật cao cấp bằng gỗ, đá, đồng theo các truyền thống PG.
- Tượng mạ vàng, tranh vẽ (Thangka) theo truyền thống Tây Tạng, Trung Quốc.
- Nhận chế tạo tượng Phật lớn cho các công trình, chùa, viện.
- Chuông mõ, tháp xá lợi, lư hương, trầm hương, đèn hoa sen.
- Pháp phục tu sĩ & cư sĩ, hàng lưu niệm, chuỗi hạt san hô, hồ phách, v.v....
- Các loại trà & trà cụ.
- Kinh sách Phật học nghiên cứu.

◻ **Kính mời**

Quý độc giả đặt tạp chí Văn Hóa Phật Giáo dài hạn cho năm 2010, xin điền vào mẫu đính kèm như hình bên và gửi đến tòa soạn.

VĂN HÓA

PHIẾU ĐẶT BÁO DÀI HẠN

Tạp chí VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Ban phát hành
254 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, TP.HCM.
ĐT: (84.8) 22.128.757
Email: vanhoaphatgiaonhien.vn

☎ 11804796
Số độc giả đăng ký

Bản đăng ký độc giả đăng ký

Bản đăng ký độc giả đăng ký

Tạp chí VĂN HÓA PHẬT GIÁO

Tải đăng ký đặt mua Tạp chí VĂN HÓA PHẬT GIÁO

◻ 12 số đầu năm 190.000đ
◻ 12 số cuối năm 190.000đ
◻ Nguyên năm 380.000đ
Bắt đầu từ số: đến số:
Tự tháng: (2010) đến tháng: (2010)

PHÁT HÀNH MỖI THÁNG 2 KỶ

Thư viện độc giả được cấp cho các độc giả đăng ký từ 12 số đầu năm 2010 đến cuối năm 2010. Độc giả đăng ký từ 12 số cuối năm 2010 đến cuối năm 2011. Độc giả đăng ký từ 12 số đầu năm 2012 đến cuối năm 2012.

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Họ và tên:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Email:

Số tài khoản:

Ngày: tháng: năm: 2010

Bản đăng ký độc giả đăng ký

Bản đăng ký độc giả đăng ký

HƯỚNG DẪN THANH TOÁN

Chuyển khoản qua ngân hàng

• Chuyển khoản qua ngân hàng

• Chuyển khoản qua ngân hàng

• Chuyển khoản qua ngân hàng

• Chuyển khoản qua ngân hàng

• Chuyển khoản qua ngân hàng

• Chuyển khoản qua ngân hàng

• Chuyển khoản qua ngân hàng

HÃY ĂN CHAY TRƯỜNG, SỐNG XANH, CỨU HÀNH TINH

Cải thiện Đời Sống ♥ Biến đổi Tâm Hồn ♥ Thay cách Dinh Dưỡng ♥ Không còn sát sinh ♥ Sống lành mạnh, sống từ bi

LỐI SỐNG MỚI

Một vài thực phẩm chay tiêu biểu, bổ dưỡng, cứu sinh mạng:

Thực phẩm	Tỷ lệ chất đạm (theo trọng lượng)
Đậu hũ (từ đậu nành)	16 %
Mì cằn (từ bột)	70 %
Bắp (ngô)	13 %
Gạo	8.6 %
Các loại đậu: Đậu nành, đậu tây, đậu garbanzo, đậu lăng, v.v...	10 - 35 %
Các loại hạt: Hạnh nhân, hạt hồ đào, hạt điều, hạt phỉ, hạt thông, v.v...	14 - 30 %
Hạt bí đỏ, hạt mè, hạt hướng dương, v.v...	18 - 24 %

- Thuốc bổ đa sinh tố (loại cô đặc) cũng là một nguồn vitamin, chất khoáng và chống oxy hóa rất tốt.
- Rau cải, trái cây có rất nhiều chất dinh dưỡng như sinh tố, chất khoáng, chất chống oxy hóa, chất sợi có chất lượng cao, tăng cường sức khỏe và tuổi thọ.
- Số lượng chất đạm nên có mỗi ngày: 50 gram (trung bình cho người lớn).
- Chất với từ rau cải dễ hấp thụ hơn chất với từ sữa bò.

- Để giảm thiểu nguy cơ của dịch cúm gia cầm lan tràn khắp thế giới
- Trước hiểm họa của bệnh bò điên và dịch lợn, v.v...
- Để chấm dứt sự sát hại tàn khốc đang liên tục diễn ra hàng ngày cho hàng tỷ bạn gia súc hiền lành, những loài sinh vật dưới đại dương và gia cầm, chim muông

Chuyến sang ăn chay trường là điều sáng suốt.

Ăn chay vì sức khỏe

Ăn chay vì kinh tế

Ăn chay vì môi sinh

Ăn chay cao thượng

Ăn chay từ bi

Ăn chay hòa bình

Xin

cầu nguyện

cho bạn

Cảm ơn

lòng từ bi của bạn



**Cứu mạng
chúng em!
Chúng em
thương bạn!**



**Chúc bạn
sống lâu!**

Supreme Master Television

Truyền hình không định cho một thế giới hòa bình

Trình chiếu khắp nơi trên thế giới 24/24 qua 14 vệ tinh và trực tuyến truyền hình: www.SupremeMasterTV.com

Galaxy 25, Hispasat, Intelsat 907, ABS, Astra 1, AsiaSat 2, AsianSat 35, B Sky B

Intelsat 10 C-Band, Intelsat 10 KU-Band, Optus D2, Eurobird, Eurobird 2, Hotbird

Danh Nhân Trường Chay Trên Thế Giới

Các Bậc Hiền Triết & Lãnh Đạo Tinh Thần Paramahansa Yogananda (Đạo Sư Ấn Độ), Socrates (triết gia Hy Lạp), Chúa Giê-su, Khổng Tử, Phật Thích Ca, Lão Tử, Thánh Francis Assisi, Thiên Sư Nhất Hạnh, Yogi Maharishi Mahesh (Đạo Sư Ấn Độ), Pythagoras (nhà toán học & triết gia Hy Lạp), Tiên Tri Zoroaster (sáng lập Hỏa giáo Ba Tư), Muhammad Rahaime Bawa Muhiyadeen (Thánh nhân Hồi giáo Sufi), v.v. ...

Văn Nghệ Sĩ Leonardo Da Vinci (họa sĩ Ý), Leo Tolstoy (văn hóa Nga), Ralph Waldo Emerson (thi sĩ Hoa Kỳ), George Bernard Shaw (văn sĩ Ai Nhĩ Lan), John Robbins (tác giả Hoa Kỳ), Mark Twain (văn sĩ Hoa Kỳ), Albert Schweitzer (bác sĩ & nhạc sĩ Đức), Voltaire (văn sĩ Pháp), Sadegh Hedayat (nhà văn Ba Tư), v.v. ...

Khoa Học Gia & Nhà Phát Minh Charles Darwin (nhà thiên nhiên học Anh), Albert Einstein (khoa học gia Đức), Thomas Edison (nhà phát minh Hoa Kỳ), Isaac Newton (khoa học gia Anh), Nikola Tesla (nhà phát minh Serbia & Hoa Kỳ), Henry Ford (nhà sáng lập công ty Ford Motors, Hoa Kỳ), v.v. ...

Chính Trị Gia & Nhà Tranh Đấu Susan B. Anthony (nhà lãnh đạo Hoa Kỳ ủng hộ quyền bầu cử của nữ giới), Mahatma Gandhi (nhà tranh đấu dân quyền Ấn), Coretta Scott King (nhà lãnh đạo dân quyền Hoa Kỳ & phu nhân Tiên si Martin Luther King, Jr.), Tiên si Janez Drnovšek (Tổng thống Slovenia), Tiên si Manmohan Singh (Thủ tướng Ấn Độ), Dennis J. Kucinich (Thượng nghị sĩ Hoa Kỳ), v.v. ...

Diễn Viên & Người Mẫu Tài tử Pháp: Brigitte Bardot | Tài tử Anh: John Cleese, Ian McKellen, Kate Winslet | Tài tử Úc: Naomi Watts | Tài tử & diễn viên Hoa Kỳ: Pamela Anderson, Danny Devito, David Duchovny, Richard Gere, Daryl Hannah, Dustin Hoffman, Ashley Judd, Steve Martin, Tobey Maguire, Paul Newman, Joaquin Phoenix, Steven Seagal, Jerry Seinfeld | Siêu người mẫu Hoa Kỳ: Christie Brinkley, Christy Turlington, v.v. ...

Ca Nhạc Sĩ George Harrison - Paul McCartney - Ringo Starr (ban nhạc Beatles), Bob Dylan (Hoa Kỳ), Michael Jackson (Hoa Kỳ), Morrissey (Anh), Olivia Newton John (Anh-Úc Đại Lợi), Sinead O'Connor (Ái Nhĩ Lan), Pink (Hoa Kỳ), Prince (Hoa Kỳ), Tina Turner (Gia Na Đa), Vanessa Williams (Hoa Kỳ), v.v. ...

Lực Sĩ Billie Jean King (vô địch quần vợt Hoa Kỳ), Bill Walton (ngôi sao bóng rổ Hoa Kỳ), Carl Lewis (lực sĩ Hoa Kỳ), 9 lần thắng huy chương vàng điển kinh Thế Vận Hội), Edwln C. Moses (lực sĩ Hoa Kỳ, 2 lần thắng huy chương vàng điển kinh Thế Vận Hội), Alexander Dargatz (lực sĩ, vô địch thể hình, bác sĩ Đức), v.v. ...

Và còn nhiều vị nữa... Xin viếng: <http://AL.Godsdirectcontact.org.tw/vg-vip>

CÁCH NHANH NHẤT ĐỂ GIẢM 80% HÂM NÓNG TOÀN CẦU LÀ DỪNG SẢN PHẨM KHÔNG ĐỘNG VẬT



ĐỂ BIẾT THÊM THÔNG TIN KHẨN CẤP, XIN VIẾNG: www.SupremeMasterTV.com

Đón đọc

VĂN HÓA

P HẬT G I Á O

Số 97

Phát hành ngày 15 - 1 - 2010

CÁC ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH:

HÀ NỘI

Cửa hàng sách Hồng Vân
74 Quán Sứ, Hà Nội
ĐT: 0913 017 920

Cửa hàng sách Chân Tịnh
79 khu B tập thể Trường Đại học
Kiến trúc, Km 10, đường Nguyễn Trãi,
quận Thanh Xuân, Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0904 990 666

Cửa hàng sách Chân Tịnh
A38 TT8 Khu đô thị Văn Quán,
Hà Đông - Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0938 071 188

THỪA THIÊN-HUẾ

Anh Trần Văn Tý
Tuệ Tĩnh đường Hải Đức
182 Phan Bội Châu, TP. Huế
ĐT: 0905 168 411

ĐÀ NẴNG

Chị Thủy, 200 Tô Hiến Thành,
Q. Sơn Trà - TP. Đà Nẵng
ĐT: 0905 278 527

Thượng tọa Thích Từ Nghiêm,
chùa Phố Đà
340 Phan Chu Trinh, TP. Đà Nẵng
ĐT: 0914 018 093

Phòng Kinh sách chùa Pháp Lâm
(Thành hội Phật giáo Đà Nẵng)
500 Ông Ích Khiêm, TP. Đà Nẵng
ĐT: 05113873128

QUẢNG NGÃI

Phòng phát hành
Văn hóa phẩm Phật giáo
334 Trần Hưng đạo, TP. Quảng Ngãi
ĐT: 055 2221 819 - 0905 427 211
(chị Linh)

BÌNH ĐỊNH

Chùa Long Khánh
Tỉnh Hội Phật giáo Bình Định, TP. Quy
Nhơn - Bình Định
LH: Anh Trần Ngọc Đạt
ĐT: 0979 178 869

KHÁNH HÒA

Chị Hương,
Thư quán Hy Mã Lạp Sơn, Chùa Long Sơn
số 20 đường 23 tháng 10,
TP. Nha Trang
ĐT: 058 2241 868 - 0168 2552 374

ĐAKLAK

Thầy Thích Nguyên Huân,
chùa Sắc tứ Khải Đoan, 117 Phan Bội
Châu, TP. Buôn Ma Thuột
ĐT: 0500 3853837 - 0913 434 138

LÂM ĐỒNG

Thầy Thích Minh Tuệ
90B/32 Vạn Hạnh P.8, TP. Đà Lạt
ĐT: 063 3552 922

Nhà sách Duy Tân
31 đường 3 tháng 2, TP. Đà Lạt
ĐT: 063 3821 188

BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Cô Vân, Chùa Từ Quang
102 Hạ Long, P.1, TP. Vũng Tàu
Bà Rịa-Vũng Tàu
ĐT: 064 3856 415

Tịnh Thất Long Thiên
Núi Dinh, xã Hội Bài, huyện Tân Thành - Bà
Rịa Vũng tàu
LH: Sư cô Liên Đức
ĐT: 0643 941 099

SÓC TRĂNG

Đại đức Thích Trung Hữu
22 Ngô Gia Tự, Sóc Trăng
ĐT: 0907 465 073

CẦN THƠ

Chị Tâm, Phòng phát hành
128 Nguyễn An Ninh, Q. Ninh Kiều,
ĐT: 0939282636

Thầy Thích Minh Thông,
chùa Phật Học, 11 Đại lộ Hòa Bình,
TP. Cần Thơ
ĐT: 0918800707 - 07103827685

TIỀN GIANG

Ni sư Tịnh Nghiêm, Chùa Tịnh Nghiêm
145 ấp Mỹ An, xã Mỹ Song,
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.874.469 - 0913.601.656

Đại lý Mây Hồng, 57 Lý Thường Kiệt
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.877.054

VĨNH LONG

Nhà sách Khánh Tường
135B đường 2 tháng 9, P.1
thị xã Vĩnh Long
ĐT: 0703.834.654 - 0936.237.832
(Chú Tư Nở)

TP. HỒ CHÍ MINH

Tại tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q. 3
ĐT: 38.484.335

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 12.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG